



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Email: baivochanhphap@gmail.com

Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Siêu**

Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thí hữu tân đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**

Hình bìa: **TV Truyền Thông**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:
(714) 266-4171

• Chi phiếu ủng hộ xin ghi:
CHANH PHAP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840
hoặc Zelle số phone: **714.266.4171**
(Memo ghi "Ủng hộ CP" -
xin gọi hoặc nhắn tin trước khi zelle)

*

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thế hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chi còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thí hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- THƯ TÒA SOẠN, trang 2
- TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI (Diệu Âm lược dịch), trang 4
- MỪNG NGÀY PHẬT ĐẢN, KỶ NIỆM PHẬT ĐẢN (thơ HT Thích Thắng Hoan), trang 6
- NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÂU-MỸ, t.t. (HT. Thích Trí Chơn), trang 7
- KHOẢNH KHẮC LÂM TỶ NI (thơ Đồng Thiện), trang 8
- GIÁO DỤC VÔ THƯỜNG: AI RỜI CUNG CHẾT (Nguyên Siêu), trang 9
- VÊ THEO ÁNH ĐẠO VÀNG, DƯỚI BÓNG PHẬT ĐÀI (thơ Tôn Nữ Mỹ Hạnh), trang 11
- THÔNGIỆP PHẬT ĐẢN (Sa-môn Thích Tín Nghĩa), trang 12
- ĐỜI SỐNG VÀ TÂM GƯƠNG ĐỨC PHẬT (Đạo Sinh), trang 13
- PHẬT VỀ (thơ Mặc Phương Tử), trang 16
- PHẬT LỊCH VÀ PHẬT ĐẢN (Trần Việt Long), trang 17
- KÍNH MỪNG PHẬT ĐẢN (thơ Trúc Nguyên Thích Chúc Hiền), trang 18
- MÀU Y BỘ PHÁI – LIÊN HỆ ĐẾN NHUỘM TỊNH VÀ ĐIỂM TỊNH (Bhikku Cittacakkhu) trang 20
- THÔNG BÁO SỐ 2: KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN 12 (HT. Thích Nguyên Siêu), trang 24
- QUÁN "NGŨ THỦ UẨN" TRONG KINH TỨ NIỆM XŨ (Tn Hằng Như), trang 26
- KÍNH MỪNG PHẬT ĐẢN (thơ Minh Đạo), trang 29
- NGƯỜI TỰ THẮNG (Nhóm Áo Lam), trang 30
- TÂM THƯ KÊU GỌI ỦNG HỘ NGƯỜI DÂN MYANMAR & THẢI LAN SAU ĐỘNG ĐẤT (HT. Thích Nguyên Siêu), trang 33
- TỨ CÚ LỤC BÁT "LẮNG NGHE" (thơ Vĩnh Hữu Tâm Không), trang 35
- THÔNGIỆP TỪ CHỐI VƯƠNG QUYỀN, KHAI SÁNG NHÂN QUYỀN (Trần Triết), trang 36
- NĂM MƯƠI NĂM PHÁT TRIỂN PGVN TẠI CALIFORNIA, t.t. (Thích Từ Lực và TH Huỳnh Kim Quang), trang 39
- QUỶ TRONG NHÀ CŨ (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 43
- VÔ THƯỜNG, THIÊN NHIÊN VÀ TÔI (thơ Trần Quý Trung), trang 47
- TRUYỆN CỰC NGẮN (Steven N), trang 48
- SEN NỞ DƯỚI CHÂN NGƯỜI (thơ Nguyễn An Bình), trang 49
- ĐẾN ĐI GIỮA ĐẤT TRỜI (Tiểu Lục Thần Phong), trang 50
- ĐẤT TRỜI VÀNG SẮC SÁNG (thơ Thanh Nguyễn), trang 53
- ĐỌC TIỂU LỤC THẦN PHONG – NGÔI BÚT HOÀI CẢM VÀ HIỆN THỰC (Uyên Nguyên), trang 54
- TIẾNG VE THỜI TRẺ CON (thơ Trần Hoàng Vy), trang 55
- VẤN ĐÁP ÂM THỰC (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 56
- HÒA THƯỢNG VÀ CHỦ TIỂU (Hàn Long Ân dịch), trang 60
- CỜ TRỜI TẬP 2 – chương 15, t.t. (truyện dài Vĩnh Hào), tr. 61
- ĐÓA HOA THIÊNG, NGHÌN NĂM SAU TRƯỚC, THỜ... (thơ Tịnh Bình), trang 65
- THE STORY OF THERA SARIPUTTA (Daw Tin), trang 66
- BÒ TÁT THỊ HIỆN, THIÊN HÀNH (thơ Diệu Viên), trang 67
- CÁI ĐUÔI CHÓ XOÀN RUỘT GÀ (Truyện cổ Phật giáo), trang 68

Báo Chánh Pháp số 162, tháng 05 năm 2025, do Tu Viện Quán Âm (San Diego California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn ph. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý hội và chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư tòa soạn

BÌNH ĐẲNG TÁNH, BÌNH ĐẲNG XÃ HỘI

Khi đạt được tuệ giác viên mãn dưới cội bồ-đề, Đức Phật đã nhận ra rằng tất cả chúng sanh đều sẵn có trí tuệ, đức tánh của Như Lai (1). Nghĩa là trên mặt lý tánh, bản thể, chúng sanh và Phật bình đẳng như nhau. Đức Phật có thể đạt đến trí tuệ vô thượng thì chúng sanh cũng có thể đạt được điều đó.

Từ sự minh định về Phật tánh hàm tàng nơi tất cả chúng sanh, Đức Phật đã chỉ dạy phương thức tu tập, hành trì Tứ Diệu Đế - Bốn Chân Lý Vi Diệu (2); qua đó, minh thị một cách bình đẳng rằng ai, bất cứ người nào, chúng sanh nào, sinh ra trong cõi đời này đều không thể tránh khỏi khổ đau của sanh, già, bệnh, chết, và nếu nỗ lực tu tập, thực hành miên mật, đúng phương pháp (do ngài hướng dẫn), cũng đều có thể thoát ly khổ não, đạt đến niết-bàn an vui.

Như vậy, chúng sanh bình đẳng trong khổ đau thì cũng bình đẳng trong sự tu tập để vượt khỏi khổ đau.

Từ nhận thức về tính cách bình đẳng này, Đức Phật tuyên bố: "*Không có giai cấp trong dòng máu cùng đỏ và nước mắt cùng mặn như nhau.*" Tuyên ngôn này mở ra sự khai phóng trong tâm thức cá nhân và cộng đồng xã hội, và đã được Đức Phật làm gương trong sự thành lập Tăng-đoàn.

Tăng-đoàn là cộng đồng tăng lữ chung sống hòa hợp, bình đẳng dưới sự lãnh đạo tinh thần của Đức Phật, và kỷ cương của giới luật. Trong cộng đồng ấy, không có sự phân biệt giữa người gánh phân và hàng vương giả (như Ưu-ba-ly và Đức Phật, từng là Thái-tử vương quốc Ca-tì-la-vệ), người kỹ nữ và hàng quốc thích (như hoàng tử Nan-đà, em cùng cha khác mẹ của Phật), thợ hớt tóc hay người thương gia... Tất cả những người từ các giai tầng xã hội đều được Đức Phật đón nhận vào hàng ngũ xuất gia một cách bình đẳng với chủ trương hòa kính (3), tôn trọng lẫn nhau trong mọi sinh hoạt.

Đối với người cư sĩ tại gia, Đức Phật dạy Bốn Nhiếp Pháp (4) để họ vừa tu tập, vừa góp phần chuyển hóa xã hội. Cư sĩ tại

gia là những sứ giả của Phật, sống và tiếp cận xã hội hàng ngày, nên sự thực hành Bốn Nhiếp Pháp của họ chính là cách để cảm hóa tự thân, và cũng là cảm hóa xã hội, xóa dần biên giới giữa các giai cấp, phú quý hay tiện dân, chủ nhân hay nô bộc...

Nói chung, Đức Phật ra đời không ngoài việc đánh thức Phật tánh sẵn có của mỗi chúng sanh, hướng dẫn con đường thoát khổ để đạt đến an vui thực sự. Con đường ấy đặt trên nền tảng của tánh Phật bình đẳng; cũng là con đường góp phần cho niềm phúc lạc an sinh của các cộng đồng xã hội trong toàn cõi nhân gian.

Tưởng niệm ngày sinh của Đức Thế Tôn, người con Phật từ ý tưởng đến ngôn ngữ và hành động, cần tiếp xử bình đẳng với tất cả mọi người, tất cả chúng sanh; trong thì nghiêm túc thực hiện pháp Lục Hòa, ngoài thì tận tụy thực hành Tứ Nhiếp Pháp. Người con Phật xuất gia hay tại gia, cần đứng trên tất cả để có thể nhìn thấy mặt thực và mặt trái của con người trong xã hội, quốc gia. Nhìn cho đúng, nghe cho rõ, tự trong bản chất của mỗi vấn đề mới có thể nói năng và hành động đúng Chánh Pháp. Được vậy mới hiển lộ được Phật chất trong cuộc đời.

- 1) "*Đại địa chúng sanh giai hữu Như Lai trí tuệ, đức tánh*" nghĩa là tất cả chúng sanh đều hàm hữu trí tuệ, đức tánh của Như Lai; hoặc "*Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh*" - Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.
- 2) Tứ Diệu Đế (hay Tứ Đế) là bốn Chân Lý (Sự thật) vi diệu, cao quý: Khổ đế: Chân lý về sự khổ; Tập đế: Chân lý về nguyên nhân dẫn đến khổ; Diệt đế: Chân lý về sự an vui, giải thoát (hoàn toàn mọi khổ đau); và Đạo đế: Chân lý về con đường tu tập viên ly thống khổ.
- 3) Lục hòa (hay Sáu pháp hòa kính - Lục hòa kính): **1. Thân hòa đồng trú:** sống chung trong một trú xứ/hoàn cảnh một



cách hòa hợp, bình đẳng; **2. Khẩu hòa vô tranh:** giữ sự hòa hợp trong nói năng, ngôn ngữ giao tiếp, không tranh cãi vì những bất đồng; **3. Ý hòa đồng duyệt:** giữ tâm ý hòa hợp, hoan hỷ, không chống trái nhau; **4. Kiến hòa đồng giải:** trao đổi về kiến giải trong sự hòa hợp, cảm thông; **5. Giới hòa đồng tu:** bình đẳng hòa hợp trong việc tuân thủ giới pháp; **6. Lợi hòa đồng quân:** bình đẳng chia sẻ quyền lợi từ nhỏ đến lớn trong sự hòa hợp, vui vẻ.

- 4) Trong Kinh Châu-Na, Đức Phật dạy Sáu Pháp Uy Lao, được HT. Tuệ Sỹ chú thích như sau: "Ủy lao pháp 慰勞法, thường được biết là sáu pháp hòa kính hay lục hòa. Tập Di 15 (No Đại 26.1536, tr.431b), gọi là sáu pháp khả hỷ. Pāli: cha sārāṇiyā dhammā." (Xem Kinh Châu-Na, Phẩm 18, trang 257-258, Trung A-hàm Quyển 4, Thanh Văn Tạng Tập 6, Kinh Bộ VI, Hội Ấn Hành Đại Tạng Kinh VN xuất bản năm 2022).

Tứ nhiếp pháp (hay Tứ nhiếp sự): 四攝法; S: catvāri-saṃgrahavastūni - Bốn

cách tiếp dẫn chúng sinh của Đại thừa:

1. Bố thí (布施; S: dāna); **2. Ái ngữ** (愛語; S: priyavādītā), nghĩa là dùng lời hay, đẹp để chinh phục người; **3. Lợi hạnh** (利行; S: arthacaryā), hành động vị tha; **4. Đồng sự** (同事; S: samānārthatā), cùng chung làm với những người thiện cũng như ác để hướng dẫn họ đến bờ giác. (Theo Từ Điển Phật Học Online)

HT. Thích Đức Thắng nói trong phần mở đầu bài giảng Tứ Nhiếp Pháp: "*Bốn phương pháp này khiến cho các hàng đệ tử Thịnh Văn thừa và Bồ-tát thừa sinh khởi lên lòng thân ái, để hướng dẫn chúng sanh hữu tình đi vào Đạo một cách dễ dàng và nhẹ nhàng nhất về cả hai mặt tinh thần lẫn vật chất, đáp ứng và thỏa mãn được những nhu cầu tịnh cảm có được của họ mà dù dắt. Ở đây, cả hai đều có lợi: một bên hoàn thành hạnh nguyện Bồ-tát của mình, một bên xa lánh được tà kiến vô minh để trở về với chánh kiến giải thoát.*" (Tứ Nhiếp Pháp, HT. Thích Đức Thắng - Thư Viện Hoa Sen)

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

ĐÀI LOAN: Các tổ chức từ thiện Phật giáo Đài Loan gửi hàng cứu trợ thảm họa động đất tới Miến Điện

Ngày 7-4-2025, 2 tổ chức từ thiện Phật giáo có trụ sở tại Đài Loan đã thông báo rằng họ đã chuyển hàng cứu trợ riêng cho Miến Điện sau trận động đất mạnh 8.2 độ richter tấn công quốc gia này vào cuối tháng 3.

Tu viện Phật Quang Sơn cho biết nhóm cứu trợ của họ, bao gồm các thành viên từ Đội cứu hộ Phật Quang Sơn (chi nhánh Mã Lai) và Yayasan Sin Chew, đã đến Mandalay vào thứ Sáu ngày 4-4 với 3.3 tấn hàng cứu trợ khẩn cấp.

Theo công bố của nhóm, Hòa thượng Hsin Bao, người đứng đầu tu viện, đã dẫn đầu nhóm cung cấp thực phẩm, dụng cụ khai quật và các bộ dụng cụ y tế đến những khu vực bị ảnh hưởng nặng nề.

Trong khi đó, trong một tuyên bố riêng được đưa ra vào ngày 31-3-2025, Hội Từ Tế cho biết họ đã gửi 80 giường, 690 chăn mền và các mặt hàng thực phẩm, bao gồm gạo và mì qua đường hàng không.

Trận động đất mạnh 8,2 độ richter xảy ra ở quốc gia Đông Nam Á này vào ngày 28-3 đã khiến ít nhất 3,400 người thiệt mạng, 214 người mất tích và hơn 4,600 người bị thương, theo chính phủ Miến Điện.

Cả Tu viện Phật Quang Sơn và Hội Từ Tế đều cam kết tiếp tục các nỗ lực hỗ trợ của họ.

(Focus Taiwan – April 4, 2025)



Một ngôi chùa tại Miến Điện bị sụp đổ do động đất

Photo: Fo Guang Shan Monastery



Hai tổ chức từ thiện Phật Quang Sơn và Từ Tế có trụ sở tại Đài Loan chuyển hàng cứu trợ động đất cho Miến Điện
Photos: Fo Guang Shan Monastery & Tzu Chi Foundation

BẮC HÀN: Phát hiện tượng Phật A Di Đà bằng đá ở Tỉnh Nam Phyongan

Gần đây, một tượng Phật bằng đá có niên đại từ những năm đầu của thời Koryo (918-1392) đã được khai quật tại Yakjon-ri, Huyện Sukchon, Tỉnh Nam Phyongan của Bắc Hàn và được xếp hạng là một di tích bảo tồn.

Tượng Phật bằng đá này cao 171 cm và dày từ 26 đến 54 cm.

Qua phân tích vị trí hai bàn tay của Đức Phật và miêu tả khác, các học giả đã xác định đây chính là tượng Phật A Di Đà. Họ cũng khảo sát kỹ các mảnh ngói từ xung quanh và phát hiện ra rằng ngày sản xuất của nó là vào đầu thế kỷ thứ 10, những năm đầu của thời Koryo.

Tượng Phật bằng đá, được tạo tác bằng các kỹ năng tinh

tế và khéo léo, sẽ giúp ích rất nhiều cho việc nghiên cứu lịch sử và văn hóa trong thời kỳ Koryo vì đây là một di sản quý giá khác thể hiện tài năng và trí tuệ xuất chúng của tổ tiên người Hàn Quốc.

(kcna.kp – April 3, 2025)



Tượng Phật A Di Đà bằng đá ở Tỉnh Nam Phyongan (Bắc Hàn)
Photo: Explore DPRK

TÂY BAN NHA: Hội nghị Phật giáo lần thứ năm tại Madrid về Phật giáo Nguyên thủy

Arya Tara Centro de Retiros budista Arya Tara (Trung tâm Nhập thất Phật giáo Arya Tara) ở Tây Ban Nha thông báo sẽ tổ chức hội nghị Phật giáo thường niên lần thứ năm với chủ đề "V Jornadas de Budismo en Madrid: Budismo Theravada" tại thủ đô Madrid vào ngày 22-11-2025. Hội nghị năm nay sẽ tập trung vào những biểu hiện khác nhau của truyền thống Nguyên Thủy.

Centro de Retiros budista Arya Tara thông báo, "Hội nghị Phật giáo năm nay dành riêng cho Phật giáo Nguyên thủy, Trường phái của các Trưởng lão, trường phái thực ra là một trong 18 trường phái vốn đều là một phần của Phật giáo Tiểu thừa . . . Thuật ngữ Nguyên thủy đã trở thành từ đồng nghĩa với phong cách Phật giáo này vì đây là trường phái duy nhất còn tồn tại."

Centro de Retiros budista Arya Tara là một hiệp hội phi lợi nhuận tại Madrid. Là trung tâm tinh tâm Phật giáo đầu tiên tại Madrid, nơi đây được đặt tên là "Arya Tara" theo từ arya (đáng kính) và Tara - biểu hiện của khía cạnh nữ tính

của Phật giáo. Là một trung tâm tinh tâm Phật giáo phi giáo phái, Centro de Retiros budista Arya Tara mở cửa cho tất cả các truyền thống và nhánh của Phật giáo.

(Buddhistdoor Global – April 2, 2025)



Poster của Hội nghị Phật giáo lần thứ 5 tại Madrid về Phật giáo Nguyên thủy

Photo: Centro de Retiros budista

THÁI LAN: Thủ tướng Thái Lan tặng Thủ tướng Ấn Độ Modi bộ kinh điển phiên âm Tam Tạng Thế giới

BANGKOK, Thái Lan - Trong một biểu hiện đặc biệt nhằm nêu bật mối liên kết văn minh chung được củng cố bởi các mối quan hệ văn hóa, ngôn ngữ và tôn giáo giữa Ấn Độ và Thái Lan, Thủ tướng Narendra Modi đã được Thủ tướng Thái Lan Paetongtarn Shinawatra tặng bộ kinh 'Tam Tạng Thế giới: Phiên bản phiên âm 'Sajjhaya' sau các cuộc thảo luận song phương của họ tại Bangkok vào ngày 3-4-2025.

Bộ kinh Tam Tạng là một tuyển tập được tôn kính về những lời dạy của Đức Phật, bao gồm 108 tập và được xem là kinh điển chính của Phật giáo.

Phiên bản được tặng cho Thủ tướng Modi là một phiên bản được chế tác tỉ mỉ bằng chữ viết tiếng Pali và tiếng Thái, bảo đảm phát âm chính xác hơn 9 triệu âm tiết và làm nổi bật một khoảnh khắc quan trọng của ngoại giao văn hóa và tâm linh.

Phiên bản đặc biệt này được xuất bản vào năm 2016 như một phần của Dự án kinh Tam Tạng Thế giới do chính phủ Thái Lan thực hiện để kỷ niệm 70 năm trị vì của Vua Bhumibol Adulyadej (Rama IX) và Hoàng hậu Sirikit.

(IANS – April 4, 2025)

Poster Quỹ hỗ trợ 1 triệu usd "Từ bi qua Hành động: Viện trợ cho Miến Điện"

Photo: Tzu Chi USA

ĐÀI LOAN: Hội Phật giáo Dẫn thân Từ Tế công bố Quỹ hỗ trợ "Viện trợ cho Miến Điện" trị giá 1 triệu usd

Hội Từ thiện Từ Tế, tổ chức từ thiện và nhân đạo Phật giáo toàn cầu có trụ sở tại Đài Loan, gần đây đã công bố ra mắt quỹ "Từ bi qua Hành động: Viện trợ cho Miến Điện", một quỹ hỗ trợ trị giá 1 triệu usd để mang lại sự cứu trợ nhân đạo rất cần thiết cho các cộng đồng dễ bị tổn thương ở Miến Điện đang phải chịu đựng hậu quả của trận động đất gần đây.

Chi nhánh Từ Tế tại Hoa Kỳ phát biểu, "Từ Tế tận tình và sẵn sàng mang đến sự cứu trợ và hỗ trợ về mặt tinh thần cho những người sống sót sau trận động đất vì họ sẽ phải đối mặt với những thách thức to lớn trong việc xây dựng lại cuộc sống của họ từ đồng đổ nát. Trong thời điểm khủng hoảng này, Miến Điện và người dân đất nước họ cần sự chăm sóc, hỗ trợ, và tình yêu thương của chúng ta hơn bao giờ hết. Cho đến ngày 30-4, chúng tôi sẽ quyên góp tương ứng lên đến 1 triệu usd."

Hội Từ Tế nhấn mạnh đến thiệt hại to lớn và nỗi đau lòng khủng khiếp gây ra bởi trận động đất: "Ngay cả bây giờ, cú sốc và sự đau khổ của những người bị ảnh hưởng tại thời điểm này thật khó có thể tưởng tượng, với các tòa nhà và đường sá bị sập, mất điện và cơ sở hạ tầng bị hư hại - với nhiều người vẫn ngủ ngoài trời giữa trời nóng và mưa. Chúng ta hãy chung tay và gửi tình yêu của chúng ta đến Miến Điện và Thái Lan mà không chậm trễ trong thời điểm bi thảm này."

(Buddhistdoor Global – April 14, 2025)



HOA KỲ: Thành phố New York đặt bảng tên đường thiên sư Thích Nhất Hạnh

NEW YORK, Hoa Kỳ - Vào ngày 11-4-2025, một ngày mưa lạnh, hàng chục tu sĩ và tín đồ Phật giáo đã tập trung tại một góc phố đông đúc ở Upper West Side để chứng kiến việc gắn một biển báo đường phố mới mang tính lịch sử để vinh danh vị lãnh đạo tinh thần của họ.

Đường Thích Nhất Hạnh, tọa lạc tại góc đường Broadway và đường West 109, được đặt tên tượng trưng để vinh danh tu sĩ Phật giáo Việt Nam có ảnh hưởng, người đã viên tịch ở tuổi 95 vào năm 2022.

Được xem là cha đẻ của chánh niệm, Thiền sư Thích Nhất Hạnh đã sống tại cùng khu nhà nói trên vào đầu thập niên 1960, khi ông đang nghiên cứu tôn giáo so sánh và giảng dạy Phật giáo tại Liên hiệp Chúng viện Thần học và Đại học Columbia gần đó.

Các tín đồ cho biết việc đặt tên đường này là một cách để tôn vinh tác động của Thiền sư Hạnh, người mà họ gọi là Thầy, đối với các cộng đồng chánh niệm phương Đông và phương Tây.

(RNS - April 11, 2025)



Tu sĩ và tín đồ Phật giáo tập trung tại một góc phố đông đúc ở Upper West Side, New York để chứng kiến việc gắn bảng tên đường phố mới vinh danh Thiền sư Thích Nhất Hạnh



Photos: Google



MỪNG NGÀY PHẬT ĐẢN

*Ngày Phật Đản tin về mùa kỷ niệm
Rộn ràng lên người con Phật năm châu
Nghe nguồn vui mang sắc thái nhiệm màu
Niềm tin vững in sâu lòng thế nguyện*

*Bậc Đại Giác Ta Bà đã xuất hiện
Cứu quần sanh thoát khỏi biển trầm luân
Phá sự mê người ngon thuốc dẫn đường
Thuyền Bát Nhã vượt cao buồm trí tuệ*

*Người nhận thấy trần gian bao thế hệ
Phũ phàng lên kiếp nô lệ làm than
Tạo cho nhau giai cấp trói buộc ràng
Bị không chế bởi quyền năng không tưởng*

*Cứ hy sinh suốt cuộc đời vất vưởng
Trong khổ đau đầy ác trược triền miên
Trôi xuống lên vòng sanh tử não phiền
Lôi cuốn mãi theo vô minh nghiệp báo*

*Người thương xót liền mở bày chánh đạo
Hương nẻo chân lời dạy bảo rõ ràng:
“Các con đây chính là Phật sẽ thành,
Đều bình đẳng, hãy mau lên Chánh Giác.”*

*Thật chân lý và tình thương bằng bạc
Lời ngọc vàng vẫn ghi tạc lòng son
Tiếng Pháp Âm vẫn vang dội chuông ngân
Chúng con nguyện bước theo chân Phật Tổ*

*Để nhớ ơn một bậc thầy giác ngộ
Gương hy sinh người tế độ trần gian
Ngày Đản Sinh thị hiện thật huy hoàng
Chúng con nguyện kết hoa đăng tưởng niệm.*

KỶ NIỆM PHẬT ĐẢN

(Bài hát theo điệu tân nhạc)

*Khắp chốn cùng nơi người con Phật năm châu,
Hân hoan đón mừng ngày Đản Sinh nhiệm màu,
Hình bóng Từ Tôn trong tha thiết niềm tin,
Trái lòng vị tha nguyện cứu vớt chúng sinh.*

*Chốn trần gian quán trọ tạm dừng chân,
Kiếp phù sinh đang cay đoạn trường,
Lỡ vào đây trong bể khổ trầm luân,
Biết về đâu, ôi, bờ giác mờ xa,
May nhờ Phật Tổ Thích Ca
Đạo vàng soi sáng lối ra.*

*Trước Đài Sen trang nghiêm,
Hương trầm bay thơm lừng,
Biết bao tâm hồn,
Thiệt tha chân thành,
Nguyện cầu chư Phật chứng minh.*

*Kỷ niệm người xưa còn vang tiếng chuông ngân,
Khắc ghi nơi lòng lời giác ngộ huy hoàng,
Chúng con cùng nhau xin góp nhặt tình thương,
Tô bồi tương lai cho cuộc sống ngát hương.*

HT. THÍCH THẮNG HOAN

NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÂU MỸ

HT. Thích Trí Chơn

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

EDWARD JOSEPH THOMAS (1869-?)

Edward Joseph Thomas sinh ngày 30-07-1869, con của một nhân viên làm vườn tại Thornhill Rectory ở Yorkshire (miền bắc nước Anh). Lớn lên, ông lập gia đình với một phụ nữ người Đức, nhưng không có con. Sau khi vợ ông qua đời năm 1920, ông sống một mình như vậy cho đến tuổi già.

Từ năm 14 tuổi, Thomas đã rời ghế nhà trường để mưu sinh bằng nghề làm vườn trong suốt 12 năm. Năm 1894, ông ghi tên học một năm về nghề làm vườn (gardener) tại trường Kew, sau khi ông đã có chứng chỉ nhập đại học Luân Đôn về các môn thực vật học, cơ giới, toán học, cổ ngữ La Tinh (Latin), Hy Lạp (Greek) và Anh văn.

Tại trường Kew, Thomas còn lấy được các chứng chỉ về môn vật lý, hóa học và nhiều ngành của thực vật học. Trong thời gian này, ông cũng dành nhiều thì giờ chú tâm vào việc nghiên cứu ngôn ngữ học.

Năm 1896, Thomas ghi tên học đại học St. Andrew, và dưới sự hướng dẫn của giáo sư tiếng Hy Lạp John Burnet, ông đậu bằng cao học (M.A.) hạng nhất danh dự về môn cổ điển (classics) vào năm 1900-1901. Ngoài ra, ông còn thi các môn toán học, luân lý triết học và cổ ngữ La Tinh.

Năm 1903, lúc 34 tuổi, Thomas vào học trường Emmanuel College, chuyên về ngôn ngữ học và đến năm 1905, ông tốt nghiệp cử nhân (B.A.) thuộc đại học Cambridge. Chính trong thời gian nghiên cứu về ngôn ngữ ở đại học Cambridge, ông đã học tiếng Phạn (Sanskrit), Ba Lị (Pali) và kinh điển Phật Giáo.

Năm 1909, Thomas được mời giữ chức phó quản thủ thư viện đại học Cambridge trong nhiều năm, nhờ vậy kiến thức về ngôn ngữ của ông

ngày càng phát triển mọi mặt. Bấy giờ, nhiều tác phẩm viết bằng các thứ tiếng xa lạ, không ai đọc hiểu, người ta đều phải tìm đến nhờ ông giải thích.

Sau một thời gian phục vụ tại thư viện đại học Cambridge, Thomas được bổ nhiệm làm khoa trưởng Khoa Ngôn Ngữ Đông Phương (Oriental Languages Department). Năm 1940, ông về hưu liền được mời trông coi thư viện của Phân Khoa Đông Phương (Oriental Faculty) thuộc đại học Cambridge, và ông làm việc tại đây cho đến năm 1950.

Sau khi tốt nghiệp Tiến Sĩ Văn Chương (D. Litt.) tại đại học St. Andrew, giáo sư Thomas được trường "Luân Đôn nghiên cứu về Phi Châu và Đông Phương" (London School of Oriental and African Studies) nhận làm hội viên danh dự (Honorary Fellow).

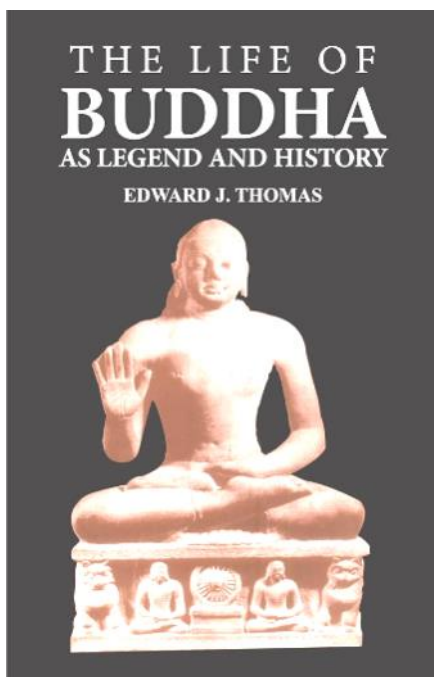
Sự hiểu biết sâu xa, rộng rãi và toàn diện của Thomas về ngôn ngữ học, nhất là Phật Giáo, khiến cho Giáo sư Hector Chadwick bấy giờ đã hết lòng ngưỡng mộ và tuyên bố: "Ông là nhà bác học và là học

giả thông thái nhất tại Cambridge" (He was erudite and the most learned man in Cambridge).

Với trình độ kiến thức về Đông Phương tuyệt luân như vậy, nhưng tánh tình ông lại rất bình dân và khiêm tốn, khiến mọi thân hữu ai cũng đều mến phục. Tuy biết nhiều ngoại ngữ, nhưng ít khi người ta nghe Thomas dùng tiếng ngoại quốc, dù là một câu ngắn, để nói chuyện với ai.

Trái lại, khi gặp người nào thắc mắc, không hiểu bất cứ điều gì về ngôn ngữ học cũng như giáo lý đức Phật, ông luôn sẵn sàng giải đáp, chỉ dẫn tường tận.

Giáo sư Das Gupta, trong lời tựa tác phẩm "Lịch sử Triết Học Ấn Độ" (History of



Indian Philosophy), đã bày tỏ lòng tri ân sâu xa đối với học giả Thomas là người đã giúp đỡ cho giáo sư rất nhiều ý kiến bổ ích trong khi ông soạn viết bộ sử triết học nói trên.

Những Đóng Góp Cho Phật Giáo Của E. J. Thomas

Cùng với học giả La Valleé Poussin, giáo sư Thomas đã phiên âm tiếng Pali theo mẫu tự La Tinh (*Romanized Pali*) tập Maha-Niddesa (*Đại Nghĩa Thích*) thuộc Tiểu Bộ Kinh (*Khuddaka Nikaya*) gồm hai tập (Vols.)



EDWARD J. THOMAS
(1869—?)

I và II; ấn hành vào năm 1916, 1917 và đã tái bản năm 1978.

Ngoài ra, dưới đây là những dịch và tác phẩm Phật Giáo của học giả Thomas:

1. Early Buddhist Scriptures, (*Những bài kinh Phật Giáo nguyên Thi*), dịch từ cổ ngữ Pali.

2. The Road to Nirvana (*Con Đường Dẫn tới Niết Bàn*), dịch từ Pali.

3. Ratana Sutta (*Kinh Ratana*), dịch từ Pali ra Anh văn.

4. The Quest of Enlightenment (*Đi Tìm Sự Giác Ngộ*), dịch từ kinh điển Phật Giáo bằng tiếng Phạn (Sanskrit).

5. The Life of Buddha as Legend and History (*Cuộc đời của đức Phật qua Truyền Thuyết và Lịch Sử*), trước tác, xuất bản năm 1927.

6. The History of Buddhist Thought (*Lịch sử Tư Tưởng Phật Giáo*), trước tác, xuất bản năm 1933.

Thêm nữa, Thomas còn dịch từ Pali ra Anh văn nhiều kinh điển Phật Giáo khác, trong đó có một số dịch phẩm được ấn hành vào năm 1952.

Về lãnh vực phiên dịch kinh tạng Phật Giáo tiếng Pali, E.J. Thomas đã chứng tỏ không những là một học giả nổi tiếng tại Cambridge (Anh quốc) mà còn vang dội khắp cả Châu Âu và nhiều quốc gia khác.

Sau này, dù đến tuổi già 86, ông vẫn còn được những trường đại học yêu cầu giám khảo, chấm các luận án, tiểu luận Phật Học của các sinh viên; đọc phê bình những sách Phật Giáo; và liên lạc, đóng góp ý kiến, giúp đỡ cho nhiều học giả từ Hòa Lan (Châu Âu) đến Ấn Độ viết về những tác phẩm Phật Giáo của họ.



KHOẢNH KHẮC LÂM TỶ NI

*Ngày đản sinh
Trời đất phong quang
Bảy đóa sen vàng
Ba ngàn thế giới hoan ca
Người đã đến
Mở đường thoát luân hồi sanh tử
Người đã nói những lời chân thật
Tam độc là nguồn gốc khổ đau
Đã gieo nhân ắt gặt quả về sau
Càng buông xả càng mau an lạc*

*Sáng thánng tư vườn Sa La thom ngát
Sáu phương trời bát ngát
Chân động tâm thiên nhân
Hoa Ưu Đàm nở giữa cõi trần
Thế giới bùng lên ánh sáng vàng
Bước khởi đầu mở ra cung trời cao rộng*

*Người đã đến cả thế gian tôn kính
Thầy trời người cho chí cõi U Minh
Khắp mười phương mừng ngày Phật đản sinh
Hương pháp bay ngược xuôi con gió*

*Thời gian xóa nhòa tất cả nhưng con đường
còn đó*

*Rằm tháng Tư tưởng nhớ cha lành
Thị hiện ra đời để độ chúng sanh
Khoảnh khắc Lâm Tỳ Ni vi diệu
Ngàn đời muôn thưở
Anh đạo vàng rạng rỡ dưới trời xanh.*

thơ **ĐỒNG THIÊN**
Ất Lăng thành, 0325

GIÁO DỤC VÔ THƯỜNG: AI RỒI CŨNG CHẾT (KINH TÔ MẪU)

Nguyên Siêu

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Sự sống chết trên thế gian này, ấy là điều tự nhiên, dĩ nhiên, hãn nhiên, hay mặc nhiên là như vậy. Thế thường mình nghĩ đơn giản và cũng thường nghe ngắn gọn, là có sống thì phải có chết. Có sinh ra thì phải có mất đi. Giản lược là như vậy. Nhưng xin thưa, trên thực tế thì nó không đơn giản như vậy. Con người sinh ra là cứu mạng cả một chuỗi nhân duyên trùng trùng vô tận, chúng dính mắc với nhau từng móc xích này đến móc xích khác, chứ đâu có đơn giản mà sinh ra. Đâu có đơn giản mà chết đi. Bao nhiêu người đã sống. Bao nhiêu người đã chết, nhưng có mấy ai định nghĩa thế nào là sống, và định nghĩa thế nào là chết. Sự sống và sự chết có đánh đổi cái gì được không? Mình thương ai thì muốn người ấy sống, rồi mình ghét ai thì muốn người ấy chết đi. Đâu theo ý mình được và không quá dễ dàng như vậy. Cho đến không quá dễ dàng giao mạng mình cho thần linh hay thượng đế xét xử để được sống hay chết. Theo ý nghĩa này, tinh thần giáo dục của đạo Phật thì sao? Kinh Tô Mẫu, Phật thuyết:

"Nhân duyên ở Savathi.

Thế Tôn nói với vua Pasenadi nước Kosala đang ngồi một bên: 'Đại Vương đi từ đâu lại, giữa trưa thế này?'

-Bạch Thế Tôn, Tổ mẫu của con mạng chung, già nua, tuổi tác đã đến tuổi trưởng thượng, đã đạt đến tuổi thọ, đã mạng chung được 120 tuổi."

Được Đức Thế Tôn hỏi, vua Pasenadi nước Kosala trả lời rất chân thật, chí tình, chí thiết, như là tuổi thọ của một con người - Tổ mẫu, ngoại hạng, sống đến 120 tuổi không phải dễ có. Tuy có nhưng rất hiếm hoi. Tổ mẫu của vua Pasenadi đã có thể đạt được trong sự hiếm hoi ấy, từ đó chúng ta thăm nghĩ rằng tổ mẫu của vua trong lúc sinh tiền, nghiêm túc giữ giới thứ nhất là không sát hại chúng sanh, mà còn cho sự sống đến mọi loài sinh động vật nữa là khác. Nhờ không giết hại sinh vật, mà còn cho sự sống, bảo vệ sự sống, nên được cái quả là trường thọ. Đây chính là sự giáo dục của đạo Phật, qua giới luật, điều thứ nhất là không giết hại chúng

sanh. Sự giáo dục này, đem lại đời sống con người được an lành, hạnh phúc. Tự thân mình ít bệnh và khỏe mạnh. Đồng thời cũng là thiết lập



một nhân sinh thanh bình thịnh trị, vì không có sự hận thù, oán đối, tương tranh, máu phải trả bằng máu, thịt phải trả bằng thịt, mà xem nhau như anh em một nhà, chỗ giết, chỗ bảo giết. Một tinh thần giáo dục hòa bình, không làm xương rơi máu đổ. Một tinh thần giáo dục tuyệt vời, vượt thoát hơn tất cả mọi quan niệm, đạo đức, lễ nghi, chủ trương và nhân danh... Vật dưỡng nhân là một quan niệm đời bại, thiếu văn hóa. Văn hóa Tây phương biết bảo vệ mọi sinh, biết ăn chay rau cỏ, phần lớn vì sức khỏe, và tiết giảm sự giết hại. Tôn trọng sự sống của các loài động vật, nên chúng gần gũi với người, không sợ hãi, không tránh xa. Một thế giới tương duyên tương sinh, để tồn tại. Lời kinh văn được nói:

"Bạch Thế Tôn, con rất ái luyện và quý mến tổ mẫu. Bạch Thế

Tôn, nếu con được cho một voi báu, để tổ mẫu con khỏi chết. Con sẽ cho voi báu để tổ mẫu con khỏi chết. Con sẽ cho ngựa báu để tổ mẫu con khỏi chết. Bạch Thế Tôn, nếu con được cho một thôn làng tốt đẹp để tổ mẫu con khỏi chết. Bạch Thế Tôn, nếu con có thể cho một quốc độ, để tổ mẫu con khỏi chết, con sẽ cho quốc độ để tổ mẫu con khỏi chết.

-Tất cả chúng sanh, thưa Đại Vương, đều phải chết, đều kết thúc trong sự chết, đều không vượt qua sự chết."

Sự chết là một tiến trình luôn có mặt trong mọi sự vật, là hữu tình, là vô tình, là thực vật, là khoáng vật... là hữu hình, là vô hình mắt người không thấy, tất cả đều phải chết. Dù vua Pasenadi có cho gì gì đi nữa, để cầu mong cho Tổ mẫu được sống thì vẫn vô vọng, không tương. Sự giáo dục này chỉ bày cho con người thấy thân người không thật bền chắc, không thật có lâu dài, không có thật vĩnh viễn, nhưng phần lớn con người không nghĩ tới, một ngày nào đó mình sẽ nằm hoai mà không ngồi, nằm cho đến khi tan hết thịt da, rồi cho tới khi tan hết gân xương. Hình hài biến dạng, và không còn gì là của mình

nữa. Tinh thần giáo dục này đánh thức con người phi thức tỉnh, phải chiêm nghiệm, suy tư dòng chảy của thời gian, nó sẽ tàn phá tất cả. Phải chiêm nghiệm, sự sinh già bệnh chết là định luật tất yếu cho tất cả, không một mây may nào có thể lọt được cái lưới này. Tinh thần giáo dục đánh thức này, để cho con người thấy được sự thực yếu đuối của thân mình, đời sống của mình, của sự liên hệ dòng tộc, huyết thống của mình... mà biết tu nhơn tích đức, ăn hiền ở lành, biết thương yêu mọi người nhiều hơn, giúp đỡ nhiều hơn. "Một miếng khi đói, bằng một gói khi no." Hay, "Nhiều điều phủ lấy giá gương. Người trong một nước phải thương nhau cùng." Hoặc là "Bầu ơi thương lấy bí cùng. Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn." Nếu con người biết sử dụng tinh thần giáo dục tử sinh này một cách thích hợp cho từng hiện trạng của mỗi chặng đường sống, thì quả thật đời sống con người có giá trị cao, và hữu ích. Vì mình cảm nhận một cách thích đáng rằng, hôm nay mình có thể có tất cả, nhưng rồi ngày mai kia mình sẽ không có tất cả. Trước tiên thân ngũ uẩn không sinh hoạt nữa, nằm yên bất động. Thân ngũ uẩn không còn nghe, không còn thấy, không còn ăn, không còn ngủ, không còn cảm xúc, vô tri vô giác. Rồi thứ đến tiền bạc, nhà cửa, danh văn, quyền tước, thế lực... các thứ sở thuộc của tôi cũng dần dần thuộc về người khác, rồi cứ thế và cứ thế... Từ thế hệ này đến thế hệ khác, từ vô thủy đến vô chung... Có người thừa tiếp được tinh thần giáo dục này mà họ có đời sống "thiếu dục tri túc." Họ giàu lòng bố thí, cúng dường, san sẻ, xẻ chia... Nhờ vậy mà họ có một tâm hồn thư thả, an nhiên trước sự thịnh suy của trời đất, trước sự mất còn của thế nhân: "Nhậm vận thịnh suy vô bố úy." "Thưa Đại Vương, tất cả chúng sanh đều phải chết, đều phải kết thúc trong sự chết."

"Như vậy là phải thưa Đại Vương, tất cả chúng sanh đều phải chết. Ví như tất cả đồ gốm, do người thợ gốm làm ra, chưa nung chín, hay đã nung chín, tất cả đồ gốm ấy đều phải bể, đều kết thúc trong sự bể, đều không vượt qua sự bể." Tự thân con người dễ tan vỡ, dễ hủy diệt, dễ chết, không tồn tại lâu dài được. Con người có thể chết lúc thiếu thời, non trẻ, có thể chết lúc thanh niên, trung niên, hay có thể chết lúc lão niên già yếu, như đồ gốm có thể bể khi chưa nung, có thể bể khi đã nung chín. Dù chưa nung chín hay đã nung chín tất cả đều bể. Đây là tinh thần giáo dục hiện thực. Tinh thần giáo dục tự tri. Tự mình phải biết, phải thấy, phải kinh nghiệm thực trạng của người khác mà tỏ ngộ nơi mình; mà không lêu lổng, chệnh mảng, mà tinh tấn làm các điều thiện, tu các hạnh lành để nhơn được tròn quả được xinh. Đích thực là vậy, mà đạo Phật suốt một chiều dài lịch sử mấy ngàn năm, luôn hiển tặng những phương pháp cao đẹp, cách thức tốt tươi màu nhiệm... để cho con người tự lựa chọn những điều thích hợp với mình - kế lý, kế cơ, kế thời... mà ứng dụng cho tự thân được tốt đẹp. Tốt đẹp về đời sống vật chất lẫn đời sống tinh thần, tâm linh vượt thoát, để hoàn thiện làm người dưới ánh nắng mặt trời, để làm bớt khổ

đau, bớt phiền não đang nung nấu, đốt cháy con người trong cuộc sống - "tam giới bất an do như hỏa trạch."

Kính văn được kết thúc qua bài kệ:

*"Mọi chúng sanh sẽ chết
Mạng sống, chết kết thúc
Tùy nghiệp chúng sẽ đi
Nhận lãnh quả thiện, ác
Ác nghiệp đọa địa ngục
Thiện nghiệp lên thiên giới
Do vậy, hãy làm lành
Tích lũy cho đời sau
Công đức cho đời sau
Làm hậu cứ cho người."*

Tôi chết. Anh chết. Em chết. Người chết... Ai rồi cũng phải chết. Cái chết bình đẳng như nhau. Nhưng trong cái chết ấy, có một cái gì tiềm ẩn sâu xa nơi tiềm thức là không bình đẳng. Có người chết rồi đầu thai lên cõi trời hưởng phước báo. Có người chết rồi đầu thai làm nợ quỳ, súc sanh. Như vậy là nhơn quả của mỗi người là không bình đẳng - tùy nghiệp thọ sanh.

*"Nhứt thiết chúng sanh
Tâm tưởng dị cố
Tạo nghiệp diệc dị
Do thị cố hữu
Chư thú luân chuyển."*

Tất cả chúng sanh, sự tưởng nghĩ của tâm sai khác. Sự tạo nghiệp cũng sai khác. Vì vậy mà có sự sống ở đời sau. Cứ thế mà lưu chuyển trong các loài. Từ đó chẳng ai giống ai. Sự tạo tác cái nhơn không giống nên kết cuộc cái quả cũng chẳng giống - thiên hình vạn trạng. Vô cùng. Vô tận. Đã không giống nhau nên con người hãy khéo gìn giữ. Vì:

*"Tùy nghiệp chúng sẽ đi
Nhận lãnh quả thiện ác
Ác nghiệp đọa địa ngục
Thiện nghiệp lên thiên giới."*



*Do vậy, hãy làm lành
Tích lũy cho đời sau."*

Chỉ có nghiệp - Sự tạo tác, mới theo ta, đưa đẩy ta đến kết quả, tốt hay xấu, sanh thiên giới, hay đọa địa ngục. Biết vậy hãy tu thân, đừng để sự tạo tác xấu quấn chặt mình. Giống như con tằm ăn dâu, dệt thành ổ kén, rồi ổ kén ôm chặt con tằm, nhốt con tằm trong ổ kén. Công đức mà con người có được, là nhờ tu tập, chính hạnh tu tập này là nơi nương tựa, là chỗ ở về đời sau. Còn bằng ngược lại:

"Thưa Đại Vương, tham là pháp ở đời, khi khởi lên đưa lại bất lợi, đau khổ, bất an trú. Sân là pháp ở đời, khi khởi lên đưa lại bất lợi, đau khổ, bất an trú. Si là pháp ở đời, khi khởi lên đưa lại bất lợi, đau khổ, bất an trú." Ba pháp tham, sân, si là ba chướng nạn căn để. Ba môn phiền não căn bản, cột chắc chúng sanh, khó đoạn trừ. Chúng dắt dẫn chúng sanh đi khắp mọi miền sanh tử, từ cõi trời đến cõi người, rồi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh có đủ. Do vậy mà:

*"Tham sân si ba pháp
Là ác tâm cho người
Chúng đi hại tự ngã
Chúng tác thành tự ngã
Như vỏ và lõi cây
Tự tác thành trái cây."*

Không ai đâu xa lạ, vỏ và lõi cây cho ra trái cây, con người cũng vậy, tham, sân, si cho ra bất lợi, khổ đau, bất an trú ngay trên tự thân của mình, như rỉ sắt ăn mòn thanh sắt. Xin cho con người tu học tinh thần giáo dục này: tham, sân, si chuyển thành vô tham, vô sân, vô si, để con người đồng nhau bước tới chân trời cao rộng, chân trời của sự giáo dục đánh thức tự ngã, làm tỉnh giấc với chính mình bây giờ và ở đây để được thừa hưởng niềm tịnh lạc trong giáo pháp, trong chánh pháp, trong giới luật của Như Lai. Tinh thần giáo dục toàn diện là tinh thần hướng thân lập mệnh con người chánh niệm, tỉnh giác để gây dựng hạt giống Phật hôm nay và ngày mai.

VỀ THEO ÁNH ĐẠO VÀNG

*Xin làm đóa sen hồng
Nhẹ nâng bàn chân Phật
Mây tầng trời thông dong
Cùng ánh mây ngũ sắc.*

*Lâm Tì Ni ngày ấy
Đón Đức Phật giáng trần
Ánh hào quang huyền diệu
Tỏa sáng khắp thế gian.*

*Giữa thế giới ta bà
Lòng người còn huyền mộng
Đuộc tuệ giữa lòng ta
Tám gương soi lòng lộng.*

*Mở đường hoa chánh giác
Truyền pháp âm nhiệm màu
Khơi cội nguồn tỉnh thức
Xóa muộn phiền khổ đau.*

*Nguyện theo ánh đạo vàng
Cây đâm chồi nảy lộc
Gieo hạt giống từ tâm
Trang kính thành bảo ngọc.*

*Buông bỏ bao tạp niệm
Vườn thiền sẽ trở hoa
Những mùa hoa bất tử
An trú suốt đời ta.*



DƯỚI BÓNG PHẬT ĐÀI

*Con quì dưới bóng Phật đài
Nghe trong hương gió một ngày vô ưu
Hạt sương tinh khiết hình như
Trong veo nét ngọc rạng từ tâm kinh.*

*Nhớ ngày Đức Phật đản sinh
Vườn thiền nảy lộc vườn mình thiên di
Gieo từng hạt giống từ bi
Huệ căn soi sáng đường đi dương trần.*

*Nắng mưa dầu dãi nhọc nhằn
Con thuyền bát nhã vượt ngàn dặm khơi
Sân si chi nẻo đường đời
Trăm sông nghìn suối hát lời yêu thương
Đời là cõi mộng miên trường
Thân thành chiếc lá viển phương nơi nào
Thành tâm hướng thiện ơn sâu
Cúi ban phước huệ nhiệm màu thế gian.*

thơ TÔN NỮ MỸ HẠNH



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG GIÁO PHẨM

704 East "E" Street, Ontario, CA91764 – U.S.A. | Tel. & Fax: (909) 986-2433

THÔNG ĐIỆP PHẬT ĐẢN 2025 - PHẬT LỊCH 2569

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư Tôn Giáo Phẩm, chư Tôn Trưởng Lão, chư Tăng Ni
Kính thưa quý Thiện nam tín nữ, Gia Đình Phật tử, quan khách và đồng hương
Kính thưa liệt quý vị,

Xin kính mời quý vị hướng về đức Phật để cùng tri ân sự có mặt của Ngài giữa nhân thế và hiệp lực chú nguyện cho nhân sinh được chung sống trong một trái tim từ ái. Đức Phật đến với con người, sống với con người và cảm hóa con người. Ngài cảm hóa gì? Cảm hóa cái vị ngã thành vị tha; cảm hóa định kiên thành hiểu biết chân thật. Cảm hóa những ốc đảo cá nhân thành một đại dương cùng một dòng nước. Ngài hướng dẫn chúng ta sống trong tự chế, khiêm cung và biết tôn trọng. Hơn hai mươi lăm thế kỷ qua, những người đệ tử Phật đã sống và nỗ lực mang lời dạy Ngài đến với con người.

Mùa Phật Đản năm nay thật là một tuyệt hảo cho cộng đồng Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ. Năm mươi năm người Việt định cư trên quê hương này. Năm mươi năm Phật giáo Việt nam đã thấm dần nơi miền đất mới. Phật Đản năm nay, lần đầu tiên chúng ta tổ chức tại thủ đô Washington, trái tim của nước Hoa Kỳ, để nói rằng chúng ta cùng có mặt với đất nước thân yêu này. Chúng ta hiểu tổ chức một ngày lễ giữa lòng thủ đô không dễ dàng chút nào. Ban tổ chức đã trải qua muôn ngàn gian khó để có đại lễ hôm nay. Giáo hội xin tán thán công đức vô lượng của Ban tổ chức, đặc biệt Thượng Tọa Thích Chúc Đại đã thay mặt Giáo Hội đứng ra tổ chức.

Ngày nay chư Tăng Ni trẻ phát tâm hành đạo trên đất nước này khá nhiều so với hai mươi lăm năm về trước. Họ là những người có năng lực, tâm huyết và đại nguyện. Chúng ta được quyền tin tưởng một khung trời Phật giáo rực sáng về phía trước. Họ tham gia cùng Giáo Hội cho những Phật sự chung của tu học, phát triển Đạo pháp, và nương tựa cho nhau. Phật giáo đến xứ sở này như đến một vùng đất yêu chuộng tự do và khát vọng về tôn giáo. Như đất tốt đã sẵn. Như hạt giống có trên tay. Xin chúng ta cùng đặt xuống thật thông minh và tinh tế.

Món quà lớn nhất chúng ta dâng cúng đức Thế Tôn trong ngày Đản Sinh là tự thân của mỗi người đệ tử Phật phát đại nguyện hành trì giáo pháp và cảm hóa muôn người. Trong tự thân của mỗi người đệ tử Phật hãy tự hỏi rằng, tôi đã cảm hóa được bao người quanh tôi. Họ đã biết về Đạo Phật chưa? Đạo Phật có gì lạ không? Chúng ta cùng trân trọng mời họ bước lên chiếc xe từ bi và trí tuệ của Thế Tôn. Nguồn vui và sự an lành sẽ đến với họ. Đây là cuộc hành trình đầy thú vị nhưng cũng đầy thách đố của người đệ tử Phật nơi đất nước mới mà Phật giáo là tôn giáo còn rất xa lạ với người Mỹ.

Trước sự linh thiêng trong giờ phút này, tôi xin thay mặt Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ kính gởi đến quý liệt vị lời tri ân, tán thán và hiệp lực. Xin tất cả chúng ta để tay lên trái tim của mình và cùng trải nghiệm: “Con dốc lòng vì Đạo hy sinh.”

Xin kính chào liệt quý vị.

Nam Mô Vô Ưu Thọ Hạ Thị Hiện Đản Sinh Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Phật Lịch 2569, California, ngày 20 tháng 03 năm 2025

TM. Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK

(ấn ký)

Sa-môn Thích Tín Nghĩa

ĐỜI SỐNG VÀ TÂM GƯƠNG ĐỨC PHẬT

Đạo Sinh dịch

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Một ngày mùa hạ trong xanh, nắng gắt. Những cành cây sa-la um tùm, trĩu quả, hoa nở rục rở. Cảnh vật hoang dại, lờ mờ chớm đá với nhiều hang động. Thị trấn gần nhất cũng cách xa trên trăm dặm. Trong vài hang động là các hành giả du-già, tóc bồi dài, mình chỉ khoác một mảnh vải bông trắng mỏng. Có người ngồi nhập định trên những tấm da nai. Có người đang tu luyện nhiều động tác du-già khác nhau, như ngồi nhập định giữa một đồng lửa trại, một phép tu khổ hạnh nổi tiếng. Có người lại đang trì chú hay tụng kinh cúng dường. Nơi chốn này có một bầu không khí thanh bình, tĩnh lặng, nhưng cũng khá quái dị. Có lẽ nó vẫn giữ nguyên trạng từ trước lúc thế giới này hình thành. Một sự tĩnh lặng tuyệt đối. Cả tiếng chim hót cũng không nghe thấy. Chỉ có một giọng sông lợn gần đó, nhưng chẳng có ngư phủ nào. Giọng sông mênh mông, rộng ít nhất cũng đến bảy dặm. Trên bờ các đạo sỹ đang thực hành thánh lễ tẩy tịnh. Ta thấy họ thiền định và tắm trong giọng sông. Đó là cảnh tượng cách đây hai ngàn năm trăm năm ở một nơi có tên là Nairanjana trong tỉnh Bihar, Ấn-độ.

Một hoàng tử, tên Siddhartha, tìm đến. Dáng dấp quý tộc; chàng chỉ vừa mới cất bỏ chiếc vương miện, những chiếc khuyên tai và đồ trang sức của mình, vì thế chàng cảm thấy khá trần trụi. Chàng vừa mới từ giã con ngựa và người hầu cận cuối cùng, và giờ đây chàng đã khoác lên tấm vải bông trắng sạch. Chàng nhìn quanh và cố bắt chước những đạo sỹ khác. Chàng muốn theo gương họ, vì thế chàng đến gần để xin được hướng dẫn phương pháp thiền định. Trước tiên chàng giải thích mình là một hoàng tử và thấy đời sống ở cung điện thật vô nghĩa. Chàng đã nhìn thấy có sự sinh ra, sự chết, bệnh tật và già yếu. Chàng cũng đã nhìn thấy một nhà hiền triết bước đi trên đường; và điều này đã gây cảm hứng cho chàng. Đây là tấm gương và lối sống chàng muốn theo. Tất cả đều mới lạ với chàng; và thoạt đầu chàng không thể nào thừa nhận những điều này đang thật sự xảy ra. Chàng không thể quên sự xa hoa và những thú vui nhục dục đã trải qua trong cung điện và vẫn còn quay cuồng trong đầu óc chàng. Đó là hoàng tử Siddhartha, đức Phật tương lai.

Rồi chàng nhận được các hướng dẫn, có lẽ hơi miễn cưỡng, từ vị đạo sư hiện tại của chàng. Chàng tu tập khổ hạnh của một nhà đầu thị, học ngồi kiết-già, và áp dụng bày tư thế du-già để điều hòa hơi thở. Lúc đầu những điều này mới lạ đối với chàng như một trò chơi. Chàng cũng nhận được cảm giác thành tựu khi cuối cùng đã biết cách từ bỏ các sở

hữu thế gian để đi theo nếp sống tuyệt vời này. Ký ức về vợ con và cha mẹ chàng vẫn còn đầy trong tâm trí. Điều này chắc hẳn đã quấy rầy việc tu tập du-già nhưng hình như chàng chẳng còn cách nào hàng phục tâm thức mình. Và các hành giả du-già chẳng hề nói cho chàng biết phải làm gì, ngoại trừ việc cứ tiếp tục làm giống như họ.

Đó là kinh nghiệm của đức Phật gần hai ngàn năm trăm năm trước. Và giờ đây ta sẽ tìm thấy một cảnh quang tương tự và có những kinh nghiệm tương tự nếu ta quyết định rời khỏi gia đình, từ bỏ những lần tắm nước nóng nước lạnh, quên đi chuyện nấu nướng ở nhà và sự xa xỉ khi đi lại bằng xe hơi, hay phương tiện vận chuyển công cộng; một điều vẫn rất là xa xỉ. Có người trong chúng ta có thể đáp máy bay và chỉ mất vài tiếng đồng hồ để đến đó: trước khi ta biết mình ở đâu thì ta đã ở ngay giữa lòng Ấn-độ. Có người có máu phiêu lưu hơn có lẽ sẽ quyết định cuộc bộ. Tuy nhiên điều đó hình như vẫn sẽ không thật lắm;

chuyến hành trình vẫn tiếp tục thú vị và sẽ không bao giờ có một giây phút buồn tẻ. Cuối cùng chúng ta cũng đến được Ấn. Có lẽ ở một số mặt nào đó Ấn-độ làm ta thất vọng. Ta sẽ nhìn thấy một số lượng tối tân, hóa nào đó, và sự hợm hĩnh của những người Ấn thượng lưu, có giáo dục tốt hơn; những người vẫn đang học đòi Hoàng gia Anh. Có lẽ lúc đầu ta sẽ thấy hơi khó chịu, nhưng dù sao đi nữa ta vẫn chấp nhận và cố rời xa thành phố nhanh chóng nào hay chừng đó để hướng vào rừng xanh. (Trong trường hợp này đó có thể là một tu viện Tây tạng hay một tịnh thất Ấn-độ.) Chúng ta có thể noi theo y hệt tấm gương của hoàng tử Siddhartha và có lẽ sẽ có ít nhiều kinh nghiệm y hệt chàng. Điều trước tiên hiện rõ trong tâm trí chúng ta là khía cạnh khắc khổ, hay đúng hơn là sự vắng bóng các thứ xa hoa trong một đời sống như thế. Giờ đây, chúng ta có học được điều gì không từ những ngày tháng mở đầu này? Có lẽ chúng ta sẽ học được điều gì đó của lối sống này. Nhưng có lẽ vì chúng ta chưa bao giờ nhìn thấy một xứ sở như thế nên chúng ta thường có khuynh hướng bị kích động nhiều hơn. Ta có thói quen diễn dịch mọi thứ, và cuộc đời thoải nội tâm vẫn tiếp tục khi ta cố gắng phá vỡ các chướng ngại của truyền thông và ngôn ngữ. Ta vẫn đang sống rất nhiều trong thế giới của riêng mình. Giống hệt như với đức Phật, sự kích động và sự mới lạ khi hiện hữu trong một xứ sở xa lạ sẽ còn lưu lại với chúng ta trong nhiều tháng. Ta sẽ viết thư về nhà, làm như ta đang bị cái đất nước này hợp hồn, đang say mê bởi niềm phấn khích và kỳ lạ của nó. Vì thế nếu ta trở về sau chỉ một ít ngày hay ít tuần thì ta



sẽ không học hỏi được nhiều; cùng lắm là ta chỉ thấy được một đất nước khác, một nếp sống khác mà thôi. Và điều tương tự có lẽ đã xảy ra với đức Phật nếu Ngài rời bỏ khu rừng già Nairanjana và trở về vương quốc của mình ở Rajgir.

Trong trường hợp đức Phật, Ngài đã tập thiền một thời gian dài với các vị thầy Ấn giáo, và Ngài đã khám phá ra rằng việc tu khổ hạnh và chỉ bám theo một hệ thống tín ngưỡng mà thôi chẳng giúp được gì. Ngài vẫn không có câu trả lời. À, có lẽ Ngài đã có một số câu trả lời. Theo một nghĩa nào đó những câu hỏi này đã được giải đáp trong đầu óc Ngài; nhưng không nhiều thì ít Ngài đang nhìn thấy những gì Ngài muốn thấy, hơn là nhìn thấy mọi thứ như chúng là. Vì thế, để đi theo con đường tâm linh trước hết ta phải vượt qua sự kích động ban đầu này; đó là một trong những yếu tính tiên khởi. Bởi vì nếu ta không thể vượt qua sự kích động này, ta sẽ không thể học, vì bất cứ hình thức kích động thuộc cảm tính nào cũng có tác động làm mê mờ. Ta không thể nhìn thấy đời sống như nó là vì ta quá coi trọng việc tạo dựng một cái nhìn của riêng ta về nó. Vì thế ta không nên cam chịu hay ghép mình vào bất cứ cấu trúc tôn giáo hay chính trị nào nếu trước tiên ta không tìm thấy thể tính đích thực của cái ta đang kiếm tìm. Tự dán nhãn hiệu lên mình, bắt chước một lối sống khắc khổ hay thay đổi trang phục của mình – những việc làm này chẳng hề mang lại bất kỳ sự chuyển hóa nào cả.

Sau nhiều năm đức Phật đã quyết định rời bỏ. Về mặt nào đó Ngài đã học được rất nhiều, nhưng đã đến lúc Ngài nổi lời từ giã với các thầy mình, các nhà thầy thị người Ấn, và ra đi một mình. Ngài đến một nơi thật xa, cho dù vẫn nằm trên bờ sông Nairanjana, và ngồi xuống dưới một cây đa, cũng còn gọi là cây Bodhi (Bồ-đề). Trong nhiều năm dài Ngài đã ở lại đó, ngồi trên một tảng đá lớn, ăn và uống rất ít. Đó không phải vì Ngài thấy cần phải tu theo lối khổ hạnh nghiêm mật, mà vì Ngài thấy cần ở một mình và tự khám phá mọi thứ cho chính mình, hơn là học theo tấm gương của người nào khác. Có lẽ Ngài đã đạt đến những kết luận như thế bằng những phương pháp khác nhau, nhưng điều đó không quan trọng. Cái quan trọng là bất cứ điều gì ta đang cố gắng học hỏi thì trước tiên ta cần có kinh nghiệm về nó, hơn là học từ sách vở hay thầy dạy hay chỉ bằng việc noi theo một khuôn mẫu lập sẵn. Đó là cái Ngài đã tìm thấy, và trong ý nghĩa đó đức Phật là một nhà cách mạng vĩ đại trong lối suy tư của mình. Thậm chí Ngài còn phủ nhận sự hiện hữu của Brahma, hay Thượng đế, đấng Tạo hóa. Ngài cương quyết không chấp nhận bất cứ điều gì nếu tự thân Ngài trước tiên không khám phá ra. Điều này không hàm ý rằng Ngài bác bỏ truyền thống vĩ đại và xưa cổ của Ấn.

Ngài rất kính trọng truyền thống đó. Thái độ của Ngài không phải là thái độ của người bác bỏ giá trị các định chế luật pháp và chính phủ theo bất cứ ý nghĩa tiêu cực nào, cũng không phải là cách mạng theo lối Cộng sản. Thái độ của Ngài là sự cách mạng tích cực và đích thực. Ngài khai triển khía cạnh sáng tạo của sự cách mạng, tức không cố gắng tìm kiếm sự giúp đỡ từ bất cứ ai khác mà là tự tìm thấy cho chính mình. Phật giáo có lẽ là tôn giáo duy nhất không dựa vào sự mặc khải của Thượng đế hoặc vào niềm tin và sự hiến dâng cho Thượng đế hay bất kỳ thần linh nào khác. Điều này không có nghĩa

đức Phật là người vô thần hay dị giáo. Ngài chưa hề tranh biện các học thuyết triết học hay thần học. Ngài đi thẳng vào trung tâm vấn đề, có nghĩa là làm thế nào để nhìn thấy sự thật. Ngài không bao giờ phí phạm thời gian cho những suy luận viên vông.

Bằng cách khai triển một thái độ cách mạng như thế ta học được rất nhiều điều. Chẳng hạn một ngày nào đó ta bỏ lỡ mất bữa cơm trưa. Có thể ta không đói, có thể ta đã ăn rất nhiều vào buổi sáng, nhưng ý nghĩ bỏ lỡ bữa cơm trưa vẫn tác động đến ta. Những khuôn thước nào đó đã hình thành trong khuôn khổ của xã hội và ta có khuynh hướng chấp nhận chúng mà không hề thắc mắc. Chúng ta có thật sự bị đói, hay chúng ta chỉ muốn lấp đầy khoảng thời gian giữa buổi trưa? Đó là một ví dụ rất đơn giản và thẳng thắn. Tuy nhiên có nhiều điều như thế xảy ra khi ta đụng đến vấn đề tự ngã.

Đức Phật tìm ra rằng không có cái gọi là "tôi", tự ngã. Có lẽ ta nên nói rằng không có cái gọi là "là", "tôi là". Ngài tìm ra rằng tất cả những quan niệm, ý tưởng, hy vọng, sợ hãi, cảm xúc, kết luận này đều được tạo ra từ những tự tưởng có tính cách suy diễn cũng như sự thừa kế về mặt tâm lý của ta từ cha mẹ, sự nuôi dưỡng, vân vân. Chúng ta chỉ việc gom chúng lại, và dĩ nhiên điều này một phần là do thiếu khéo léo trong hệ thống giáo dục của chúng ta. Chúng ta được dạy bảo phải suy nghĩ cái gì, hơn là tự mình thật sự tìm tòi từ trong chính bản thân chúng ta. Vì thế, trong ý nghĩa đó tu khổ hạnh, tức những kinh nghiệm về nỗi đau của thân xác, hoàn toàn không phải là phần thiết yếu của Phật pháp. Điều quan trọng là vượt qua cái khuôn mẫu, các ý niệm tinh thần chúng ta đã hình thành. Điều đó không có nghĩa ta phải tạo ra một khuôn mẫu mới hay cố trở nên khác đi và luôn luôn đi mà không có bữa cơm trưa hay những gì ta có. Ta không phải lật ngược mọi thứ trong cách cư xử của ta và trong cách ta trình diện mình trước người khác. Làm thế cũng chẳng giải quyết được vấn đề nào cả. Cách giải quyết duy nhất là quán sát vấn đề thật thông suốt. Từ cái nhìn như thế ta có một ham muốn nào đó – hoặc không được mạnh mẽ như sự ham muốn – nhiều hơn là cảm giác muốn tuân phục điều gì đó. Và ta cũng không suy nghĩ được gì về điều đó, ta chỉ được dẫn dắt tới điều đó. Vì thế ta cần làm quen với ý tưởng tỉnh giác. Lúc đó ta có thể luôn luôn khảo sát chính bản thân ta, và vượt lên trên các ý kiến cũng như cái gọi là các kết luận thường thức. Ta cần phải học cách trở thành một nhà khoa học khéo léo và không chấp nhận điều gì cả. Mọi thứ phải được nhìn thấy qua kính hiển vi của chính ta và ta phải đạt đến những kết luận của riêng mình theo cách riêng của mình. Khi chưa làm được như thế, sẽ không có một đấng cứu rỗi, một đạo sư, một ân phước, hay một dẫn dắt nào có thể giúp được ta.

Dĩ nhiên luôn luôn có tình trạng khó xử như thế này: nếu không được trợ giúp thì ta sẽ là cái gì? Ta không là gì cả sao? Chúng ta không nỗ lực đạt đến một cái gì đó cao hơn sao? Cái cao hơn này là gì? Chẳng hạn, Phật quả là gì? Giác ngộ là gì? Chúng không là gì cả, hay chúng là cái gì đó? Tôi e rằng thật sự tôi không có thẩm quyền trả lời điều này. Tôi chỉ là một trong những người lữ hành, như mọi người khác ở đây. Nhưng từ kinh nghiệm của riêng mình – và như Kinh điển mô tả, hiểu biết của tôi chỉ giống như một hạt cát sông Hằng – tôi muốn nói

rằng khi ta nói về các điều “cao hơn”, ta thường có khuynh hướng suy nghĩ dựa vào quan điểm riêng của ta, một cái nhìn to lớn hơn về chính chúng ta. Khi ta nói về Thượng đế, ta có khuynh hướng suy nghĩ thông qua hình ảnh riêng của ta, chỉ có vĩ đại hơn, đồ sộ hơn, một loại phô trương chính tự thân chúng ta; giống hết như chúng ta tự ngắm mình trong một tấm gương khuếch đại. Ta vẫn suy nghĩ theo cách nhị nguyên. Tôi ở đây. Thượng đế ở đó. Và lối chia sẻ duy nhất là cố yêu cầu Ngài giúp đỡ. Có thể trong những lúc nào đó chúng ta cảm thấy mình đang tiếp xúc với Ngài, nhưng dù sao đi nữa chúng ta vẫn thật sự không kết nối được bằng cách này. Chúng ta không bao giờ có thể đạt được sự kết nối với Thượng đế bởi vì có một quan niệm cố định, một kết luận lập sẵn mà chúng ta đã chấp nhận; và chúng ta chỉ đang cố đặt cái vĩ đại đó vào một bình chứa nhỏ nhắn. Ta không thể đưa một con lạc đà đi qua lỗ kim. Vì thế ta phải tìm những phương cách khác. Và cách tìm thấy duy nhất là trở lại công việc hoàn toàn đơn giản: khảo sát chính bản thân ta. Đây không phải vấn đề cố gắng làm ra vẻ “tôn giáo” hoặc đoán chắc rằng ta tử tế với láng giềng của mình, hay bỏ tiền làm từ thiện càng nhiều càng tốt. Cho dù làm thế dĩ nhiên cũng có thể là rất tốt. Điều chính yếu là không nên chỉ chấp nhận mọi thứ một cách mù quáng và cố gắng nhét chúng vào một ngăn kéo phù hợp, mà ta phải nỗ lực nhìn thấy chúng trước tiên bằng chính kinh nghiệm của chúng ta.

Điều này dẫn ta đến việc tu tập thiền. Một điều rất quan trọng. Một điều khó chịu ở đây là ta thường thấy sách vở, các bài giảng, các bài diễn thuyết, vân vân, đều tập trung vào việc chứng thực rằng họ có lý, hơn là chỉ cho chúng ta thiền phải được tu tập như thế nào. Đó mới là điều cốt lõi nhất. Chúng ta không quan tâm lắm việc truyền bá giáo pháp. Thay vì thế, chúng ta quan tâm đến việc áp dụng chúng và đưa chúng vào thực hành. Thế giới đang chuyển dịch nhanh như thế và không có thì giờ để chứng thực, nhưng bất cứ cái gì chúng ta học, chúng ta phải mang nó về, nấu chín và ăn ngay lập tức. Vì thế toàn bộ vấn đề là ta phải nhìn bằng chính đôi mắt của mình và không chấp nhận bất cứ truyền thống nào định đặt sẵn cho dù truyền thống đó có chứa ma lực nào đi nữa. Không có điều mẫu nhiệm nào có thể chuyển hóa chúng ta đúng như thế. Mặc dù, vì đầu óc máy móc, chúng ta luôn tìm kiếm cái gì đó chỉ khởi động bằng cách bấm nút. Có sự hấp dẫn lớn lao ở những con đường tắt, và nếu có một phương pháp thâm sâu nào đó có thể đề ra một lối đi nhanh thì ta vẫn bám theo hơn là phải đảm đương những chuyển hành trình gian khổ và những sự tu tập khó khăn. Vì thế ở đây ta thấy được tầm quan trọng thật sự của khổ hạnh: tự hành hạ mình chẳng đi đến đâu, nhưng một vài công việc tay chân và sự nỗ lực của cơ thể thì cần thiết. Nếu chúng ta đi bộ ở nơi nào đó, chúng ta sẽ biết được đường đi trọn vẹn; nếu đi bằng xe hơi hay máy bay, chúng ta khó lòng biết được đường đi; nó chỉ là một giấc mơ. Tương tự, để thấy được mô hình phát triển liên tục, chúng ta phải nắm bắt nó bằng tay. Đó là một trong những điều quan trọng nhất. Và ở đây kỷ luật trở nên cần thiết. Chúng ta phải rèn luyện chính mình. Dù lúc tập thiền hay trong đời sống hàng ngày, ta phải tập kiên nhẫn. Để bắt đầu cái gì đó ta thường chỉ nếm, rồi để nguyên; ta không bao giờ có thời gian để ăn và tiêu hóa kịp để

nhìn thấy tác dụng của nó. Dĩ nhiên ta phải tự nếm để xem thật giả hay lợi hại thế nào, nhưng trước khi quảng nó đi ta phải đi xa hơn một tí, để ít ra ta có được kinh nghiệm đầu tay của thời kỳ dự bị. Điều này cực kỳ cần thiết.

Đó cũng là những gì đức Phật đã tìm thấy. Và đó là lý do tại sao Ngài tọa thiền bên giòng sông Najranjana trong nhiều năm, hầu như không đi khỏi chỗ. Ngài tọa thiền theo cách riêng của mình, và Ngài tìm thấy rằng trở lại thế gian là câu trả lời duy nhất. Khi Ngài tìm ra trạng thái tâm giác ngộ, Ngài ý thức rằng sống đời khổ hạnh và tự hành hạ mình chẳng có ích gì, thế là Ngài đứng lên đi xin thức ăn. Người đầu tiên Ngài gặp, ở gần Bodhgaya, là một phụ nữ giàu có sở hữu nhiều bò sữa. Bà cho Ngài sữa đặc đun sôi trộn với mật ong. Ngài uống và thấy rất ngon. Không chỉ thế, Ngài còn thấy sức khỏe và năng lực tăng lên, và kết quả là Ngài có thể đạt được tiền bộ lớn lao trong công phu tọa thiền. Điều tương tự đã xảy ra trong trường hợp của Milarepa, nhà Đại du-già Tây tạng. Lần đầu ra ngoài và nhận được một bữa ăn được chuẩn bị ngon lành, Ngài thấy mình có được sức mạnh mới và có thể thiền đúng đắn.

Lúc đó đức Phật tìm quanh một chỗ ngồi thoải mái sau khi thấy rõ rằng ngồi trên đá thì quá cứng và đau. Một người nông phu cho Ngài một bó cỏ kusa. Đức Phật rải quanh một góc cây ở Bodhgaya rồi ngồi xuống đó. Ngài khám phá ra rằng miền cứng đạt thành cái gì đó không phải là câu trả lời, và thật vậy lần đầu tiên Ngài thừa nhận rằng không có gì để thành tựu. Ngài từ bỏ mọi tham vọng. Ngài đã uống sữa, đã có chỗ ngồi, và đã giúp bản thân thoải mái. Tối hôm đó cuối cùng Ngài đã đạt được chính giác (sambodhi), trạng thái giác ngộ hoàn toàn. Nhưng điều đó vẫn chưa đủ, Ngài chưa hoàn toàn hàng phục mọi thứ. Tất cả những nỗi sợ hãi, sự căm dỗ, và ham muốn dấu kín, sự trói buộc cuối cùng của tự ngã, đã xuất hiện dưới dạng Mara, kẻ xấu. Lúc đầu Mara cho những người con gái xinh đẹp của mình đến quyến rũ Ngài nhưng không thành. Và rồi xuất hiện những đoàn quân hung dữ của Mara, chiến thuật cuối cùng của tự ngã. Nhưng đức Phật đã đạt đến trạng thái của tâm từ (maitri). Nói cách khác, Ngài không chỉ từ bi theo nghĩa nhìn xuống Mara như một chúng sinh ngu muội – vì Mara là hình ảnh phóng xuất của chính Ngài – mà Ngài đã tự thành trạng thái không đề kháng, trạng thái không bạo động, trạng thái mà Ngài đồng nhất được với Mara. Kinh điển nói rằng mỗi mũi tên của Mara trở thành một cơn mưa hoa rơi xuống trên thân Ngài. Thế là cuối cùng tự ngã đã đầu hàng và Ngài thành tựu giác ngộ. Tự thân chúng ta có thể có một kinh nghiệm như thế, có lẽ trong một thoáng trong sáng và an bình ngắn ngủi – trạng thái mở của tâm – nhưng điều đó chưa hoàn toàn đủ. Chúng ta phải học cách đưa trạng thái đó vào hiện thực, phải sử dụng trạng thái đó làm một loại trung tâm, từ đó chúng ta có thể vươn rộng ra. Ta phải tạo ra hoàn cảnh quanh ta, để ta không phải nói, “tôi là người giác ngộ.” Nếu phải nói một điều như thế và phô diễn bằng ngôn ngữ thì ta không đạt sự giác ngộ.

Rồi đức Phật bước đi trong vòng bảy tuần. Theo một nghĩa nào đó Ngài chỉ có một mình, và ta có thể nói Ngài là người rất cô độc, vì Ngài là người duy nhất đã nhìn thấy và đã thành tựu điều gì đó. Ngài đã biết được một số câu trả lời có liên quan

đến đời sống và việc tìm ra ý nghĩa chân chính, hay cái như thế, trong thế giới luân hồi sinh tử. Nhưng Ngài không biết chắc làm thế nào để trình bày điều này và Ngài đã quyết định không nói ra. Trong kinh có một bài tụng nói rằng: "Sự yên bình sâu lắng không giới hạn, đó là giáo pháp ta đã tìm thấy. Nhưng không ai có thể hiểu được điều này, vì thế ta sẽ giữ im lặng ở trong rừng." Nhưng rồi sự hình thành đích thực và cuối cùng của lòng từ bi đã đến và Ngài thấy được khả năng tạo ra một hoàn cảnh thích hợp. Cho đến lúc đó Ngài vẫn có ý muốn giảng dạy (vì Ngài đã tựu thành cái gì đó, Ngài cảm thấy nên cứu vớt thế gian – nếu ta có thể dùng cách diễn tả như thế). Thế nhưng Ngài phải từ bỏ ý tưởng cứu vớt tất cả chúng sinh này. Rồi đúng lúc Ngài quyết định rời bỏ thế gian và trở lại rừng xanh thì lòng từ bi đích thực, không vị ngã, sinh khởi trong Ngài. Ngài không còn ý thức về mình là một bậc đạo sư, Ngài không còn có ý tưởng phải cứu vớt con người; thế nhưng bất cứ khi nào tự thân hoàn cảnh trình hiện thì Ngài đều giải quyết một cách tự nhiên.

Đức Phật giảng dạy trong khoảng bốn mươi năm, và suốt đời đi bộ khắp nước Ấn. Ngài không cỡi voi, ngựa hay xe mà chỉ đi chân trần. Tôi nghĩ nếu có ai trong chúng ta được nhìn thấy Ngài hoặc nghe Ngài nói thì chắc chắn đó sẽ không phải là một bài pháp thoại như chúng ta biết, mà chỉ là một cuộc chuyện trò đơn giản. Điều quan trọng không phải là lời nói của Ngài mà là hoàn cảnh Ngài đã tạo ra. Chẳng phải vì Ngài đã thành tựu một sức mạnh tinh thần như thế, và nhờ thế đã chế ngự được toàn bộ hoàn cảnh, mà chỉ vì Ngài chân thật – giống như bất cứ ai trong chúng ta cũng đều có thể chân thật như thế. Vì vậy giáo pháp đã được giảng dạy trước khi Ngài mở miệng nói ra. Đó là lý do tại sao chúng ta thấy kinh điển nói rằng các thần linh, a-tu-la, và tất cả các hạng người từ những vùng khác nhau ở Ấn đã đến nghe Ngài nói, nhìn thấy Ngài và gặp mặt Ngài; và tất cả đều có thể hiểu Ngài. Họ không phải hỏi Ngài các câu hỏi nhưng tự nhiên họ đều nhận được các câu trả lời. Đó là một ví dụ tuyệt vời về sự cảm thông. Đức Phật không bao giờ cho rằng Ngài là hóa thân của Thượng đế hay bất cứ thần linh nào. Ngài chỉ là một con người đã thông suốt những điều nào đó và đã đạt được trạng thái giác ngộ của tâm. Bất cứ ai trong chúng ta cũng đều có thể, hay ít nhất cũng có một phần nào đó, khả năng có được một kinh nghiệm như thế.

Từ ví dụ trên ta thấy rằng nói năng không phải là phương tiện truyền đạt duy nhất. Sự truyền đạt đã có mặt trước khi chúng ta nói điều gì, cho dù đó chỉ là những câu nói thông thường "Xin chào", hay "Ông khỏe không?" Dầu sao thì sự truyền đạt vẫn còn tiếp tục sau khi ta nói xong. Toàn bộ sự việc phải được điều động một cách khéo léo, bằng sự chân thật chứ không phải bằng sự quy ngã. Lúc đó sẽ không còn dấu vết của ý niệm nhị nguyên; và phương cách truyền đạt đúng đắn sẽ được hình thành. Điều này chỉ có thể đạt được nhờ vào kinh nghiệm tìm kiếm của chính chúng ta chứ không phải nhờ sự sao chép tấm gương của một người nào đó. Khổ hạnh hay bất cứ khuôn mẫu định sẵn nào đều không thể cho ta câu trả lời. Tự



PHẬT VỀ

*Phật về từ hạt sương sa
Gieo lên từng hạt đóa hoa dâng đời.
Phật về theo cánh mây trôi
Làm mưa cho cả đất trời nở hoa.*

*Phật về trong mỗi sát na
Phút giây hiện tại, tình ca muôn trùng
Từ vô thủy, đến vô chung
Từ không có, đến vô cùng tử sinh.*

*Phật hằng trải cuộc hành trình
Gieo mầm tuệ giác, wong tình mười phương.
Phật về theo gió đưa hương
Kết vầng nhật nguyệt, tỏ đường thế gian*

*Pháp nào sinh diệt, niết bàn
Phật luôn thị hiện đạo tràng bình an
Phật về vô lượng hào quang
Phật trong cát bụi,
Phật ngàn sao xa.
Phật trong đời, Phật trong ta.*

(Atlanta, mùa Phật Đản)

thơ **MẠC PHƯƠNG TỬ**

thân chúng ta phải thực hiện động thái đầu tiên hơn là mong đợi từ thế giới hiện tượng hay từ người khác. Nếu chúng ta đang hành thiền ở nhà và tình cờ nhận ra mình đang sống ở một đường phố lớn, chúng ta không thể bắt xe cộ phải dừng lại chỉ vì chúng ta muốn có sự thanh bình và yên tĩnh. Chúng ta có thể chặn đứng chính mình, chúng ta có thể chấp nhận tiếng ồn. Tiếng ồn cũng chứa đựng sự yên lặng. Chúng ta phải đặt mình vào đó và không mong đợi bất cứ điều gì từ bên ngoài, giống hệt như đức Phật đã làm. Và chúng ta phải chấp nhận bất cứ hoàn cảnh nào xảy ra. Chừng nào chúng ta không thoát ra khỏi hoàn cảnh thì nó vẫn luôn luôn trình hiện như một cỗ xe và chúng ta sẽ có thể sử dụng đến nó. Giống như kinh điển có nói: "Pháp tốt ở phần đầu, Pháp tốt ở phần giữa, Pháp tốt ở phần cuối." Nói cách khác, Pháp không bao giờ bị lỗi thời, vì từ căn bản hoàn cảnh thì luôn luôn như thế.

[trích Thiền trong hành động]

PHẬT LỊCH VÀ PHẬT ĐẢN

(Buddhist Era and Buddha's Birth Year)

Trần Việt Long

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Nhiều Phật tử hỏi người viết về sự khác biệt giữa hai con số 2569 và 2649 trên các thông báo trong Mùa Phật Đản nên người viết xin được trình bày vấn đề này để phân biệt hai con số đó.

Thật ra không có gì mâu thuẫn giữa năm Đức Phật đản sinh 2641 BE và năm Đức Phật niết bàn 2561 BE cả, nhưng trước hết cần phân biệt vài chữ viết tắt về niên đại.

BE là Buddhist Era, niên đại Phật giáo, Phật lịch tính từ khi Đức Phật đản sinh.

CE là Common Era, niên đại công nguyên, Dương lịch, đồng nghĩa với CE là Christian Era, niên đại Thiên Chúa giáo tính từ khi Chúa Jesus giáng sinh.

BC là Before Christ, trước Chúa Jesus giáng sinh.

BCE là Before Christian Era, Before Common Era, trước công nguyên.

Phật Đản (Buddha's birth year) căn cứ vào năm Đức Phật đản sinh cộng với năm dương lịch, tức là Ngài đã đản sinh 2649 năm trước: $624 \text{ BCE} + 2025 \text{ CE} = 2649 \text{ BE}$.

Phật Lịch (BE, Buddhist Era) căn cứ vào năm Đức Phật niết bàn, tức là lấy năm Đức Phật đản sinh trừ đi 80 năm trụ thế của Ngài: $624 \text{ BCE} - 80 = 544 \text{ BCE}$. Tính ra Dương lịch thì Đức Phật đã niết bàn 2569 năm trước: $544 \text{ BCE} + 2025 \text{ CE} = 2569 \text{ BE}$. Khi Đức Phật đã thành Phật rồi thì mới tính Phật Lịch chứ khi mới sinh thì Thái tử Siddhartha Gautama vẫn là người bình thường.

Lại có Phật tử muốn biết tại sao có nơi, có sách viết Đức Phật đản sinh năm 563 BCE và niết bàn năm 483 BCE? Sự khác biệt 61 năm này là do hai nguyên nhân.

Một là, theo niên đại truyền thống của Phật giáo thì Đức Phật đản sinh năm 624 BCE và niết bàn năm 544 BCE. Niên đại này căn cứ vào những chiếc lá bối ghi lại ngày và nơi sinh của Đức Phật còn được một số tu sĩ Phật giáo Tích Lan lưu giữ.

[The birth date given here (26 April 624 BCE [-623]) is based on "palm leaves in possession of certain Ceylonese priests" which allegedly state that "the Buddha was born in Kaliyuga 2478, on the Full Moon day of the lunar month of Vaisakha, Tuesday, at about midday" (B.V. Raman, "Notable Horoscopes", 1991(6), pp. 9ff., footnote).

Nhưng theo truyền thống Nam Truyền Theravada thì Đức Phật đản sinh năm 563 BCE và niết bàn năm 483 BCE (Theravada Buddhist Chronology). Niên đại này, 563 BCE và 483 BCE, được căn cứ vào cột đá do Vua A-Dục thiết lập tại nơi Đức Phật đản sinh Lâm Tỳ Ni trong giữa thế kỷ thứ 3, và vào Kinh Đại Bát Niết Bàn (Mahāparinibbāna Sutta), kinh thứ 16 trong Trường Bộ Kinh (Digha Nikaya/Collection of Long Discourses), nói về những lời dạy cuối cùng của Đức Phật trước khi Ngài niết bàn, và sự cung nghinh xá lợi của Đức Phật của các vương quốc trong nước Ấn Độ vào thời đó.

Hai là, trong khi hầu hết các nước thì năm Đức Phật đản sinh đều được ghi là năm thứ nhất (1) trong khi đó Lịch Sri Lanka ghi là năm zero (0) thành thử chúng ta có hai con số cách nhau một năm.

Lịch Sri Lanka: Đức Phật đã đản sinh năm 563 BCE và niết bàn năm 483 BCE.

Lịch Thái Lan: Đức Phật đã đản sinh năm 564 BCE và niết bàn năm 484 BCE.

Trong bài viết "Simple Buddhist-Christian Era Conversion Forms. May 2011" cũng ghi rõ về sự cách biệt 1 năm và 61 năm đó như sau:

"According to the traditional dating the Buddha was born in 624 BC, attained Awakening 35 years later in 589 BC and entered Paribbāna in 544 BC. It is from the latter date that we take the Buddhist Era (Thailand dates it as year 1, Sri Lanka as year zero).

Most scholars now think that the actual dates should be set approx. 100 years later (there is much difference in opinion), but the dates in any case should not be taken as hard and fast, but rather as agreed times for the purposes of celebrations, etc.

Christians may not realize [realize] that the same situation applies to Christ as there was a miscalculation in the early Church and it is now believed Jesus was born between 2 and 7 years before Christ."

Thật ra ngày giờ cùng năm tháng đản sinh của Đức Phật còn có nhiều dị biệt mà nguyên nhân chính là do các tổ chức Phật giáo tại mỗi địa phương của nhiều quốc gia chọn ngày cử hành Lễ Đức Phật Đản Sinh tùy theo thời tiết và ngày trăng sáng trong quá khứ khi mà sự giao thông liên lạc giữa các địa phương còn quá khó khăn trong lịch sử hơn hai ngàn năm trước.

KINH MỪNG PHẬT ĐẢN I

(Thất ngôn, Thập nhị cú)

*Cúi đầu đánh lễ thấp đèn hương
Hoa quả dâng lên nguyện cúng dường
Năm sắc cờ bay khơi phúc lạc
Ba hồi trống rước mở tâm lương
Trầm xông bảo điện trang nghiêm tượng
Đức toả cần khôn tịch tĩnh đường
Bảo kê cao âm lan diệu pháp
Ngọc kinh diệu nghĩa trái chơn chương
Xua tan chướng nghiệp lìa hư ảo
Rửa sạch oan khiên học đạo thường
Đón Phật Đản Sinh sen tỏa ngát
Băng rôn biểu ngữ kết huyền trương...!*



KÍNH MỪNG PHẬT ĐẢN II

(Thập nhị đồng âm, thất ngôn, thập nhị cú)

*Năm sắc cờ bay rợp đất trời
Đón mừng Phật Đản khắp muôn nơi
Đèn hoa thấp sáng thiên tâm rọi
Cửa đạo khai thông mắt tuệ soi
Mô nhiếp kinh trì an định lối
Chuông ngân pháp diễn tịnh nghiêm lời
Gieo mầm thiện hạnh thiêng ân gội
Tựa đấng chân nhân ác nghiệp rơi
Nhất hướng Tỳ Lô hoa tạng giới
Đồng quy Tô Án định duyên thời
Ấn nhân tu hành hương đạo nổi
Thiên thi xướng vịnh ánh quang ngời...!*

KÍNH MỪNG PHẬT ĐẢN III

(Thập nhị đồng âm, thất ngôn, thập nhị cú)

*Phật Đản cờ bay khắp nẻo đường
Lễ đài hoa nở ngát thơm hương
Tăng Ni nhất niệm tâm thành dưỡng
Phật Tử chung lòng ý tịnh nương
Mô nhiếp kinh văn trì phúng tụng
Chuông ngân pháp bảo khai hoằng dương
Nguyện mong cửa đạo luôn an vượng
Nguyện hưởng thiên nguyên mãi tịnh trường
Bốn biển thanh bình thiên địa vững
Năm châu thịnh mãn quốc dân hưng
Tĩnh tại như nhiên quy chí thượng
Duyên lành hiển hiện lắng trần vương.*

KÍNH MỪNG PHẬT ĐẢN IV

(Thất ngôn, Thập nhị cú)

*Kính mừng Phật Đản mở tâm thiền
Tụng đọc chơn kinh lắng nghiệp duyên
Thiết trí lễ đài treo biểu ngữ
Diễn khai pháp nhũ thấp hương nguyên
Trầm xông tỏa ngát khơi niềm tịnh
Kê bổng ngân vang tỏa đạo thiêng
Bảo tượng trang nghiêm tròn diệu tướng
Vườn chùa tịch tĩnh mãi chơn viên
Cờ bay phất phới tung năm sắc
Chim hót hân hoan trải khắp miền
Ánh tuệ bừng lên soi mọi nẻo
Thanh bình thế giới chuyển oan khiên.*

KÍNH MỪNG PHẬT ĐẢN V

(Thập nhị vĩ đồng âm-Thất ngôn-Thập nhị cú)

*Thích Ca thị hiện độ quần sanh
Dẫn dắt người mê thoát khổ hành
Thuyết pháp tuyên dương an lạc hạnh
Khai phương diễn giảng hỷ bi thanh
Tùy duyên giáo hoá thiên ân thanh
Thuận cảnh truyền trao lễ đạo thành
Đức tuệ trang nghiêm lìa tục gánh
Cần trần tịch tĩnh bật hư danh
Hằng sa pháp giới quy chơn tánh
Biển sóng trần gian hưởng thiện lành
Nhất niệm hồi đầu nương pháp chánh
Niềm vui toả chiếu hiển bao quanh...!*

thơ

TRÚC NGUYÊN THÍCH CHÚC HIỀN kính đề

MÀU Y BỘ PHÁI – LIÊN HỆ ĐẾN NHUỘM TỊNH VÀ ĐIỂM TỊNH

Lịch sử Pháp Tạng Bộ và Luật Tứ Phần

Bhikkhu Cittacakkhu

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

I. NHÂN DUYÊN NHUỘM TỊNH VÀ ĐIỂM TỊNH

1. Lý do đức Phật chế giới:

Chương này tiếp nối chương trước, bắt đầu câu chuyện vì sao đức Phật chế giới làm hoại sắc y mới. Chúng tôi tóm tắt câu chuyện theo hai nhóm như sau:

Nhóm “hoại sắc y mới” bằng cách nhuộm màu (nhuộm tịnh [nhiễm tịnh 染淨]):

(1) Luật Tăng-kỳ (p. 369a6) kể rằng do tỳ-kheo và ngoại đạo mặc y không cắt rọc giống nhau; ưu-bà-tắc thấy ngoại đạo mà nhầm tưởng là tỳ-kheo. Nhân đó đức Phật quy định phải nhuộm màu y và dùng y cắt rọc.

(2) Luật Tứ phần (p. 676b20), Căn bản (p. 842c27 – p. 845a13), Luật nhiếp (p. 593a5), Tì-nại-da (p. 889a10) đều nói do nhóm sáu tỳ-kheo mặc y trắng, hoặc mặc y mới không nhuộm, người đời cơ hiểm. Đức Phật mới chế định nhuộm y.

Nhóm “hoại sắc y mới” bằng cách dùng màu làm dấu (điểm tịnh 點淨):

(1) Luật Tăng-kỳ (p. 369a15, p. 369a21) có hai câu chuyện cùng một quy định. Chuyện thứ nhất: Một tỳ-kheo được y kiêu-xá-da (koseyya), một tỳ-kheo được y khâm-bà-la (Kambala), họ tính dùng loại nước nhuộm thô dơ để nhuộm. Đức Phật bảo làm như vậy sẽ hư y, Ngài chỉ dạy cho hai cách tác tịnh: làm tịnh bằng cách cắt rọc (tiệt lũ tịnh 截縷淨) và điểm tịnh màu xanh

(thanh tịnh 青淨). Chuyện thứ hai (p. 369a27): Tôn giả Tôn-đà-la Nan-đà (Sundara-nanda) con của bà Đại Ái Đạo, Di mẫu của Phật, có 30 tướng đẹp giống Phật. Một hôm tôn giả đi khất thực trở về tinh xá Kỳ-hoàn, các tỳ-kheo nhầm tưởng đức Phật, đứng dậy chấp tay chào. Do đó, đức Phật quy định điểm dấu cho y hoại sắc.

(2) Nhân duyên Phật chế giới trong luật Pāli (Vin. 2, 120), chuyện kể, các tỳ-kheo đi chung đường với du sĩ ngoại đạo (paribbājakā) từ thành Sāketa đến Sāvattthi, gặp cướp cướp y. Luật Ngũ phần (p. 68a6): Các tỳ-kheo cùng bạn (có thể bạn xuất gia ngoại đạo) đi vào nước Câu-tát-la (Kosala), bị cướp y bắt. Khi ấy, lính tuần canh (luật Pāli: lính nhà vua) vây bắt bọn cướp, thu lại nào là y nhuộm, y trắng, dòn chung một chỗ. Luật Pāli không nói y phục màu trắng. Sau đó, quân lính gọi tỳ-kheo đến lấy, các tỳ-kheo không phân biệt được y nào của mình. Phật quy định làm dấu.

(3) Luật Thập tụng (p. 108c28) tường thuật câu chuyện thứ nhất: Nhóm sáu tỳ-kheo mặc bạch y, Phật quở trách sao mặc y không tác tịnh nhuộm? Lúc này Phật chưa chế giới. Câu chuyện thứ hai (p. 109a22): Các tỳ-kheo đi từ nước Kiêu-tát-la đến nước Xá-vệ, cùng khách buôn vượt qua đường hiểm, bị bọn cướp cướp đồ khách buôn và y phục của tỳ-kheo. Những người xuất gia khác cũng bị cướp y phục trong đoạn đường này. Bọn cướp gom y cướp được để một chỗ, vì kính tín Phật pháp, chúng gọi tỳ-kheo quay lại lấy nhưng người xuất gia khác cũng có y nhuộm nên các tỳ-kheo nghi ngờ tưởng y của họ, không dám lấy. Đức Phật mới quy định dùng màu điểm tịnh y mới.

2. Nhận định nhuộm tịnh:

Trong hai “trường phái” nhuộm tịnh và điểm tịnh, đâu mới thật sự là qui chế được đặt ra bởi chính đức Phật? Trước tiên, chúng tôi giải thích về câu chuyện liên quan đến vấn đề nhuộm tịnh.

Những câu chuyện duyên khởi trong mỗi bộ luật khá phồn tạp và tồn tại nhiều điểm khác biệt. Sự khác biệt này chắc hẳn do bộ phái cải biên từ một bộ luật gốc [1]. Hiện nay các nhà nghiên cứu Phật học như Bareau, Pachow, Hofinger, Frauwallner và Roth đều công nhận luật Tăng-kỳ của Đại chúng bộ vẫn đại diện cho



truyền thống cổ xưa nhất trong tất cả các truyền thống Luật tạng [2]. Tuy nhiên chúng tôi đứng ở vị trí khách quan hơn, chỉ y cứ vào điểm giống nhau giữa các bộ luật và lấy bối cảnh xã hội thời cổ đại Ấn-độ mà thảo luận.

Thời kỳ sơ khai, đứng về phương diện tôn giáo, từ bhikkhu (tỳ-kheo), paribbājakā (du hành giả), yati (xuất gia), samaṇa (sa-môn)... đều chỉ chung cho số người xuất gia sống không gia đình. Tất cả sống giống nhau hoặc giao hảo với nhau. Cho nên chúng ta thấy trong các văn bản đều phản ánh bức tranh của quá khứ đó, câu chuyện về tỳ-kheo Phật giáo đi chung đường với du sĩ ngoại đạo (paribbājakā), và có sự nhầm lẫn giữa hai nhóm tôn giáo này như luật Tăng-kỳ tường thuật. Rõ ràng lúc này, cộng đồng sinh hoạt của những người du sĩ chỉ chung đều không có gì khác biệt, nhất là giữa tỳ-kheo Phật giáo với paribbājakā. Trong luật [3] kể tỳ-kheo Phật giáo trao đổi y phục với du sĩ ngoại đạo để mặc là chuyện có thật. Hoặc những du sĩ ngoại đạo luôn sống bên cạnh các tỳ-kheo Phật giáo như trường hợp hai thầy trò Phạm-chí (梵志, paribbājakā) Suppiyo paribbājaka và Brahmadatta [4]. Luật Pāli nhắc đến những người paribbājakā này 82 lần, trải rộng trên 13 câu chuyện riêng lẻ, minh chứng thể chế khổ hạnh paribbājakā thời ấy được công nhận [5]. Luật còn kể họ có cả một khu lâm viên (paribbājaka-ārāma) cho cộng đồng của họ sinh hoạt. Do đó chúng tôi đưa ra giả thiết, đức Phật quy định “làm hoại sắc” (disfigure, 壞色, Pāli: dubbanna) chiếc y là để đảm bảo khác biệt với hình ảnh các ngoại đạo paribbājakā là sự thật, dù câu chuyện có khác đôi chút trong Tăng-kỳ hay các bộ luật khác.

Một chi tiết đáng chú ý trong luật Tăng-kỳ [6] được kể thêm, khi đức Phật quy chế cho tỳ-kheo phải nhuộm y và dùng y cắt rọc để khác với ngoại đạo, thì ngoại đạo cũng dùng đá đỏ nhuộm y, lưu lọn tóc trên đỉnh đầu [7], dùng gậy ba nhánh [8] để khác với tỳ-kheo Phật giáo. Có thể từ lý do này mà chúng ta thấy hàng loạt những quy định khác cũng nhằm muốn các tỳ-kheo khác biệt với ngoại đạo, như luật Tứ phần [9] nói, có tỳ-kheo xin phép dùng gậy ba nhánh [10], vì giống ngoại đạo nên Phật không cho. Hoặc trường hợp nhóm sáu tỳ-kheo dùng dù, làm cư sĩ nhầm lẫn tưởng họ là ngoại đạo, Phật cũng cấm không cho dùng (luật Pāli, Vin. II, 130).

Như vậy, lúc bấy giờ đức Phật dùng ba màu phát sinh từ phương thức nhuộm trước đó, nay quy định lại để thống nhất cho màu y Tăng đoàn, cũng như để khác biệt với y phục ngoại đạo là lý do chính.

Còn về câu chuyện tỳ-kheo mặc y trắng của thể tục cần phải nhuộm, đại sư Ấn Thuận cho rằng sắc phục đương thời không có quy định nghiêm khắc, chỉ là không dùng màu trắng [11]. Điều này đối với chúng tôi có nhiều nghi vấn và thắc mắc. Thời Phật, từ “bạch y 白衣” (Skt. avadāta-vasana, P. odāta-vasana) chỉ cho số người thể tục tại gia Ấn-độ thích màu trắng, màu

trong sáng, quý phái, sang trọng, và thời ấy y phục của cư sĩ ăn mặc rất nhiều màu rực rỡ, đức Phật đều cấm, màu trắng không ngoại lệ, có sao nhân duyên chế giới này chỉ vì màu trắng? Trong chương trước chúng tôi đã dẫn chứng, đức Phật quy định tỳ-kheo nhận y thí của cư sĩ phải nhuộm màu ca-sa mới được mặc, và luật Tăng-kỳ nói rõ, y chưa nhuộm là y cư sĩ, y nhuộm hoại sắc là y của người xuất gia [12]. Sao đến giới này tỳ-kheo tiếp tục mặc y trắng?

Hơn nữa, trong học xứ nissaggiya pācittiya (ni-tát-kỳ ba-dật-đề 6) đã chế, cấm nhận y trắng và nhận y mới phải nhuộm: luật bộ phái [13] đều ghi chép đức Phật không cho phép tỳ-kheo xin y từ cư sĩ không phải thân quyến. Trừ trường hợp đặc biệt là tỳ-kheo bị mất y, bị cướp y v.v. mới được xin. Phật cho phép trong trường hợp đặc biệt, tỳ-kheo được phép mượn y của Tăng mặc. Khi có y mới phải giặt, nhuộm, may trả lại [14]. Cũng trong học xứ này Thập tụng và Căn bản giải thích, nếu tỳ-kheo yêu cầu cư sĩ cúng cho mình y màu xanh, màu vàng, đỏ, trắng, đen, y bạch ma, xích ma, xí-di-la, khâm-bà-la, sô-ma, kiếp-bối v.v... đều phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề [15]. Vậy tại sao đến học xứ pācittiya (ba-dật-đề): “làm hoại sắc y mới” chế sau, tỳ-kheo lại tiếp tục mặc y trắng?

Chúng tôi không dám kết luận một cách chẵn chẵn nhưng nghi ngờ, có thể do Hữu bộ (luật Thập tụng), Pháp tạng bộ (luật Tứ phần), Căn bản thuyết nhất thiết hữu bộ (Căn bản, Luật nhiếp) ảnh hưởng hệ phái Thượng tọa trọng luật, luôn cường điệu tính ưu việt của chúng xuất gia, xu hướng tách biệt với người tại gia, từ đây mới có sự cải biên duyên khởi khác nhau, lồng câu chuyện liên quan tỳ-kheo mặc y trắng vào. Hoặc do truyền thống tự do truyền khẩu, cũng như viết theo ký ức mà chính bản thân luật bộ phái và giữa mỗi bộ phái có sự mâu thuẫn bất nhất. Chúng tôi đặt nhiều nghi vấn nhưng đáp án xin trao tay lại cho các sử gia tài ba hơn. Chúng tôi trở lại đề tài chính trong chương này.

II. ĐIỂM TỊNH VÀ NHUỘM TỊNH

Vấn đề nhuộm tịnh do chính đức Phật chế giới đã được làm sáng tỏ như trên. Nếu đức Phật đã quy định nhuộm tịnh để đem lại dấu ấn riêng cho Tăng đoàn, thì quy định điểm tịnh được đề cập trong hầu hết các bộ phái nên được luận giải thế nào?

Ngày nay, trong nghi thức thọ giới cụ túc (upasampadā) của Phật giáo Nam tông tại Thái, một tân tỳ-kheo sau khi nhận giới cụ túc, được vị Hòa thượng (upajjhāya), A-xà-lê (ācariya), hay tỳ-kheo khác chỉ dạy cho họ cách dùng một trong ba màu: xanh, bùn và đen, điểm ba dấu nhỏ ở một góc chiếc y, mỗi lần điểm mỗi lần nói: “Imam bindu-kappam karomi” (Tôi đánh dấu thể này đúng cách). Họ dùng bút chì (hay dụng cụ khác) để đánh dấu, hoặc viết tắt tên mình lên trên đó. Mục đích là làm giảm sức hấp dẫn của chiếc y, hoặc để biết y đó là của riêng mình [16].

Từ Pāli: kappa (Sanskrit: kalpa), dịch là đúng cách, thích hợp, tịnh pháp, sự thừa nhận;

nó đồng nghĩa với chữ “tịnh 淨” trong nhuộm tịnh (nhiễm tịnh 染淨) hay điểm tịnh (點淨) của Hán dịch. Chữ “tịnh 淨” ở đây không liên quan gì đến ô uế hay thanh tịnh. Chữ tịnh còn có nghĩa là tác tịnh 作淨, Skt. vikalpita, dịch “tư duy, vọng tưởng phân biệt (ý thức cấu trúc sai biệt)”, tức đánh dấu theo hình thức nhuộm màu hoặc điểm màu là ý thức phân biệt, biết ý đó, vật đó thuộc sở hữu của mình, và xem như nó đã được hợp thức hóa, có thể sử dụng một cách hợp pháp.

Dựa vào ý nghĩa của chữ “tịnh” được luận giải như vậy, chúng tôi nghi ngờ điểm tịnh cũng chính do đức Phật chế nhưng chế với mục đích để hợp thức hóa chiếc y thuộc của mình, như những hình thức khác mà chúng ta thấy trong luật nói. Ví dụ, trường hợp đức Phật cho phép lấy một nơi nào đó để dành riêng làm chỗ nấu ăn thì gọi là “tịnh địa 淨地”, Pāli: kappiyabhūmi [17]. Hoặc lấy chỗ đất vắng làm nhà bếp cất chứa thức ăn, gọi là “tịnh trừ 淨厨”, “tịnh trừ ốc 淨厨屋” [18]; hay ấn định phòng nào đó kết thành nhà kho, Pāli: kappiyakuṭi, Hán dịch “tịnh ốc 淨屋”, “tịnh xứ 淨處” [19]. Thêm nữa, tỳ-kheo không được ăn trái cây tự hái, đó là quả bất tịnh (不淨菓). Phật dạy, phải tác tịnh rồi mới được ăn. Trước tiên nhờ tịnh nhân (淨人, Pāli: ārāmika, người phục vụ, giúp việc trong chùa) dùng móng tay tác tịnh cạo vào (trảo tịnh 爪淨, Pāli: nakkhaparicitam, đã bị móng tay phạm) rồi tỳ-kheo mới được lấy dùng [20], v.v... Hoặc trường hợp dùng y phẩn tảo, đức Phật cũng dạy cách hợp thức hóa là ba y còn mới hay đã cũ, phải nỗ lực tìm kiếm y phẩn tảo (pamsukūla, loại vải vứt bỏ) ở cửa tiệm, rồi cho phép vá đắp lên [21].

Tuy nhiên, giả thuyết của chúng tôi có hợp lý hay không, cần đi sâu vào phân tích thêm qui tắc điểm tịnh được ghi chép trong Luật tạng của mỗi bộ phái. Điểm tịnh trong luật Ngũ phần dịch “tác xí作幟”, làm dấu. Bản Tống, Nguyên, Minh, Cung [22] chép “tác chí 作誌”. Luật Pāli dùng từ “ādātabba”, Nam truyền [23] Hán dịch là “應取 用 手” – phải lấy, nên lấy, nên dùng... Buddhaghosa chú giải là điểm tịnh (點淨) [24]. Thiện kiến luận giải thích: “Lấy 3 màu đó (xanh ten đồng, xanh lam, hoặc màu mộc lan) điểm tịnh, dấu nhỏ nhất như hạt mè lớn.” Luật Pāli: Nên dùng một loại màu hoại sắc trong ba loại màu hoại sắc, tức áp dụng dù chỉ nhỏ như đầu lá cỏ kusa [25] (tinnaṃ dubbanna-karaṇaṇam



aññataraṃ dubbanna-karaṇaṇam ādātabbanti antamaso kusaggenapi ādātabbam) [26]. Luật Tăng-kỳ cũng nói: Khi tác tịnh không được lớn, không được nhỏ; lớn tối đa bằng 4 ngón tay, nhỏ tối đa bằng hạt đậu [27]. Luật Pāli giải thích trường hợp không phạm: Sau khi áp dụng rồi được phép sử dụng (tức y nào đã được đánh dấu không cần đánh dấu lại), điểm tịnh bị sòn đi, phần điểm tịnh trên y bị mất theo thời gian.... thì không phạm (Anāpattiādiyitvā paribhuñjati, kappo naṭṭho hoti, kappakatokāso jinno hoti...). Ngũ phần và Tát-bà-đa tì-ni tì-bà-sa cũng giải thích tương tự [28]: Nếu nhận được y mới, trước đã đánh dấu rồi thì không làm nữa, hoặc chỗ đánh dấu (điểm

tịnh) có bị phai không cần điểm lại.

Chúng ta thấy quy chế này khá hời hợt và nặng tính hình thức, không có giá trị ràng buộc, không thể hiện tính nghiêm khắc, có vẻ không quan trọng và chẳng cần thiết? Nếu theo cách chứng minh của chúng tôi từ đầu cho đến nay, hình thức nhuộm tịnh hay điểm tịnh đều nhằm mục đích giúp phân biệt y phục đặc trưng của tỳ-kheo với nhiều yếu tố ngoại lai khác, thì vì sao dấu điểm tịnh đã mờ mà vẫn được xem là hợp lệ, chiếc y đó vẫn tiếp tục được sử dụng không cần làm dấu lại? Điều này hoàn toàn vô lý vì phá vỡ ý nghĩa của việc tác tịnh. Đức Phật không thể quy định như vậy.

Xem xét thêm quan niệm về một chiếc y mới (trong học xứ “làm hoại sắc y mới”), Luật Pāli (Vin. 120) giải thích: “Mới là pháp điểm tịnh chưa thực hiện”. Trong khi đó, những bộ luật khác lại quan niệm không tương đồng. Tứ phần (p. 676c09): “Mới là y mới, hoặc mới nhận từ người khác, đều gọi y mới”. Thập tụng (p. 109b10): “Y mới, nếu tỳ-kheo được y cũ từ người khác, y cũ đó vừa mới được thì cũng gọi là y mới”. Tăng-kỳ (p. 369b12): “Y [vải] mới là y [vải] vừa mới dệt xong, như y [vải] khâm-bà-la, vải tơ mịn...” Căn bản (p. 845a16): “Y mới có hai loại, chất vải [y] còn mới và có được từ người khác”.

Đa số các bộ phái đều định nghĩa y mới nghĩa là chất liệu y còn mới hoặc mới được nhận từ người khác. Như chúng tôi đã giải thích trong chương trước, một chiếc y mới chỉ trở thành y phục chính thức của tỳ-kheo sau khi đã nhuộm màu ca-sa làm hoại sắc. Do đó, trường hợp chiếc y mới cần phải nhuộm tịnh để trở thành y tỳ-kheo hay y Tăng đoàn là hợp lý, là tuân thủ theo tiêu chuẩn do Phật quy định. Tuy nhiên, chỉ có luật Pāli đặt nặng tính làm dấu, nên lại định nghĩa y “mới” là y chưa làm dấu (điểm tịnh). Hay nói cách khác, luật Pāli và các bộ phái mà lấy

điểm tịnh trở thành tiêu chuẩn đánh giá chiếc y đều mâu thuẫn với giả thuyết đã giải thích ở trên.

Chúng ta thấy rõ hai mục đích khác nhau: Theo quy chế của Phật, nhuộm tịnh – biến y thể tục thành y đủ tiêu chuẩn sử dụng trong Tăng đoàn. Điểm tịnh lại biến y phục Phật giáo nội chung thành chiếc y của từng vị tỳ-kheo cụ thể, vì điểm tịnh chỉ có ý nghĩa là ám chỉ “chiếc y này là của tôi”, không liên quan gì đến sự phân biệt y phục giữa các tỳ-kheo, hay ngoại đạo.

Từ đây chúng ta thấy trong cùng một quy chế phán tội nặng nhẹ khác nhau:

Luật Tứ phần quy định: “Có y mới không làm hoại sắc phạm ba-dật-đề...; không tác tịnh mà cất chứa, phạm đột-kiết-la (duṣkṛta), kể cả y chưa nhuộm gửi nhà bạch y cũng phạm đột-kiết-la” [29]. Ngược với luật Tứ phần là nhóm điểm tịnh như Thiên kiến, Ngũ phần, Pāli v.v... quy định “không điểm tịnh, phạm ba-dật-đề”. Hoặc Tát-bà-đa tì-ni tì-bà-sa nói, mặc y màu như pháp hay không như pháp, không điểm tịnh phạm ba-dật-đề. Và màu không như pháp dù làm tam điểm tịnh mà mặc, phạm đột-kiết-la [30]. Riêng luật Tăng-kỳ quy định điểm tịnh và nhuộm tịnh hoàn toàn giống nhau.

Đại sư Ấn Thuận nói rằng, thời Phật chưa thống nhất màu sắc, quy định điểm tịnh là của Phật chế. Còn truyền thống nhuộm màu tránh nhầm lẫn là xuất hiện sau Phật nhập diệt 100 năm, ảnh hưởng từ vùng Bắc Ấn, do các bộ phái Hữu bộ (dùng thuật Thập tụng), Căn bản (dùng Căn bản thuyết nhất thiết hữu bộ tì-nại-da), Pháp tạng bộ (dùng luật Tứ phần) hoạt động hoằng pháp [31].

Y kiến của đại sư kết luận hơi vội, do bỏ qua quá nhiều chi tiết lịch sử phát triển Tăng đoàn từ khởi thủy cho đến bộ phái.

(còn tiếp một kỳ)

[1] Cf. E. Frauwallner, *ibid.*, p. 177.

[2] Janice J. Nattier and Charles S. Prebish, *Mahāsāṃghika Origins: The beginnings of Buddhist sectarianism (Buddhism Critical Concepts in Religious Studies, Vol. II, London and New York, 2005)*, p. 267.

[3] Luật Pāli, Tứ phần: nissaggiya pācittiya (ni-tát-kỳ ba-dật-đề) 20; Ngũ phần: 28, Tăng-kỳ: 19.

[4] 長阿含經 14, T01n1, p. 88b12, 梵動(網)經. Cf. D. I. Brahmajāla-sutta.

[5] Cf. Claire Maes, *Dialogues With(in) the Pāli Vinaya: A Research into the Dynamics and Dialectics of the Pāli Vinaya's Ascetic others, with a Special Focus on the Jain other*, 2015, p. 155-160.

[6] 摩訶僧祇律 18, p. 369a11-12.

[7] Hán dịch: chu-la 周羅, P. cūlā.

[8] Hán: Tam kỳ trượng 三奇杖. Tứ phần 40 (p. 858b10), gọi là “lầu đựng bát” (bát lầu 鉢樓), lời chú

trong bản Hán: “Gậy ba nhánh đảo ngược (một đầu) chống xuống đất, (đầu kia có ba nhánh) đặt bát vào trong, bên trên xô ngang các vật, rồi gánh trên vai mà đi. Vì thế gọi là lầu đựng bát.”

[9] Cf. 四分律 40, p. 858b10.

[10] Luật Tứ phần gọi gậy ba nhánh là “lầu đựng bát” (bát lầu 鉢樓), lời chú trong bản Hán: “Gậy ba nhánh đảo ngược (một đầu) chống xuống đất, (đầu kia có ba nhánh) đặt bát vào trong, bên trên xô ngang các vật, rồi gánh trên vai mà đi. Vì thế gọi là lầu đựng bát.”

[11] Cf. 印順, 教制教典與教學, 中華民國 81, p. 68.

[12] Tăng-kỳ 9, p. 304b13.

[13] Thập tụng 6, p. 44c1; Tứ phần 7, p. 608a21; Ngũ phần 4, p. 27a26; Tăng-kỳ 9, p. 301c3; Căn bản 19, p. 728a22; Pāli, Vin. iii. 210. niss. 6 aññatakaviññatti.

[14] Tứ phần 7, p. 609a29.

[15] Thập tụng, p. 44c10; Căn bản, p. 729c11.

[16] Cf. Thanissaro Bhikkhu, *The Buddhist Monastic Code I*, 2013, p. 369; Somdet Phra Mahā Saṃaṇa Chao Krom Phrayā Vajirañāṇavarorasa, *Ordination Procedure (Upasampadāvidhī) & The Preliminary duties of a New Bhikkhu*, Mahāmakutaṛājavidyālaya King Mahā Makuta's Academy Bangkok 2516/1973, p. 52.

[17] Tứ phần 43, p. 874c10; Ngũ phần 22, p. 147b12; Pāli, Mahāvagga vi, Vin. i. 239.

[18] Tứ phần 42, p. 871b7; Tăng-kỳ 31, p. 477a12.

[19] Thiên kiến luật 17, p. 795b4; Ngũ phần 22, p. 150a7.

[20] Tăng-kỳ 31, p. 478b13.

[21] Cf. Pāli, Mahāvagga viii, Vin. i. 290.

[22] Tống (宋本): Nam Tống tư Khê tạng 南宋思溪藏, bản khắc từ năm 1127 cuối đời Bắc Tống đến năm 1132 thời Nam Tống hoàn thành, tại thiền viện Tư Khê viên giác. Nguyên (元): Nguyên Đại phổ ninh tạng 元大普寧寺藏, bản khắc đời Nguyên Thế tổ, từ năm Chí nguyên 14 (1277) đến năm Chí nguyên 27 (1290) hoàn thành, tại chùa Đại phổ ninh. Minh (明): Minh Gia hưng tạng 明嘉興藏, bản khắc khởi sự từ năm Gia Tĩnh nhà Minh, mãi đến năm 15 Khang Hy nhà Thanh (1676) hoàn bị, bản ấn loát lưu hành tại chùa Gia hưng lăng-nghiêm. Cung (宮): Cung nội tinh đồ thư Liêu Tống 宮內省圖書寮本, bản Tống cũ (1104-1148) thuộc thư viện Hoàng gia Nhật Bản.

[23] Nam truyền đại tạng kinh (南傳大藏經), 律藏2, 波逸提 (ba-dật-đề) 58, p. 161.

[24] *Ibid.*, 律藏2, p. 241.

[25] Cò kusa, Concise P-E Dict (A.P. Buddhadata Mahathera): một loại cỏ thơm; 汉译パーリ语辞典 (水野弘元): Skt. kuśa, loại cỏ tranh, sống ở vùng Á châu nhiệt đới.

[26] Pāli, Vin. iv. 121, Pāc. 58.

[27] Tăng-kỳ 18, p. 369c9.

[28] 五分律 9, p. 68a29; 薩婆多毘尼毘婆沙 8, p. 556b25.

[29] 四分律 16, p. 676c13.

[30] 薩婆多毘尼毘婆沙 8, p. 556b23.

[31] Cf. 印順, 教制教典與教學, 中華民國 81, p. 68-70.

QUÁN “NGŨ THỦ UẨN” TRONG KINH TỨ NIỆM XỨ

Thích Nữ Hằng Như

TƯ TƯỜNG PHẬT HỌC

I. DẪN NHẬP

Đức Phật dạy trong Kinh Tứ Niệm Xứ (Satipatthana Sutta), ngoài việc quán Thân, Thọ, Tâm, còn có phần quán Pháp. Quán Pháp là quán các đề mục: *Năm Triền Cái*, *Năm Thủ Uẩn*, *Sáu Nội Ngoại Xứ*, *Bảy Giác Chi* và *Bốn Thánh Đế*. Với nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm trong lúc tu tập, hành giả có cơ hội liễu tri tất cả mọi gốc rễ, mọi khía cạnh của mỗi pháp. Mục đích là nhận ra tính chất vô thường, khổ, vô ngã, đồng thời cũng nhận ra tánh sinh diệt của ngũ uẩn. Từ sự nhận thức này hành giả tự mình buông bỏ mọi chấp trước, thoát khỏi phiền não bởi tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến... chuyển đổi nhận thức tâm phàm phu thành nhận thức tâm bậc Thánh. Bài viết vừa rồi, chúng tôi đã thông qua phần quán đề mục “*Năm Triền Cái*”. Quán Năm Triền Cái: Tham, Sân, Hôn Trầm, Trạo cử và Nghi ngờ để thấy rõ chúng là các loại pháp si ám gây phiền não trong đời sống hằng ngày, và là nguyên nhân khiến việc tu thiền của hành giả không thể thành tựu. Hôm nay, tiếp tục phần quán pháp, chúng tôi xin mạn phép trình bày đề tài “*Quán Ngũ Thủ Uẩn trong kinh Tứ Niệm Xứ*”.

II. KHÁI QUÁT VỀ “NGŨ UẨN”

Ngũ là năm. Uẩn là nhóm, là khối, là tổ hợp. Như vậy Ngũ uẩn có nghĩa là năm nhóm kết hợp thành đời sống một chúng sinh. Mỗi chúng sinh, tức mỗi con người nhìn chung có 2 phần: Vật chất và tinh thần. Phần vật chất gọi là thân. Phần tinh thần gọi là tâm. Thuật ngữ nhà Phật gọi thân là sắc, tâm là danh. Danh chia ra làm 4 phần đó là: Thọ, Tưởng, Hành và Thức. Như vậy một người sẽ có năm phần: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành và Thức nên gọi là Ngũ uẩn.

- **Sắc uẩn là thành phần vật chất** tạo nên chúng sanh còn gọi là thân. Thân thì có đầu mình tay chân. Trên đầu có tóc, trên mặt có chân mày, mắt, tai, mũi, miệng... Đó là những thứ mà soi gương chúng ta có thể nhìn thấy được hình dáng màu sắc, có thể va chạm được. Bên trong thân thì có xương, cơ bắp, gân, bao tử, gan, phổi, thận, mật, lá lách, ruột non, ruột già, máu, mồ hôi v.v... là những thứ được lớp da bên ngoài bao phủ.

- **Danh uẩn là tâm.** Tâm thì trừu tượng,

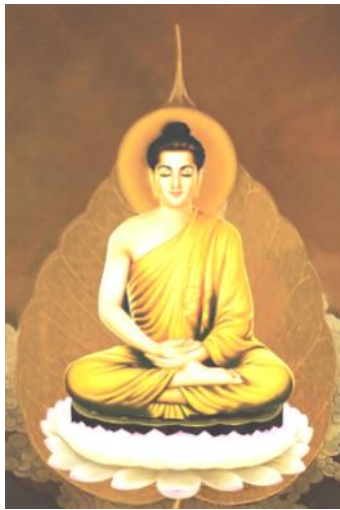
không thể thấy, không thể nghe, không thể ngửi, không thể nếm. Tâm không nhìn thấy được, nhưng chúng ta biết có tâm qua sự biểu hiện của thân, như tâm buồn thì khuôn mặt chày xệ nặng nề, hai mắt sụp xuống, tâm sân hận thì hai vành tai và khuôn mặt đỏ tấy, con ngươi của hai mắt nở to, trông trắng mắt nổi gân đỏ li ti, tâm vui thì nét mặt rạng rỡ, môi luôn nở nụ cười v.v... Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn, Thức uẩn thuộc về tâm, nên được gọi là Danh uẩn. - **Thọ uẩn** là những cảm giác dễ chịu hay khó chịu hoặc là trung tính, tức không dễ chịu cũng không khó chịu. - **Tưởng uẩn** là thành phần kinh nghiệm, bao gồm hai khía cạnh: Nhận thức và hồi ức. Đó là sự hấp thụ về văn hóa, giáo dục, vốn liếng sống của mỗi cá nhân. - **Hành uẩn** là tất cả những phản ứng, hoạt động và tạo tác của tâm. Tâm có tới 52 tâm sở. Thọ là một tâm sở. Tưởng là một tâm sở. Mỗi tâm sở biểu lộ một tính chất, một trạng thái. 50 trạng thái tâm còn lại là Hành uẩn. - **Thức uẩn** là khả năng biết đối tượng thông qua 6 giác quan: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Khi 6 giác quan tiếp xúc với 6 đối tượng của nó là: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, thì trong tâm xuất hiện 6 loại nhận thức tương ứng là: Nhận thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức.

Như vậy, bất kỳ một chúng sinh nào cũng có tối đa là 5 uẩn. Ngũ uẩn còn gọi là Ngũ thủ uẩn, trong Hán tạng có khi dịch là Ngũ ấm. Nhưng lúc nào gọi là Ngũ uẩn, lúc nào gọi là Ngũ ấm, và lúc nào gọi là Ngũ thủ uẩn?

Thí dụ như nói về Sắc, mình nói thân thể này là tôi, là của tôi, tức Sắc này là của tôi, không ai được phép nói năng xúc phạm đến. Như vậy cái Sắc thay vì “*Sắc uẩn*” thì nó lại là “*Sắc thủ uẩn*”. Thủ là bám chặt, giữ chặt, xem cái sắc là của mình.

Đối với Thọ cũng vậy, Thọ là cảm giác dễ chịu hay khó chịu. Khi chấp cảm giác đó là của mình thì “*Thọ uẩn*” đã biến thành “*Thọ thủ uẩn*”. Tưởng cũng thế, khi cho những kiến thức, những kinh nghiệm, những tư tưởng là của ta, của tôi, thì không còn là “*Tưởng uẩn*” mà trở thành “*Tưởng thủ uẩn*”. Hành và Thức cũng thế. Khi có sự dính mắc cho rằng Hành và Thức là của ta, của tôi, thì gọi là “*Hành thủ uẩn*, *Thức thủ uẩn*”.

Tóm lại, nếu mình chấp Ngũ uẩn là mình, của mình, thì đó là Ngũ thủ uẩn. Khi quan sát Ngũ uẩn không chấp Ngũ uẩn là mình, của mình, thì Ngũ



uẩn chỉ đơn giản là Ngũ uẩn. Còn như trong lúc tu tập tọa thiền, tâm mình bị tán loạn, không nhận ra Ngũ uẩn, thì có nghĩa là nó ngăn che mình, khiến mình không nhận ra, thì trường hợp đó Ngũ uẩn gọi là Ngũ âm. Âm có nghĩa là khuất lấp, ngăn che.

III. THÀNH PHẦN VÀ NỘI DUNG CỦA NGŨ THỨ UẨN

1) Sắc uẩn: Là phần vật chất hay là phần thân thể của chúng sinh. Thân thể ban đầu được thành hình bởi một phôi thai, do tinh cha và trứng mẹ kết hợp trong thời gian trứng rụng của người mẹ. Phôi thai đó sống trong bụng mẹ trung bình khoảng 9 tháng, dần dần phát triển thành một em bé trai hoặc gái, đầy đủ danh sắc và được sanh ra đời. Em bé được nuôi dưỡng bằng sữa mẹ, lớn lên một chút thì được nuôi dưỡng bằng các loại thực phẩm thích hợp. Em bé lớn dần biết lật, biết bò, biết ngồi, biết đi, biết nhận diện và biết nói. Cơ thể bé nhỏ đó lớn dần theo thời gian, trở thành một thành viên nam hay nữ trong gia đình và xã hội. Mọi người không ai giống ai. Người có làn da trắng mịn màng, người có làn da đen mượt, người khác lại có nước da bánh mật, vàng hay đỏ, có người tóc đen, tóc vàng, tóc nâu, tóc xoăn quăn, tóc thẳng mềm mại. Có người cao, thấp, mập, ốm với nhiều hình thù vóc dáng khác nhau. Tất cả những cái đó được gọi chung là thân thể con người qua cái nhìn tục đế.

Theo cái nhìn của Đức Phật thì thân thể con người được thành hình bởi 4 yếu tố: Địa đại, Thủy đại, Hỏa đại và Phong đại, tức đất, nước, lửa và gió. Tính chất của mỗi yếu tố được ghi nhận như sau:

1) Đất là yếu tố của sự bền chắc, cứng mềm, trơn nhám, co giãn. Đất là nơi để mọi vật nương tựa vào. Những thứ được ví như đất trên cơ thể con người gồm có: Da, xương, răng, tóc, móng tay, cơ bắp v.v...

2) Đặc tính của nước là lỏng, dính hay rời rạc, được ví như máu, mủ, nước mắt, nước mũi, mồ hôi, nước tiểu ... trong cơ thể con người.

3) Lửa tức nói đến yếu tố hỏa có tính chất nóng hay ấm, ví như nhiệt độ nóng ấm trong cơ thể con người. Năng lượng nhiệt giúp tiêu hóa được thực phẩm, những khi nó yếu ớt ta có thể bị sinh bụng hay đau bụng.

4) Tính chất của gió là di chuyển, lay động. Trong cơ thể con người có nhiều luồng gió. Khi chúng ta bị chứng ợ hơi, ho, nhảy mũi, là do luồng gió hay khí từ dưới bụng di chuyển lên. Các chất cặn bã từ trong ruột non, qua ruột già, xuống hậu môn, bị tổng ra ngoài là nhờ sự vận động của gió trong đường ruột. Máu di chuyển khắp châu thân cũng do hoạt động của luồng khí. Nếu luồng khí này bị cản trở không được tự do lưu thông ở chỗ nào thì những cơ bắp liên hệ với chỗ đó bị tê cứng và đau nhức. Ngoài ra, hơi thở là luồng không khí chúng ta để nhận ra nhất, khi chúng ta hít vào và thở ra.

Bốn yếu tố này tồn tại khắp vũ trụ gọi là Địa đại, Thủy đại, Hỏa đại và Phong đại.

2) Thọ uẩn: Thọ là những cảm giác này sinh trong tâm khi giác quan tiếp xúc đối tượng bên ngoài. Thọ có 3 dạng: Thọ khó chịu, Thọ dễ chịu, và Thọ xả không dễ chịu cũng không khó chịu. Kinh gọi là Khổ thọ, Lạc thọ và Bất khổ bất lạc thọ. Khổ thọ biểu hiện cảm giác buồn bực, khó chịu, giận hờn, ganh tỵ, lo lắng, sợ hãi... Cảm giác tiêu cực

này sẽ dẫn đến tâm sân. Lạc thọ biểu hiện cảm giác tích cực như thích thú, hoan hỷ, an vui, hạnh phúc. Muốn kéo dài cảm giác hạnh phúc, hay niềm an vui thoải mái ở mãi bên mình sẽ dẫn đến tâm tham. Có một loại cảm giác khác vượt lên trên hai loại cảm giác này, đó là cảm giác thần nhiên, không bị vướng vào thiện duyên hay nghịch duyên, tức không vướng vào hạnh phúc hay khổ đau, gọi là Thọ xả. Thọ xả là trạng thái tâm bình thần đối với mọi hoàn cảnh sống, họ là người có tu tập và làm chủ được tâm cảm xúc của mình trước mọi tác động vui buồn, chứ không phải thần nhiên bởi họ là loại người vô tâm, bất chấp, thờ ơ hay ích kỷ!

3) Tưởng uẩn: Là tri giác, bao gồm tri giác suy nghĩ, tri giác hình dung, liên tưởng, tưởng tượng và phân biệt. Nói chung Tưởng uẩn là những kiến thức, những kinh nghiệm, những gì chúng ta đã từng học, biết qua và ghi nhận vào ký ức. Khi có điều kiện thì nó nhớ lại, nhận ra. Thường thì Tưởng có hai loại phản ứng, một là phản ứng đúng khi chúng ta suy luận đúng, hoặc phản ứng sai do chúng ta suy luận sai. Để có được các loại tri giác đúng chúng ta phải có những dữ liệu đúng.

Thí dụ, khi mình gặp một người nào đó, mình biết đây là ông A, đây là bà B. Mình biết, vì trước đây mình đã từng gặp họ, đã từng quen biết và hiểu đúng về họ. Bây giờ gặp lại mình nhớ tất cả những gì về họ thì đó là Tưởng uẩn. Còn nếu lần đầu tiên gặp mặt người lạ, mình không biết bất cứ một thông tin gì về người đó, như vậy mình không có kiến thức hay Tưởng về người đó. Nhưng ít ra mình cũng biết đây là con người. Nhận ra đây là con người thì đó chính là Tưởng. Hoặc phân biệt thế nào là con người, thế nào không phải là con người, đó cũng là Tưởng.

Trong đời sống hằng ngày con người rất cần đến Tưởng. Nếu không có Tưởng, mình sẽ không phân biệt được đây là cái nhà, đây là chiếc xe, đây là vợ, đây là chồng, đây là con, đây là bạn, người lớn, người nhỏ, ông chủ, nhân viên, không biết xưng hô như thế nào cho thích hợp...Thậm chí khi trò chuyện, những suy nghĩ trong đầu như thế nào để trình bày cho người ta hiểu ý mình muốn nói gì, thì đó cũng là Tưởng. Như vậy, Tưởng uẩn chính là một dạng kiến thức. Nếu không có Tưởng uẩn thì mình chỉ là một người khuyết tật, bị xem như một bệnh nhân về tâm thần, bởi mình không biết gì cả.

Trong vấn đề tu tập, chúng ta thường hay nghĩ Tưởng là một pháp bất thiện. Đó là vì chúng ta đánh đồng ý nghĩa của các từ "vọng tưởng" hay "tưởng tượng" giống nhau với "Tưởng". Thật ra Tưởng uẩn hay vọng tưởng hoặc tưởng tượng, ý nghĩa khác nhau hoàn toàn. "Tưởng uẩn" là kiến thức, là trí hiểu biết đáp ứng cho đời sống cần thiết của con người. "Vọng tưởng" là sự suy nghĩ miên man không chủ đích, hết chuyện này sang chuyện khác, từ chuyện quá khứ, đến hiện tại, hay vị lai không ngừng. Còn "tưởng tượng" là những suy nghĩ, vẽ vời, không đúng với thực tại. Thí dụ như thấy sợi dây cuộn tròn tưởng là con rắn chẳng hạn.

Người bị "vọng tưởng" hay "tưởng tượng" trong lúc thực hành thiền bị xem là đang "phóng dật" hay "trạo cử". Phóng dật là tâm hướng đến chỗ này, hướng đến chỗ kia, nó suy nghĩ chuyện này chuyện kia liên miên không ngừng. Trạo cử cũng vậy, tâm luôn dao động vì suy nghĩ lung tung. Trường hợp này người ta hay dùng hình ảnh "tâm viên ý mã" để so sánh. Tâm dao động giống như con khi luôn

chuyển từ cành cây này sang cành cây khác không dừng, như con ngựa đứt dây cương, chạy từ đường này sang đường khác không đứng yên một chỗ. Người tu thiền mà vọng tưởng cứ khởi lên hoài, sẽ không thể nào nhập định được, nên vọng tưởng hay trí tưởng tượng bị xem là các pháp bất thiện. Còn Tướng uẩn chưa phải là pháp bất thiện hay pháp thiện, nó tùy thuộc theo cái tâm ngay lúc đó.

4) Hành uẩn: Là những hoạt động, những phản ứng hiện hữu hay vi tế của tâm gọi là tâm sở. Tâm có 52 tính chất tức 52 tâm sở, trừ tâm sở Thọ và tâm sở Tướng. 50 tâm sở còn lại là Hành uẩn. 50 tính chất này có cả tính chất thiện như: Tín, Tinh giác, Tàm, Quý, Vô tham, Vô sân, Vô si, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Tử, Bi, Hỷ, Xả... Hoặc tính chất bất thiện như: Tham, Sân, Si, Hôn trầm, Hối tiếc, Giải đãi, Tâm loạn, Kiêu mạn, Nghi ngờ, Tà kiến, Ganh tỵ, Tật đố, Vô tàm, Vô quý. Và có cả những tính chất chưa thiện cũng chưa bất thiện, mà nó tùy thuộc cái tâm nó đi theo như: Xúc, Thọ, Tri giác, Chú tâm, Tác ý, Nỗ lực v.v...

Các hoạt động tâm tư đó làm cho tâm không bao giờ ngừng nghỉ. Nó hoạt động liên tục, ngay cả trong lúc chúng ta ngủ hay thức.

5) Thức uẩn: Khả năng nhận biết đối tượng đơn thuần thông qua 6 giác quan. Sáu giác quan đó là: Mắt, tai mũi, lưỡi, thân và ý còn gọi là Nhãn căn, Nhĩ căn, Tỷ căn, Thiệt căn, Thân căn và Ý căn. Sáu căn có sáu đối tượng khi nó tiếp xúc là: Sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Để biết được các đối tượng này thì có 6 Thức tương ứng khởi lên là: Nhận thức, Nhị thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức và Ý thức.

Những Thức này chỉ biết đối tượng một cách đơn thuần thôi. Chẳng hạn Nhãn thức chỉ biết hình ảnh, nó chưa biết được đây là con người, con vật hay cây cảnh, những cái biết như vậy thuộc về Tướng uẩn. Tương tự âm thanh cũng vậy. Khi có âm thanh khởi lên, Nhị thức chỉ biết đây là âm thanh. Còn biết được âm thanh này là tiếng người nói, âm thanh này là tiếng kêu của máy lạnh hay là tiếng kêu của con dế, con mèo ... đó là do Tướng uẩn phân biệt và biết. Khi mũi ngửi mùi, thì Tỷ thức chỉ biết đây là mùi. Còn biết đây là mùi thơm của thức ăn, mùi tanh của thịt cá hay mùi thơm của hoa lan, hoa hồng... phân biệt được như vậy là do Tướng uẩn. Khi lưỡi nếm vị, thì Thiệt thức chỉ biết đây là vị, chưa biết đây là vị gì. Để biết được đây là vị cay, đắng, chua, béo, ngọt, bùi, mặn, chát v.v... thì đó là trách nhiệm của Tướng uẩn. Hay khi xúc chạm, Thân thức chỉ biết có cảm giác trên thân. Còn phân biệt ra đây là nóng, lạnh, cứng, mềm, đau, nhức ... là do Tướng uẩn biết. Cũng vậy khi tâm có một trạng thái, một tính chất, một hoạt động nào đó, Ý thức nó nhận biết. Còn khi phân biệt rõ tâm là đang buồn, đang sân, đang tham, đang hôn trầm, đang hoài nghi, đây là chánh niệm, đây là niềm tin... là do Tướng uẩn phân biệt và nhận ra.

Như vậy Thức uẩn chỉ biết 6 loại đối tượng là: Sắc, hương, thanh, vị, xúc, pháp chứ nó chưa phân biệt, chưa biết rõ tên gọi, chưa nhận diện tính chất của những đối tượng này như thế nào. Sự phân

biệt, nhận biết đó là việc làm của Tướng uẩn. Tuy nhiên trên mặt thực tế, khi mình nhìn một đối tượng, là mình biết ngay đó là cái gì liền, nên Tướng và Thức đi kèm với nhau, mà ngay cả Thọ và Hành cũng đi kèm với nhau nữa. Bởi vì khi giác quan tiếp xúc với đối tượng, thì mình sẽ nhận diện ngay đối tượng và sẽ có cảm giác là để chịu hay khó chịu hoặc không để chịu không khó chịu. Trong tâm có liền những phản ứng liên quan đến đối tượng thì đó là Hành.

Như vậy khi mắt tiếp xúc với đối tượng bên ngoài, thì Sắc khởi lên, ngay lập tức có Thọ, có Tướng, có Hành, có Thức đi kèm liền. Mặc dù theo lý luận thì nói cái này có trước, cái kia mới sinh khởi, nhưng thực ra khi có một uẩn sanh ra, thì nhanh như điện chớp, bốn uẩn kia sanh theo liền ngay khi đó, có

ngã là bốn uẩn thọ, tướng, hành, thức luôn đi chung một cách bất khả ly, nên nói Ngũ uẩn luôn luôn có mặt là vậy!

IV. "QUÁN NGŨ UẨN" TRONG KINH TỨ NIỆM XỨ

Vì ngũ uẩn mang tính tổ hợp bởi nhiều yếu tố, cho nên chúng không thường hằng, không tồn tại mãi với thời gian. Do vậy mỗi người đều phải trải qua giai đoạn sanh, già, bệnh, chết. Để làm chủ được các phản ứng của tâm, khi vô thường xảy ra đối với cơ thể chúng ta, hay đến với người thân của chúng ta, thì ngay bây giờ chúng ta cần làm quen với quy luật "sinh-trụ-hoại-diệt", cần có "nhận thức đúng đắn về ngũ uẩn". Nếu không, thì cái nhìn lệch lạc sẽ khiến chúng ta luôn sống trong phiền não khổ đau.

Trong việc thực tập quán Ngũ Thủ Uẩn. Đức Phật dạy hành giả phải tư duy về các uẩn: "Đây là Sắc, đây là Sắc tập, đây là Sắc diệt. Đây là Thọ, đây là Thọ tập, đây là Thọ diệt. Đây là Tướng, đây là Tướng tập, đây là Tướng diệt. Đây là Hành, đây là Hành tập, đây là Hành diệt. Đây là Thức, đây là Thức tập, đây là Thức diệt...". Nghĩa là hành giả phải tư duy biết rõ cái gì là Sắc, cái gì là Thọ, Tướng, Hành, Thức. Quan sát khi Ngũ uẩn có mặt, tồn tại và đoạn diệt như thế nào.

Thiền Tứ Niệm Xứ dạy hành giả lấy Hơi Thở làm đề mục để thực tập. Biết rõ khi hơi thở vào từ mũi xuống ngực xuống đan điền. Tự ngưng một chút rồi thở ra, hơi thở bắt đầu từ đan điền, lên lồng ngực, qua hai lỗ mũi rồi ra ngoài. Hơi thở ra vô là do sự chuyển động của gió. Ngay chỗ này phong đại có mặt. Khi gió chuyển động như vậy thì có sự xúc chạm tạo cảm giác nóng hoặc lạnh nơi mũi. Cảm giác nóng lạnh đó chính là hỏa đại. Rồi khi thân đang ngồi thiền, biết thân cứng hay mềm, lạnh hay ấm, đó là địa đại. Vậy quan sát hơi thở hành giả nhận ra được tứ đại, tức nhận diện được Sắc uẩn.

Trong lúc thực hành chủ đề Hơi thở, nếu tai nghe âm thanh, mình biết đây là âm thanh, đó là cái biết của Thức uẩn. Nếu biết âm thanh đó của con chó hay con mèo, thì đó là Tướng uẩn có mặt. Khi âm thanh khiến cho mình khó chịu hay dễ chịu, đó là Thọ uẩn có mặt, hoặc là buồn ngủ, hay có sự



nghe, hoặc chú tâm chỗ này chỗ kia, thì đó là Hành uẩn.

Vậy trong lúc ngồi thiền, hành giả quan sát được cả Sắc uẩn, Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn và Thức uẩn. Và khi quan sát Ngũ uẩn, hành giả thấy rằng năm uẩn này nó tự vận hành theo quy luật, theo cái cách của nó, chứ không có cái tôi, cái ta nào điều khiển nó cả!

V. LỜI KẾT

Nhận diện được Ngũ uẩn khởi sanh chính là quán Pháp. Thấy được mối liên hệ của các uẩn với nhau, đó là quán Pháp. Thấy được một uẩn khởi lên thì bốn uẩn kia khởi lên đồng thời với nhau thì đó là quán Pháp. Nhưng quán Pháp không phải chỉ đơn thuần quán sự có mặt của từng uẩn hay toàn bộ Ngũ uẩn, mà sâu sắc hơn là hành giả thấy được tánh Vô thường, Bất như ý, Vô ngã và sanh-diệt của Ngũ uẩn như lời Đức Phật dạy trong kinh "... *Vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp, hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp, hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp*". Đó mới chính là mục tiêu của thiền Tứ Niệm Xứ.

Lời nhắn nhủ cuối bài học quán Ngũ thủ Uẩn, Đức Phật dạy rằng: "*Có những pháp ở đây vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng tới chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Đây các Tỷ kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp với năm thủ uẩn*". Thấm thấu lời dạy của Đức Phật, sau thời gian kiên trì tu tập, hành giả nhận ra bản thể của Ngũ uẩn không thực chất tánh, nó vô thường, biến dịch, vô ngã. Nó chịu quy luật của Sinh-Trụ-Hoại-Diệt như tất cả mọi hiện tượng thế gian. Theo giáo lý Duyên khởi của nhà Phật, tất cả các pháp hữu vi, tức những pháp có điều kiện, hễ có sinh thì có diệt. Chính vì vậy, một hành giả có tuệ giác về tánh sanh-diệt sẽ không còn vướng mắc với bất cứ vật gì ở trên thế gian này, ngay cả không còn "*chấp trước Ngũ uẩn này là ta, của ta hay tự ngã của ta*", hành giả sẽ thoát được sự phiền não khổ đau ở kiếp sống hiện tại.... Tiếp tục tu hành buông bỏ mười kiết sử vi tế, chứng quả vị A-la-hán, vị ấy trở thành một bậc vô sanh, bất tử. Việc cần làm đã làm xong, vị ấy thoát khỏi Tam giới an trú Niết-bàn. Chúng tôi tạm ngưng bài viết "*Quán Ngũ Thủ Uẩn*" tại đây. Kính chúc quý thiên sinh, quý độc giả hữu duyên thành tựu pháp tu đã chọn của mình.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

THÍCH NỮ HẰNG NHƯ

(20/3/2025, An cư tại Thiền Viện Chân Như Navasota, TX)

KÍNH MỪNG PHẬT ĐẢN

(Lộc lư ngũ bộ)

*Ra đời hóa độ cả trần gian
Pháp dẫn lòng ngay toả kệ vàng
Lộc Uyển gieo mầm an khắp ngã
Lâm Tỳ hiện cõi ánh đường quang
Thương vì cánh viên soi tìm đạo
Bồi thầy người mơ đã lật trang
Nghĩa đức muôn trùng yên vạn nẻo
Thăng trầm khổ lụy sẽ dần tan
Khấp chặng đường qua khổ mãi tràn
Ra đời hóa độ cả trần gian
Tinh thần giữ lấy người luôn lạc
Nẻo thế lưu truyền đạo vẫn an
Rõ được qui đầu xuôi thẳng lối
Đều thương khởi pháp trọn ngay đàng
Quần sinh hưởng phước nguyên tu học
Cảm nhận mê rồi ngâm chớ mang
Vị mê mãi khổ chớ ôm quàng
Phước lạc... duyên còn giữ chẳng an
Lữ nẻo vẫn quay cùng nghiệp báo
Ra đời hóa độ cả trần gian
Bao thời cậy pháp rèn tâm sáng
Những bước nương Thân cảm đạo quang
Ngâm sợ trầm luân mà thức tỉnh
Hàng sa cõi nước trái từ ban
Cõi thế yên bình được tỏa quang
Án này mãi nguyện trái từ lan
Xa cuồng gặp pháp lời tình hãm
Rõ khổ nguyên tu sáng phận an
Thâm cảnh nên lia cùng quãng mộng
Ra đời hóa độ cả trần gian
Đau thâm vạn nẻo thương mà hỏi
Chẳng nhận, qui đầu cứ vẫn đang
Từ quê trái rộng đến non ngàn
Đã hiểu thâm ân ánh đạo vàng
Cõi thế chan hòa vun hỷ lạc
Tâm người gắng giữ để bình an
Bao thời niệm chánh lòng không bận
Thấy nổi hiểm phai dạ chớ màng
Phúc lộc muôn loài luôn tỏ mãi
Ra đời hóa độ cả trần gian.*

thơ **MINH ĐẠO**
kính đề



NGƯỜI TỰ THẮNG

(*Phật Pháp Thứ Năm* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Thưa Anh Chị Em Lam viên thương mến,
Hôm nay, NAL xin kể một câu chuyện Đạo, đó là: Chuyện NI CỒ KHUÔN ĐÀ LA.

Thời đức Phật còn tại thế, ở thành Vương Xá có một thiếu nữ con của một gia đình rất giàu có tên là Khuôn đà la. Một hôm cô Khuôn đi ra đường, thấy lính giải một người ăn trộm đi hành hình. Cô Khuôn cảm thấy thương mến người tội phạm đó tốt độ nên đã xin tiền cha mẹ để chuộc người ăn trộm ra, và sau đó lại lấy người ấy làm chồng. Thật ra, tên trộm đó chẳng yêu thương gì người vợ đã cứu mình, mà chỉ yêu tài sản của vợ thôi. Ít lâu sau, anh tạ bảo vợ cùng lên núi để làm lễ tạ ơn thần thánh đã cứu mạng. Cô Khuôn nghe lời chồng leo lên đỉnh núi. Bấy giờ tên trộm mới bảo thật với vợ là sẽ giết cô để lấy hết vàng bạc nữ trang của cô. Cô Khuôn năn nỉ chồng cứ lấy hết vàng bạc vòng xuyên v.v... của cô đi mà tha mạng cho cô. Nhưng con người gian ác ấy chẳng thuận. Cô Khuôn suy nghĩ: nếu mình không thanh toán kè bất lương này thì mình khó giữ mạng nên cô liền nói với anh ta: "Chỉ trong giây lát nữa là vợ chồng ta sẽ cách biệt, xin anh cho phép em đi nhiều quanh anh ba vòng để tỏ lòng kính yêu anh trước khi em chết. Người chồng đồng ý. Cô Khuôn chậm rãi bước quanh chồng rồi thừa dịp anh ta sơ ý, vụt xô chồng xuống núi.

Sau đó, cô Khuôn hết muốn trở về nhà nữa. Cô liền cởi hết nữ trang treo lên cành cây rồi đi xuống núi. Cô đi lang thang rồi gặp một nhóm nữ du sĩ khát thực, cô liền xin theo họ làm đệ tử. Họ dạy cô cả ngàn câu nguy biện để tranh luận với các tu sĩ. Vốn người thông minh chẳng bao lâu cô Khuôn trở thành một nhà hùng biện. Cô đi khắp nơi, vun lên một mô đất, lấy một cành cây cắm vào rồi ngồi đấy để thách thức mọi người đến đối đáp với cô, nhưng chẳng có một ai thắng được cô cả. Cho đến một hôm tôn giả Xá Lợi Phất đi ngang qua đó, nhận sự thách thức của cô.

Tôn giả giải đáp tường tận các câu hỏi bí hiểm của cô Khuôn. Đến phiên tôn giả hỏi lại cô một câu: "Vậy chớ, một là gì?" cô Khuôn chẳng đáp được mới xin tôn giả chỉ dạy. Tôn giả bảo, muốn học câu đáp, trước hết phải xuất gia làm tỳ kheo ni. Cô Khuôn

liền xin tôn giả nhận mình làm đệ tử. Chẳng bao lâu Tỳ theo ni Khuôn đà la chứng đắc được quả vị A la hán.



Bấy giờ chư Tăng bàn luận về trường hợp của Tỳ kheo ni Khuôn đà la đã thắng được người chồng gian ác và nhờ nghe một câu trong Chánh pháp mà đắc được quả vị A la hán, mới thưa hỏi đức Phật nguyên do. Đức Phật liền đáp lại bằng 2 bài kệ như sau:

Dầu đọc tụng một trăm bài kệ

Chẳng liên hệ đạo quả Niết bàn

Sao bằng đọc một câu Chánh pháp

Nghe đọc xong tâm được bình an

(KPC, KỆ # 102)

"Chiến thắng ngàn quân giặc ở chiến trường chẳng bằng tự thắng.

Người tự thắng là chiến sĩ oanh liệt nhất"

(KPC, KỆ # 103)

Thưa Anh Chị Em,

Bài kệ #102, muốn hiểu phải đạt trình độ học Phật và tu Phật khá cao mới bàn luận được, còn bài kệ # 103 là câu ACE chúng ta thường nghe nhất, nhưng mấy khi chúng ta lắng lòng tự hỏi: "Tại sao tự thắng là chiến công oanh liệt nhất" và "Chúng ta đã tự thắng hay chưa"?

Trước hết, tự thắng là tự thắng cái gì ở nơi mình? - Câu trả lời rất dễ: đó là những thói hư tật xấu nơi mình... mà tự trung là do 3 Độc: Tham, Sân, Si.

Làm sao mà giết được 3 tên giặc này? (Chúng đã trở thành "thâm căn cố đế" trong tâm chúng ta rồi!)

- Đúng là quá khó, so với giết người chồng của cô Khuôn thì việc này khó hơn nhiều.

Bởi vậy, chỉ có Thái tử Tất Đạt Đa mới là người chiến sĩ oanh liệt nhất cõi Ta Bà này thôi, phải không thưa các bạn?!

(Khen mà khen Thái tử Tất Đạt Đa thì gọi là "Khen phò mã tốt áo" đấy các bạn à!)

Thương mến kính chúc các Bạn THÂN AN, TÂM AN, TRÍ SÁNG & LONG TỬ RỘNG MỞ.

Trân trọng,

NAL

Từ cú lục bát “LẮNG NGHE”

LẮNG NGHE

Lắng nghe cứu khổ biển đời
Ai đang vô cảm nói cười vô duyên
Lòng nào đóng cửa cài then
Để cho bi mẫn ngủ quên đêm ngày?

THIÊNG LIÊNG

Triều dương nắng nhẹ qua đời
Hồn thiêng thỉnh lặng, đất trời lắng nghe
Hương trầm khói tỏa oai nghi
Hoa thơm hoà gió thâm thì sớm mai.

TIẾNG MẸ

Lắng nghe từng tiếng Mẹ hiền
Chuyện xưa vanh vách, huyền thiên bồi hồi
Về nghe không thấy chuyện Đời
Mênh mang pháp giới, ba thời công phu.

GIÀ LAM

Chùa ơi, con ở đây rồi
Lắng nghe nhịp thở Đạo Đời đan xen
Đời còn tắt bật rồi ren
Già lam thanh tịnh hương đèn tỏa quang.

HOA RƠI

Lắng nghe tiếng khản vui buồn
Dừng chân lữ khách thả buông hơi dài
Chân thành giây phút mãn khai
Rồi mai tàn ủa rơi đầy góc sân.

NHẪN

Lắng nghe thóa mạ khinh thường
Khấp cười mà ngắm bên đường hoa khai
Cúi đầu oan nghiệt chịu sai
Nuốt câu pháp cú nín dài ngoẵng hơi.

ĐẤU LÀ?

Lắng nghe âm điệu dương cầm
Nổi niềm tuôn chảy rì rầm phong ba
Đâu phương ngoại, đâu ta bà
Đâu là bến đỗ lặng lẽ trăng soi?

TIẾNG TRỐNG

Lắng lòng nghe trống thanh cao
Đạo tâm tăng trưởng bước ào ra sân
Dòng trôi trước mắt sang bản
Còn xô xao đợi bao lần bon chen?

NẮNG

Còn em nâng chút bóng xanh
Nắng soi tóc bạc óng tình xa xưa
Cuộc chơi đâu chỉ để đùa
Lắng nghe nước mắt chen mưa cõi buồn.

PHIÊU

Lạ lòng dĩ vãng ngồi nghe
Đàn vang già cõi tiếng rề hồi sinh
Tam thiên gói ghém một mình
Phiêu bồng phiêu hốt phiêu linh tiếng đàn.

GỌI TÂM

Giấy vàng rom đã im dài
Từng trang lật giờ chữ nhòai nhường lên
Bài kinh cũ tụng tân niên
Lắng nghe chuông vọng mõ rền gọi tâm.

BA HỒI

Gác tay nghỉ mệt xong rồi
Lắng nghe Bát Nhã ba hồi trống chuông
Nhoèn cười gởi khắp mười phương
Vào quỳ cung kính cúng dường bài thơ.

TƯỢNG

Lặng thinh từ đó đến mai
Người đi kẻ ở hỏi ai thương giùm?
Lặng thinh lặng lẽ lặng thâm
Người nhìn kẻ ngắm ai cần lắng nghe?

CHUÔNG CHÙA

Mẹ ngồi dưới bóng mát xưa
Lắng nghe ngân vọng chuông chùa xa xa
Thả cho trôi hết phiền hà
Lá khô xào xạc bên hoa hương nồng.

HỒI HƯƠNG

Bên trong nghi ngút khói trầm
Cờ bay đèn thấp thành tâm hương về
Ba ngàn thế giới lắng nghe
Lời kinh vàng ngọc, câu kệ gửi xa.

thơ

VĨNH HỮU TÂM KHÔNG

THÔNGIỆP TỪ CHỖI VƯƠNG QUYỀN ĐỂ KHAI SÁNG NHÂN QUYỀN

Trần Triết

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Giữa lòng xã hội Ấn Độ cổ đại – nơi mà quyền lực chính trị, tôn giáo và giai cấp đan xen, cố kết thành một trật tự bất di bất dịch – Đức Phật thị hiện như một hiện tượng phá chấp mà không đoạn diệt, phủ nhận mà không đối đầu, giải phóng mà không hủy hoại. Ngài không khởi nghĩa, không lập giáo quyền, nhưng từ bước chân rời bỏ cung vàng cho đến từng hơi thở thiền định dưới cội Bồ Đề, mỗi hành vi đều là sự tử chối khéo léo nhưng mạnh mẽ trước một nền văn hóa bị xích xiềng bởi định mệnh, huyết thống và mê tín.

Giữa những ngôi đền Brahmin kiêu hãnh và các triều đình hào nhoáng, Đức Phật chọn con đường lang thang khất thực; giữa tiếng tụng đọc của Bà la môn, Ngài ngồi lặng thính nhìn sự sinh diệt nơi từng chiếc lá rơi. Ngài đã thị hiện – không phải như một bậc thần linh đến để thống trị, mà là một con người giác ngộ đến để nhắc nhở rằng giải thoát là quyền của mọi chúng sanh, và ánh sáng trí tuệ không nằm trong huyết thống mà trong sự tỉnh thức.

Nửa vòng trái đất, hai ngàn sáu trăm năm sau, giữa lòng thủ đô Hoa Kỳ – trung tâm quyền lực chính trị và văn minh kỹ thuật của thế giới hiện đại – Phật Đản lại được cử hành. Giữa những tượng đài ghi dấu chiến tranh và những tòa nhà quốc hội in hằn dấu vết của chia rẽ và xung đột, hình ảnh một đức Phật sơ sinh – với ngón tay chỉ trời và tay kia chỉ đất – vang lên như tiếng vọng của một sứ ngôn cổ đại: “Trên trời dưới trời, chỉ có Chân Ngã là tôn quý.”

Sự xuất hiện của lễ Phật Đản năm nay không đơn thuần là nghi lễ tín ngưỡng mà là một cử chỉ văn hóa, một dấu mốc lịch sử, một lời nguyện cầu mang ý nghĩa tinh thần giữa thời đại mà con người tưởng như đã chinh phục được mọi thứ – trừ chính tâm mình.

Năm mươi năm trước, Phật giáo Việt Nam hiện diện nơi đất nước này bằng đôi tay trắng và trái tim tan nát sau biến cố lịch sử. Hôm nay, sau nửa thế kỷ, vẫn là những con người ấy, thế hệ ấy

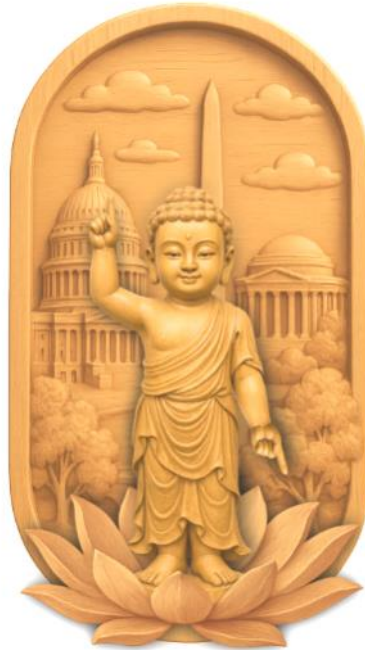
– và cả những hậu duệ mới – lại cùng nhau đón mừng Phật Đản như một lời tuyên xưng: Phật giáo không mất gốc khi lưu vong, không cạn nguồn khi xa xứ. Trái lại, chính trong lưu vong, giáo pháp càng được thể nghiệm trong lòng bất định; chính trong đa văn hóa, Tăng đoàn Việt lại trở thành một phần sống động của Phật giáo toàn cầu.

Thế giới hôm nay không còn bị chia cắt bởi các đẳng cấp cổ xưa, nhưng đang bị chi phối bởi những thể lực vô hình: chủ nghĩa tiêu thụ, công nghệ thao túng, chủ nghĩa dân túy cực đoan, sự rối loạn tâm lý tập thể, và một nền đạo đức đang rạn nứt. Riêng tại Hoa Kỳ – nơi từng là biểu tượng của tự do và dân chủ – đang chứng kiến sự mài mòn niềm tin công cộng, chia rẽ xã hội, và bạo động tinh thần, như những vết nứt âm ỉ trong chính kết cấu quốc gia.

Trong bối cảnh ấy, vai trò của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ vừa là bảo tồn một truyền thống, vừa là một sứ mạng tâm linh và xã hội.

Tăng sĩ Việt Nam – trong pháp tướng dung dị và nếp sống giản đơn – sẽ trở thành những biểu tượng hiếm hoi của nội tâm an tĩnh, giữa thời đại cuồng nộ. Các vị không giảng đạo bằng diễn đàn chính trị, nhưng bằng sự hiện diện trong thiền đường, trong cộng đồng, trong từng hành vi nhỏ. Mỗi bước chân thiền hành của quý Thầy Cô trên đất Mỹ là một câu trả lời không lời cho sự hấp tấp, loạn động và khủng hoảng hiện sinh của xã hội hiện đại.

Phật giáo Việt Nam hôm nay – tại Hoa Kỳ – dẫu còn là hồi ức của một quê nhà đã mất, nhưng đồng thời là một phần của hiện tại toàn cầu. Và trong từng nghi lễ Phật Đản được tổ chức giữa lòng thủ đô thế giới, ta nghe lại tiếng hải nhi năm xưa vừa chào đời giữa vũ trụ, mang theo ánh nhìn rỗng không, nhưng rực sáng: ánh sáng của tỉnh thức, của giải thoát, của một nhân loại chưa từng tuyệt vọng nếu còn biết quay về nơi tâm mình.



NĂM MƯƠI NĂM PHÁT TRIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM TẠI CALIFORNIA

Thích Từ Lực và Tâm Huy Huỳnh Kim Quang

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

(tiếp theo kỳ trước và hết)

IV/ Văn Hóa và Giáo Dục

"Văn hóa là khái niệm bao gồm hành vi xã hội, các thể chế, và những chuẩn mực được phát triển trong các xã hội loài người, cũng như nhận thức, niềm tin, nghệ thuật, luật pháp, tục lệ, khả năng, thái độ, và thói quen của những cá nhân trong các nhóm này," theo giáo sư nhân chủng học người Anh Edward Burnett Tylor (1832-1917) định nghĩa trong tác phẩm "Primitive Culture" của ông.(13)

Nói chung, như Từ Điển Cambridge English Dictionary định nghĩa rằng, "Văn hóa là cách sống."(14) Đó là cách sống mà con người biểu hiện qua các hình thái vật chất và tinh thần. Hay nói khác đi là văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể. Văn hóa vật chất như các kiến trúc, các cách ăn uống, các thời trang, v.v... Những thứ này thường không tồn tại lâu dài mà bị bào mòn hay bị hủy diệt theo thời gian. Văn hóa tinh thần như các niềm tin, các triết thuyết, ngôn ngữ, tư tưởng, văn chương, v.v... có thể tồn tại lâu dài với thời gian. Điều dễ thấy nhất là các giáo nghĩa mà Đức Phật đã dạy từ hơn hai mươi lăm thế kỷ trước vẫn còn tồn tại đến ngày nay. Trong khi đó, các kiến trúc Phật Giáo như Tinh xá Kỳ Hoàn vào thời Phật, hoặc Trung Tâm Luy Lâu tại Việt Nam thì đã bị sụp đổ chỉ còn lại những dấu vết hoang tàn.

Như vậy, duy trì và phát huy văn hóa là cách giữ gìn bản sắc đặc thù của một dân tộc, một tôn giáo, mà trong đó phát huy nền văn hóa tinh thần là điều trọng yếu. Nhìn lại quá trình lịch sử hơn hai

ngàn năm của Phật Giáo tại Việt Nam chúng ta sẽ thấy các giáo nghĩa mà Phật dạy như vô thường, khổ, không, vô ngã, niết-bàn tịch diệt, giải thoát, giác ngộ, nhân quả, nghiệp báo đã tồn tại vượt thời gian. Hoặc cụ thể hơn, bài kệ trước khi viên tịch của Thiền Sư Vạn Hạnh (938-1018)(15) vẫn còn được lưu truyền cho đến ngày nay.

Chư Tăng, Ni khi định cư tại California đã kiến lập nhiều ngôi chùa để làm nơi hành đạo. Những ngôi chùa này hầu hết đều xây theo kiến trúc các ngôi chùa ở Việt Nam và vì vậy một cách mặc nhiên nó biểu thị bản sắc văn hóa của Phật Giáo Việt Nam qua nghệ thuật kiến trúc tại xứ người. Tương tự như thế, các lễ nghi, các kiểu ăn mặc, các loại thực phẩm mà Tăng, Ni và Phật tử Việt Nam sử dụng tại Mỹ cũng là nét văn hóa của dân tộc và Phật Giáo Việt Nam truyền thống.

Nói đến văn hóa thì ắt không thể không nói đến văn học. Sau khi định cư tại California vào cuối thập niên 1970s, nhiều chư tôn đức Tăng, Ni và cư sĩ Phật tử là những nhà thơ, nhà văn, nhà báo đã tiếp tục hoặc khởi sự sáng tác. Trong số những nhà văn và nhà thơ Phật Giáo đó có Thích Thiên Ân (1925-1980), Thích Mãn Giác (thi sĩ Huyền Không, 1929-2006), Thích Duy Lực (1923-2000), Thích Giác Nhiên (bút hiệu Toàn Chân, 1923-2015), Thích Trí Chơn (1933-2011), Thích Thăng Hoan (1928-2024), Thích Đức Niệm (bút hiệu Thiên Đức, 1937-2003), Thích Giác Đức, Thích Giác Lượng (thi sĩ Tuệ Đàm Tử, 1935-2020), Thích Minh Đạt, Thích Tịnh Từ, Thích Tín Nghĩa, Thích Nguyên Siêu, Thích Quảng Thanh (thi sĩ Thanh Trí Cao, 1951-2019), Thích Hạnh Tuấn (1956-2015), Thích Viên Lý, Thích Minh Dung, Thích Nguyên Tâm, Thích Từ Lực, Thích Thiện Long (nhà thơ Hàn Long Ân), Thích Chúc Hiền, Thích Nhuận Hùng, Thích Nữ Giới Hương, Thích Nữ Tịnh Quang, Thích Nữ Huệ Trân, v.v...

Các nhà văn, nhà thơ Phật tử tại California gồm Nghiêm Xuân Hồng (1920-2000), Trần Ngọc Ninh, Phạm Công Thiện (1941-2011), Nhã Ca, Đỗ Quý Toàn, Viên Linh (1938-2024), Lê Thái Ất (bút hiệu Duyên Hạc, 1928-2013), Nguyễn Văn Sâm, Trần Quang Thuận (1930-2017), Bùi Ngọc Đường, Hồng Quang, Châu Văn Thọ, Nguyễn Trung Ngô Văn Bằng (1941-2023), Đặng Nguyên Phá (1932-2023), Huỳnh Trung Chánh, Đỗ Hữu Tài, Phan Tấn Hải, Thái Tú Hạp, Trần Kiêm Đoàn, Tuệ Nga, Lý Kiến Trúc, Lý Khôi Việt (1951-2008), Nguyễn Hữu Liễm, Vĩnh Hào, Tâm Diệu, Thiên Phúc, Lê Giang Trần, Nguyễn Lương Vy (1952-2021), Nguyễn Hiền Đức (1944-2022), Hoàng Mai Đạt, Như Hùng, Huỳnh Kim Quang, Tô Đăng Khoa, Bạch Xuân Phê,



Toàn thể 500 Tăng Ni chụp hình lưu niệm trước cổng tam quan chào mừng đại lễ Phật Đản năm 2017

Uyên Nguyên, Tâm Nhuận Phúc Doãn Hưng, v.v...

Để cổ võ và tạo môi trường sáng tác trong lãnh vực văn học Phật Giáo, nhiều cuộc thi viết văn và làm thơ đã được tổ chức bởi các chùa hoặc các tổ chức Phật Giáo ở California. Chẳng hạn, Giải Văn Học Phật Giáo Ananda Việt Awards do Hội Phật Học Đốc Tuệ, Thư Viện Hoa Sen, và Ananda Việt Foundation đồng tổ chức vào năm 2017; Hoặc Cuộc Thi Viết Văn Ứng Dụng Phật Pháp do Chùa Hương Sen tổ chức vào năm 2022 mà người làm Trưởng Ban Tổ Chức cuộc thi là Ni Sư Thích Nữ Giới Hương.

Về mặt báo chí Phật Giáo Việt Nam tại California thì hiện nay chúng tôi có các thông tin một phần dựa vào bộ Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại Sứ Khảo (16) và phần khác mới sưu tập được. Danh sách các báo được sắp theo mẫu tự a,b,c như sau:

Bông Sen: Do Lý Khôi Việt chủ trương từ năm 1991 tại California, Hoa Kỳ. Đã đình bản.

Chánh Đạo: Tuần báo phổ thông do cư sĩ Nguyễn Trung chủ trương từ năm 1992 tại San Jose, California, Hoa Kỳ. Đã đình bản.

Chánh Pháp: Báo ra mỗi đầu tháng. Số ra mắt vào đầu tháng 5 năm 2009. Mục đích của báo là hoằng pháp, tin tức Phật sự và văn học Phật giáo. Chủ nhiệm: HT Thích Nguyên Trí và hiện nay là HT Thích Nguyên Siêu; Chủ bút: Vĩnh Hào. Báo mạng internet ở địa chỉ: www.chanhphap.net.

Chân Nguyên: Tạp chí ra không định kỳ. Số ra mắt vào tháng 10 năm 1985 tại Los Angeles, California, Hoa Kỳ. Chủ trương là Thanh Niên Tăng Ni. Đến tháng 5 năm 1990 thì thay đổi với đường hướng là tạp chí văn nghệ và tư tưởng triết học Đông Tây. Chủ Nhiệm là Thích Viên Lý. Chủ bút là Phạm Công Thiện. Tổng Thư ký là Thích Minh Dung. Đã đình bản.

Chấn Hưng: Tạp chí với chủ trương vận động chấn hưng Tổ chức Phật giáo Việt Nam, xuất bản 2 tháng một số, có mặt vào những năm 1985 đến 1989. Chủ trương là Ủy ban Vận Động Chấn Hưng Tổ Chức Phật giáo Việt Nam. Người đại diện là Bùi Ngọc Đường. Tòa soạn phát hành tại Nam California, Hoa Kỳ.

Đặc San Điều Ngự: Ra vào các dịp lễ như Tết, Phật Đản, Vu Lan do HT Thích Viên Lý làm Chủ Nhiệm kiêm Chủ Bút, tòa soạn đặt tại Chùa Điều Ngự, thành phố Westminster, Nam California.

Đất Lành: Tạp chí phát huy Phật Pháp và truyền thống văn hóa Việt Nam. Xuất bản hàng quý. Số ra mắt vào tháng 5 tháng 6 năm 2000. Ban Chủ Trương: Dat Lanh Buddhist Fellowship. Chủ Biên: Tâm Nguyên Khương Nguyên Tấn Thọ. Địa chỉ tòa soạn đặt tại thành phố Bellflower, California.

Đuốc Tuệ: Tạp chí bảo vệ và phát huy văn hóa Việt Nam và văn hóa Phật Giáo Việt Nam ra vào đầu mỗi tháng. Chủ Nhiệm kiêm Chủ Bút: Thích Giác Đức; Tổng Thư Ký: Viên Linh. Trụ sở đặt tại Chùa Việt Nam, Los Angeles, California. Số ra mắt vào dịp Lễ Phật Đản 2520, dương lịch 1976. Đã đình bản. Đây là tờ báo Phật Giáo Việt Nam có mặt sớm nhất tại California.

Giao Điểm: Chủ trương: Văn hóa, tôn giáo và thời sự. Tạp chí ấn hành hàng quý. Số ra mắt vào cuối năm 1990 tại Miền Nam California. Chủ Nhiệm: Hồng Quang; các Chủ Bút gồm: Tôn Thất Khoát (Chủ Bút số báo đầu tiên), Phan Tấn Hải (Chủ Bút từ số 2 tới số 8), Phan Mạnh Lương (Chủ Bút bắt đầu từ số 9)...(17) Đã đình bản báo giấy.

Hoa Sen: Do Thích Pháp Châu, Chùa Quan Thế Âm tại California, chủ trương, Hoa Kỳ. Đã đình bản.

Hương Đạo: Chủ Nhiệm kiêm Chủ Bút: Thích Tịnh Từ. Số ra mắt vào năm 1977 tại thành phố San Francisco. Đã đình bản.

Khai Phóng: Tạp chí Văn hóa, chính trị dân tộc, ấn hành vào những năm 1981 đến 1984 tại Nam California, Hoa Kỳ. Thành phần chủ trương và biên tập là những tri thức Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại.

Kim Sơn: Chủ Nhiệm kiêm Chủ Bút: Thích Tịnh Từ. Số ra mắt vào tháng 7 năm 1984 tại thành phố Morgan Hill, California. Đã đình bản.

Liên Hoa: Nguyệt san do Ban Biên Tập của Trang nhà điện toán toàn cầu: www.thuvienhoasen.org thực hiện. Hiện ngưng ấn bản báo giấy.

Long Hoa: Chủ Nhiệm: Thích Thiên Ân; Chủ Bút: Hồng Quang. Số ra mắt vào tháng 5 năm 1976 tại Los Angeles. Đã đình bản.

Nguồn Sông: Do Thích Giác Lương Tuệ Đàm Từ làm Chủ nhiệm và Chủ bút, ấn hành tại California, Hoa Kỳ, bắt đầu từ năm 1986. Đã đình bản.

Pháp Duyên: Do Thích Giác Lương Tuệ Đàm Từ chủ trương, ấn hành mỗi quý tại California, Hoa Kỳ, từ năm 1984. Đã đình bản.

Phật Giáo Hải Ngoại: Tạp chí ấn hành vào các dịp lễ lớn của Phật giáo như Xuân, Phật Đản, Vu Lan do GHPGVNTNHN-HK chủ trương. Cố Hòa Thượng Thích Đức Niệm làm Chủ Nhiệm. Cư sĩ Quảng Thành làm Chủ Bút. Cư sĩ Tâm Quang Vĩnh Hào làm Tổng Thư Ký. Ấn hành từ năm 1994 đến năm 2000, tại California, Hoa Kỳ.

Phật Giáo Thống Nhất: Tạp san ấn hành theo những kỳ đại lễ của Phật giáo do tổ chức GHPGVNTN tại Hoa Kỳ thực hiện từ năm 1988 đến năm 1993.

Phật Giáo Việt Nam: Tạp chí phát hành hàng tháng. Số ra mắt vào tháng 5 năm 1978. Theo Ban Chủ Trương đây là tiếng nói của Phật giáo Việt Nam tại Hải Ngoại. Cố Chủ nhiệm: Thích Thiên Ân. Chủ nhiệm: Thích Mãn Giác. Chủ bút: Châu Văn Thọ. Địa chỉ tòa soạn đặt tại Chùa Việt Nam, Los Angeles, California. Đã đình bản.

Phật Học: Tạp san ấn hành theo những kỳ đại lễ của Phật giáo do Hòa Thượng Thích Đức Niệm và Hòa Thượng Thích Trí Chơn chủ trương. Ấn hành từ năm 1985 đến 1988 tại California, Hoa Kỳ.

Phật Học Viện Quốc Tế: Tạp san ấn hành theo những kỳ đại lễ của Phật giáo do Hòa Thượng Thích Đức Niệm chủ trương. Ấn hành từ năm 1980 đến 1984 tại California, Hoa Kỳ.

Phật Việt: Tạp san nghiên cứu Phật Học do Trung Tâm Phát Huy Văn Hóa Phật giáo Hải Ngoại ấn hành. Thành phần Ban Biên Tập gồm: Chủ nhiệm kiêm Tổng Thư ký: Thích Nguyên Siêu, Chủ bút (trong nước): Thích Tuệ Sỹ, Chủ bút (hải ngoại): Phạm Công Thiện. Số ra mắt vào tháng 2 năm 2004. Trụ sở đặt tại Chùa Phật Đà, San Diego, California, Hoa Kỳ. Sau một thời gian vắng mặt Phật Việt đã tái bản bộ mới Tập San Phật Việt, số ra mắt vào mùa Phật Đản 2021. Thành phần Chứng minh: Hòa Thượng Thích Thắng Hoan và Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ; Chủ nhiệm: Hòa Thượng Thích Như Điển; Chủ bút: Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu; Phụ tá chủ bút: HT. Thích Từ Lực, TT.

Thích Nguyên Tạng, TT. Thích Hạnh Viên; Ban Biên Tập: Tâm Huy Huỳnh Kim Quang, Tâm Quang Vĩnh Hào, Thị Nghĩa Trần Trung Đạo, Nguyễn Đạo Văn Công Tuấn; Thư ký Tòa soạn: Tâm Thường Định và Nguyễn Không; Kỹ thuật: Nhuận Pháp và Uyên Nguyễn. Phát hành tại Hoa Kỳ cho đến nay đã được 5 số.

Phương Trời Cao Rộng: Tạp chí văn học Phật giáo, ấn hành hằng tháng do nhà văn Vĩnh Hào làm Chủ nhiệm và Chủ bút. Số ra mắt vào tháng 6 năm 2006. Đã đình bản tháng 8 năm 2008.

Sen Trắng: Tiếng nói chung của Anh Chị Em Gia Đình Phật Tử Việt Nam. Chủ Trương: "Đây là nơi chúng ta cùng nhau phân ánh nội dung Phật học, giữ gìn và phát huy truyền thống, cũng như lan tỏa tình Lam đến mọi nơi." Tâm Quảng Nhuận làm trị sự. Hiện chỉ có online: <https://sentranqusa.com>.

Tập San Nghiên Cứu Phật Học. Chủ nhiệm/ chủ bút: Thích Như Minh. Số ra mắt vào mùa thu năm 2008 tại California. Đã đình bản.

Thư Viện Phật Việt: Nơi lưu trữ, giới thiệu những tài liệu quý, các thể loại Kinh, Luật, Luận của Phật Giáo, cũng như những tài liệu nghiên cứu Phật học và kinh nghiệm dung hoá, thực hành chánh pháp đến với mọi người, nhất là giới trẻ. Huynh trưởng Tâm Thường Định chủ xướng và huynh trưởng Nhuận Pháp và Quảng Pháp đồng hành. Trang mạng xã hội (Facebook) <https://www.facebook.com/thuvienphatviet> đã ra đời vào ngày 06.02.2018 và trang nhà (website) <https://thuvienphatviet.com> chính thức ra mắt vào ngày 12.02.2021. Thành phần Ban Biên tập hiện nay gồm có: Cư sĩ Tâm Thường Định, Cư sĩ Nguyễn Không, Cư sĩ Nguyễn Túc. Ban Kỹ thuật: Lotus Media Group và Hoa Đàm Group.

Tổng Hội Cư Sĩ PGVN Tại Hoa Kỳ: Tập san do Tổng Hội Cư Sĩ Phật giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ chủ trương, ấn hành vào những dịp lễ lớn của Phật giáo. Đã đình bản.

Trúc Lâm: Tạp chí ấn hành vào những dịp lễ lớn của Phật giáo. Chủ trương kiêm Chủ Bút: Thích Quảng Thanh. Trụ sở đặt tại Chùa Bảo Quang, thành phố Santa Ana, California. Đã đình bản.

Viên Thông: Phổ biến giáo lý Phật giáo và văn hóa Việt Nam. Chùa Viên Thông, thành phố Bellflower, California, ấn hành 2 tháng một số. Chủ trương: Thích Thông Niệm. Đã đình bản.

Việc xuất bản sách báo trong cộng đồng Phật Giáo Việt Nam tại California hiện nay không nhiều như trước đây. Bây giờ đa phần sách được phát hành trên mạng qua các nhà phát hành lớn như Amazon. Sau khi HT Thích Đức Niệm viên tịch vào năm 2003, nhà xuất bản kinh sách Phật Học Viện Quốc Tế cũng đã ngừng hoạt động. Trước đó PHV Quốc Tế là nơi phát hành kinh sách Phật Giáo khá phổ biến trong cộng đồng Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ nói chung và tại California nói riêng. Ngày nay trong cộng đồng PGVN tại California, ngoài việc ấn hành kinh sách và báo chí do các chùa thực hiện, còn có các nhà xuất bản như Lotus Media, Thư Viện Hoa Sen, Hội Đồng Hoằng Pháp, v.v...

Về giáo dục, các ngôi chùa của cộng đồng Phật Giáo Việt Nam tại Mỹ ngoài vai trò là nơi bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc và Phật Giáo Việt Nam tại đây, còn có chức năng là những trung tâm giáo dục quần chúng và giới trẻ về Phật Pháp và tiếng Việt.

Dạy tiếng Việt cho giới trẻ trong cộng đồng

người Việt là cách hữu hiệu nhất để truyền bá Phật Pháp và nền văn hóa đặc thù của dân tộc và Phật Giáo Việt Nam cho thế hệ con em. Chính vì vậy, các ngôi chùa và tổ chức Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Nam và Bắc California đã tổ chức các lớp học Việt ngữ hàng tuần trong suốt 50 năm qua, trong đó có đơn vị Gia đình Phật tử Kim Quang trong suốt 47 năm qua, hiện nay có 11 lớp Việt Ngữ. Có nhiều ngôi chùa mở trường dạy tiếng Việt như Trung Tâm Việt Ngữ Hùng Vương (18) tại Chùa Bảo Quang, Santa Ana; Trường Việt Ngữ An Lạc (19) tại Tu Viện An Lạc, Ventura, California; Trường Việt Ngữ An Lạc (20) tại Chùa An Lạc, San Jose, California; Trường Việt Ngữ Đức Viên tại Chùa Đức Viên, San Jose, California, là ngôi trường đầu tiên tại San Jose dạy tiếng Việt cho giới trẻ người Việt. Ngày nay, Trường này có tới 500 em học sinh, gồm 12 lớp, 60 giáo viên dạy tiếng Việt vào mỗi Chủ Nhật; (21) Pháp Vương Academy tại Tu Viện Pháp Vương, Escondido, San Diego là nơi không những dạy tiếng Việt cho các em mà còn giúp các em làm bài tập ở nhà và nhiều sinh hoạt bổ ích cho kiến thức và thể lực khác (22); v.v...

Thực hiện việc giáo dục ở cấp bậc cao hơn và chuyên môn hơn thì có HT Thích Thiên Ân, người đã mở Trung Tâm Thiền Phật Giáo Quốc Tế (International Buddhist Meditation Center - IBMC) vào năm 1970 tại thành phố Los Angeles và vào năm 1973 thì mở Trường Đại Học Đông Phương (University of Oriental Studies) cũng tại thành phố Los Angeles. Các cơ sở giáo dục Phật Giáo này đã dạy Thiền và triết học Đông Phương cho người Mỹ vì lúc đó chưa có người Việt tị nạn định cư ở Mỹ.

Trong lãnh vực giáo dục và đào tạo Tăng tài thì có HT Thích Đức Niệm, người đã thành lập Phật Học Viện Quốc Tế tại thành phố North Hills, California, Hoa Kỳ vào năm 1979. Tại đây HT Thích Đức Niệm đã đào tạo được nhiều vị đệ tử xuất gia Tăng và Ni mà hiện đang góp phần hoằng pháp tại Hoa Kỳ.

V/ Sinh Hoạt Của Tổ Chức Gia Đình Phật Tử Việt Nam

Gia Đình Phật Tử Việt Nam (GDPTVN) là tổ chức giáo dục tuổi trẻ theo tinh thần Phật Giáo do cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám sáng lập vào thập niên 1940s tại Việt Nam. Trải qua hơn 80 năm tồn tại và phát triển, GDPTVN hiện nay đã có mặt trên khắp thế giới theo bước chân của người Việt tị nạn từ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Theo Huỳnh Trưởng Tâm Hòa Ngô Mạnh Thu (1938-2004), (23) GDPTVN đã chính thức có mặt tại Hoa Kỳ vào mùa hè năm 1976 với 2 đơn vị GDPT tự phát. Đó là GDPT Giác Hoàng do các Huỳnh Trưởng Phúc Thiên Ngũ Duy Thành và Thiên Thanh Đặng Đình Khiết thành lập tại Chùa Giác Hoàng, Thủ Đức Hoa Thịnh Đốn; và GDPT Cựu Kim Sơn do Huỳnh Trưởng Thuyền Vị Nguyễn Thị Ngà thành lập tại Chùa Từ Quang, thành phố San Francisco. Cũng theo Huỳnh Trưởng Tâm Hòa Ngô Mạnh Thu thì tính đến mùa hè năm 2000 tại Hoa Kỳ có hơn 60 đơn vị GDPTVN sinh hoạt hàng tuần. Mỗi đơn vị có trung bình 100 đoàn sinh và một số đơn vị có số đoàn sinh lên tới 300, 400. Như vậy tổng số đoàn sinh GDPTVN tại Mỹ lúc đó (năm 2000) là từ 6,000 tới 6,500. Đến năm 1983 Đại Hội Huỳnh Trưởng đầu tiên được thực hiện tại Chùa Pháp Quang, tiểu bang Texas để kết hợp sinh hoạt chung của GDPTVN tại Hoa Kỳ, theo anh Thu cho biết.



Theo Huynh Trưởng Nguyễn Túc Nguyễn Sung (24) thì có sự sút giảm số lượng huynh trưởng và đoàn sinh GDPTVN tại Hoa Kỳ trong vòng 22 năm, từ năm 1994 đến 2016. Cụ thể là vào năm 1994 tại Mỹ có tất cả gần 80 đơn vị với khoảng 6,500 huynh trưởng và đoàn sinh, nhưng đến năm 2016 thì chỉ còn 41 đơn vị và khoảng 3,113 huynh trưởng và đoàn sinh GDPT. Cũng theo Nguyễn Túc, năm 2016, tại Hoa Kỳ có ít nhất 4 Ban Hướng Dẫn cấp quốc gia và thành phần lãnh đạo BHD ở độ tuổi trung bình 50 tuổi.

Về các sinh hoạt đáng chú ý của tổ chức GDPTVN, theo Huynh Trưởng Tâm Hòa Ngô Mạnh Thu, tại miền Nam California tính đến năm 2000 có hơn 10 Trung Tâm Việt Ngữ của GDPTVN để dạy tiếng Việt cho các đoàn sinh; các đội múa lân giúp vui trong các ngày lễ của Phật Giáo và các lễ hội trong cộng đồng người Việt tị nạn như Tết, Trung Thu; đoàn vũ của GDPT Long Hoa tại Chùa Việt Nam ở Los Angeles dẫn đầu về loại vũ dân tộc; GDPT Chánh Pháp tại Chùa Dược Sư ở thành phố Garden Grove đã sáng tác và trình diễn các tuồng cải lương như Phật Thành Đạo, Quan Âm Diệu Thiện, Lưu Bình Dương Lễ vào thập niên 1990s, trong lúc cộng đồng người Việt tị nạn còn chưa phục hồi bộ môn ca nhạc này; GDPTVN cũng tham gia sinh hoạt cộng đồng với các đoàn thể trẻ khác. Trên thực tế, hầu như tất cả các đơn vị GDPT tại Hoa Kỳ nói chung và tại California nói riêng đều có chương trình dạy tiếng Việt, có đoàn lân và các sinh hoạt giúp ích cộng đồng. Ngoài ra, trong sinh hoạt hàng tháng của Ngành Thiếu của GDPT có chương trình thăm viếng các cụ trong các Viện Dưỡng Lão hay phát cơm cho người vô gia cư ở các công viên trong tinh thần "đem Đạo vào Đời" để thể hiện lòng từ bi của người Phật tử và giúp các em hiểu thêm giáo lý nhà Phật trong khi làm việc.

VI/ Năm Mươi Năm Nhìn Lại Để Đi Tới...

Với hai bàn tay trắng khi mới đặt chân lên đất nước Hoa Kỳ cách nay tròn 50 năm, cộng đồng Phật Giáo Việt Nam, gồm Tăng, Ni và Phật tử các giới, đã

xây dựng được cơ đồ vững chắc cho Phật Giáo Việt Nam trên vùng đất hứa này. Khi nhìn lại những thành tựu trong nửa thế kỷ qua của Phật Giáo Việt Nam tại Mỹ, chúng ta có thể học được bài học kinh nghiệm trong quá khứ để có dự phóng cho tương lai.

1/Giữ Đạo và phát triển Đạo: Đất nước Hoa Kỳ xưa nay chịu ảnh hưởng sâu đậm tín điều và giáo điều của các tôn giáo hữu thần mà tiêu biểu là Thiên Chúa Giáo, gồm các giáo phái Tin Lành và Thiên Chúa Giáo La Mã. Trách nhiệm thiêng liêng của chư Tăng, Ni và giới cư sĩ tri thức Phật Giáo là làm sao bảo vệ niềm tin Tam Bảo đối với quần chúng người Việt tị nạn giữa một xã hội mà đi đâu cũng chỉ thấy nhà thờ và Thánh giá. Dù sứ mệnh này của cộng đồng Phật Giáo Việt Nam ở California không phải hoàn toàn thành công một trăm phần trăm, ít ra cũng đã có thể giữ vững và mở rộng niềm tin Phật Giáo trong cộng đồng người Việt tị nạn.

Làm được điều đó chính là nhờ vào nỗ lực phi thường của chư tôn đức Tăng, Ni và Phật tử các giới trong việc xây dựng chùa chiền, kiến lập đạo tràng ở khắp mọi nơi có người Việt tị nạn cư ngụ. Tại vùng Little Saigon, nơi thủ đô của người Việt tị nạn Cộng Sản, hình ảnh ngôi chùa có mặt khắp nơi và những ông bà cụ già chỉ cần ra trạm xe buýt trước nhà là có thể đi đến chùa bất cứ ngày nào. Bởi vậy, đừng thấy chùa "mọc lên như nấm" rồi than phiền mà nên biết rằng nhờ chùa có mặt khắp nơi nên cộng đồng người Việt tị nạn mới giữ được Đạo và phát triển Đạo Phật Việt Nam trong lòng xã hội phương Tây.

Tuy nhiên, việc mỗi Tăng, Ni tự mình ra xây dựng một ngôi chùa và sinh hoạt theo cách riêng sẽ không tránh khỏi tình trạng rời rạc, mạnh ai nấy làm, và không có sự kết hợp trong các Phật sự chung để tạo sức mạnh cho cộng đồng Phật Giáo địa phương. Nếu tình hình rời rạc này kéo dài quá lâu sẽ dẫn tới tình trạng không nên có trong cộng đồng Tăng Già cũng như cộng đồng Phật Giáo nói chung: chia rẽ, phân hóa và làm mất tinh thần

(xem tiếp trang 44)

thanh tịnh và hòa hợp.

Để thoát khỏi tình trạng bất lợi nói trên, chúng tôi thiết nghĩ có 2 cách có thể áp dụng được. Xin mở ngoặc ở đây để nhấn mạnh rằng 2 cách này không phải là mới mẻ gì vì từ trước tới giờ đã và đang được thực hiện trên toàn quốc Hoa Kỳ hay tại các địa phương, nhưng vẫn còn chưa vận dụng được triệt để sức mạnh vốn có của cộng đồng Phật Giáo Việt Nam:

a/ Thực hiện đúng theo tinh thần giới luật mà Đức Phật đã thiết lập: Tổ chức bố-tát hàng tháng và an cư tập thể hàng năm. Đây là phương thức nền tảng nhất để xây dựng và phát huy tinh thần thanh tịnh và hòa hợp Tăng Già kể từ thời Đức Phật đến nay. Việc bố-tát và an cư sẽ tạo ra nhiều lợi lạc. Chẳng hạn, đó là cơ hội để tập thể Tăng Già ngồi lại với nhau trong tinh thần lục hòa và sách tấn, giúp đỡ lẫn nhau trên con đường tu tập và hành đạo; đây cũng là cơ hội để tập thể Tăng Già tạo sự hiểu biết và cảm thông nhau rồi đi đến sự bàn bạc và thống nhất các Phật sự cần thiết tại địa phương; đây thực sự là cơ hội để tập thể Tăng Già và qua đó là cộng đồng Phật Giáo Việt Nam tại địa phương tránh được tình trạng chia rẽ, phân hóa và chống đối nhau. Có thể lúc đầu không quy tụ hết được chư Tăng, Ni tại các chùa trong khu vực, nhưng lần hồi do ảnh hưởng thực sự của tinh thần thanh tịnh và hòa hợp Tăng Già sẽ lôi kéo được các Tăng, Ni chưa tham gia sẽ tham gia.

b/ Từ tinh thần thanh tịnh và hòa hợp Tăng Già qua việc tổ chức bố-tát và an cư như đã nói ở trên sẽ đưa tới việc chư Tăng, Ni và Phật tử tại một khu vực, có thể là trong một thành phố hay nhiều thành phố trong một quận, cùng nhau tổ chức các khóa tu học Phật Pháp hay các buổi lễ chung vào các dịp Lễ Phật Đản, Lễ Vu Lan, v.v... Thực hiện những buổi lễ chung với sự tham dự của tất cả mọi thành phần cộng chúng như vậy không những là cách hữu hiệu để tạo sức mạnh đoàn kết trong cộng đồng người Việt tị nạn mà còn có thể giới thiệu đến người Mỹ gồm tất cả các sắc dân biết được nét đặc thù của truyền thống văn hóa dân tộc và Phật Giáo Việt Nam.

2/Bảo tồn và phát huy văn hóa: Chùa là nơi không phải chỉ để hành trì Phật Pháp mà còn là nơi để duy trì và phát huy nền văn hóa đặc thù của người Việt qua nhiều lãnh vực. Chẳng hạn, chùa là nơi duy trì các lễ hội lớn của người Việt như Tết Nguyên Đán, Rằm Tháng Giêng, Rằm Tháng Bảy hay Lễ Vu Lan Báo Hiếu. Không có chùa thì những lễ hội truyền thống này sẽ bị mai một. Chùa còn là nơi giúp cộng đồng người Việt xa quê cảm nhận được sự ấm áp và thân yêu của tình đồng bào, đồng hương, đồng đạo để không cảm thấy bị cô đơn, lạc lõng giữa nền văn hóa phương Tây xa lạ! Còn nữa, khi một ngôi chùa được dựng lên trong một thành phố hay trong một thị trấn nhỏ nào đó ở Mỹ thì đó là cách để giới thiệu với người Mỹ về Đạo Phật Việt Nam trên bình diện văn hóa qua kiến trúc để cho họ làm quen và lần hồi sẽ được cảm hóa.

Hình ảnh ngôi chùa và các lễ hội công cộng chỉ đóng góp phần nào đó vào công cuộc bảo tồn văn hóa đặc thù của Phật Giáo Việt Nam tại xứ người. Một phần đóng góp quan trọng khác để bảo tồn và vinh danh văn hóa Phật Giáo Việt Nam trong xã hội Mỹ là chúng ta phải mang văn hóa Phật Giáo Việt Nam vào lòng của nền văn hóa phương Tây, hay văn hóa Mỹ. Muốn làm được việc này thì chúng ta

phải cố đội ngũ Tăng, Ni và cư sĩ thông thạo tiếng Anh để thuyết giảng Phật Pháp và viết sách phổ biến trong thị trường sách báo ở Mỹ. Xin nhớ rằng ảnh hưởng to lớn của Thiền Sư Nhất Hạnh trong giới tri thức và người Mỹ chính yếu là nhờ các tác phẩm Anh ngữ mang nội hàm Phật Pháp của Thiền Sư được nằm trong danh sách best seller books. Ảnh hưởng khác của Thiền Sư Nhất Hạnh vào xã hội Tây phương là pháp môn chánh niệm, mà đã và đang được sử dụng rộng rãi trên khắp thế giới trong nhiều lãnh vực sinh hoạt để giúp giảm căng thẳng, sống an lạc.

Muốn cho người Mỹ cảm thấy thích thú đối với văn hóa Phật Giáo Việt Nam thì chúng ta phải có sản phẩm đặc biệt để giới thiệu cho họ. Người Mỹ là dân tộc thực dụng, bởi vậy khi làm điều gì đó họ đều nghĩ đến thành quả thấy được của nó. Thiền chánh niệm mang lại kết quả mà người Mỹ có thể thấy được liền: giảm căng thẳng, bớt khổ đau, sống hạnh phúc. Nhưng Phật Giáo Việt Nam có sản phẩm văn hóa gì đặc sắc để làm cho người Mỹ thích thú? Đây là vấn đề cần được chư Tăng, Ni và cư sĩ Phật Giáo Việt Nam nghiêm túc suy xét, nghiên cứu và giải đáp. Nơi đây, chúng tôi xin mạo muội nêu ra một sự nghĩ thô thiển của mình.

Pháp môn phổ biến nhất của Phật Giáo Việt Nam là tụng kinh. Hầu như mọi ngôi chùa đều có thời tụng kinh Tịnh Độ vào buổi tối, thời tụng Kinh Lăng Nghiêm và Thập Chú vào buổi khuya, các thời tụng Kinh cầu an, cầu siêu, v.v... Đây có thể nói là một trong những bản sắc văn hóa của Phật Giáo Việt Nam. Nhưng đã nửa thế kỷ qua tại sao người Mỹ vẫn chưa cảm thấy thích thú với phương pháp tụng kinh này, dù họ đã tụng hơn một lần tham dự vào một thời tụng kinh nào đó? Câu trả lời không khó lắm: vì người Mỹ chưa thấy hiệu quả tức thì của việc tụng kinh.

Câu hỏi theo sau là liệu việc tụng kinh có mang lại lợi ích thấy được chăng? Câu trả lời là có. Tụng kinh bao hàm thiền chánh niệm, nếu thiền chánh niệm mang lại hiệu quả có thể thấy được thì tụng kinh đương nhiên mang lại lợi ích có thể thấy được. Hơn nữa, tụng kinh không những bao hàm thiền chánh niệm mà còn bao gồm pháp môn tu Giới, Định và Tuệ. Khi tụng kinh thân ngồi yên một chỗ, miệng tụng đọc lời kinh, ý suy tư ý nghĩa của kinh tức là kiểm thúc ba nghiệp thân, khẩu và ý thì đó chính là Giới. Khi tụng kinh tâm tập trung vào lời kinh không để tạp niệm khởi lên thì đó là Định. Khi tụng kinh để tâm tư duy ý nghĩa lời kinh sẽ thâm nhập vào lời Phật dạy để mở tâm và trí thì đó là Tuệ. Vấn đề là xưa nay Thầy Tổ trong Phật Giáo Việt Nam không để tâm vào việc quảng bá lợi ích của việc tụng kinh nên không giải thích kỹ cách tụng kinh thế nào. Trong nghi thức tụng kinh cũng cần để ý đến tư thế ngồi của thân thể, cách thở ra vào như thế nào, cách phát âm ra sao để giúp cho tâm được thanh tịnh, cách đánh chuông, mõ, khánh, đầu như thế nào để tạo âm thanh hòa điệu làm cho người nghe dễ lắng tâm, cách suy nghiệm lời kinh làm sao để thâm nhập vào ý chỉ của Phật. Làm đúng được những cách này thì một thời tụng kinh nửa tiếng hay một tiếng đồng hồ sẽ tức thì có hiệu quả cụ thể cho người tụng.

Còn một việc nữa, mỗi thời tụng kinh theo truyền thống thiền môn Việt Nam đều kéo dài cả tiếng đồng hồ hay lâu hơn nữa. Đối với người Mỹ và giới trẻ thì điều này sẽ là một trở ngại để họ có

thể tham dự trọn vẹn một thời kinh trong tinh thần an lạc. Cho nên, chư tôn đức Tăng, Ni cần điều chỉnh thời lượng các khóa trì tụng kinh chú để cho người Mỹ và giới trẻ cảm thấy thoải mái tham dự.

Đến đây thì trách nhiệm của Phật Giáo Việt Nam là phải giảng giải và hướng dẫn cho Phật tử Việt cũng như người Mỹ hiểu và thực hành đúng cách tụng kinh như thế nào để họ cảm nhận được hiệu quả tức thì sau mỗi thời tụng kinh. Đó là một trong nhiều cách giới thiệu nền văn hóa đặc thù của Phật Giáo Việt Nam cho người Mỹ.

3/ Dạy tiếng Việt: Mỗi dân tộc đều có ngôn ngữ riêng của mình để diễn đạt qua lời nói hay viết xuống thành chữ. Ngôn ngữ là phương tiện hữu hiệu để phát huy và bảo tồn nền văn hóa của một dân tộc. Đánh mất ngôn ngữ của riêng mình thì dân tộc đó tự đánh mất nền văn hóa quý báu của họ. Chính vì vậy giữ gìn tiếng Việt là việc vô cùng hệ trọng đối với mọi người Việt tị nạn sống trong một đất nước không phải là quê cha đất mẹ của mình.

Đối với thế hệ tị nạn đầu tiên định cư ở Mỹ thì tiếng Việt là ngôn ngữ mẹ đẻ cho nên không cần phải học. Nhưng đối với các thế hệ con em là những người đến Mỹ lúc còn thơ ấu và những người được sinh ra và lớn lên ở Mỹ thì việc học tiếng Việt là quan trọng trong mục đích bảo tồn và phát huy nền văn hóa truyền thống của dân tộc và Phật Giáo Việt Nam. Vì vậy, song song với việc đào tạo đội ngũ thông thạo tiếng Anh để truyền bá Phật Pháp tại Mỹ, cộng đồng Phật Giáo Việt Nam không thể lơ là với việc dạy tiếng Việt cho thế hệ con em.

Đây không phải là điều mới lạ, bởi vì trong nửa thế kỷ qua cộng đồng người Việt tị nạn nói chung và cộng đồng Phật Giáo Việt Nam tại Mỹ nói riêng cũng đã nỗ lực không ngừng nghỉ việc dạy tiếng Việt cho thế hệ kế thừa. Công tác này đã mang lại các thành quả rất đáng khích lệ, nhưng vẫn còn nhiều việc phải làm và nhiều nỗ lực phải thực hiện hơn nữa. Chúng tôi xin nêu ra vài điều như sau:

a/ Đừng sợ con em dờ tiếng Anh: Các bậc cha mẹ người Việt hay lo lắng rằng nếu nói tiếng Việt với con em của mình nhiều quá sẽ làm cho chúng dờ tiếng Anh. Thực tế là trẻ em dù có nói tiếng Việt toàn thời gian ở nhà vẫn giỏi tiếng Anh không thua kém bạn bè ở trường. Các nghiên cứu cho thấy các trẻ em biết nhiều ngôn ngữ thì sẽ làm cho chúng thông minh và học giỏi hơn. Trong tài liệu hướng dẫn các câu hỏi về việc trẻ em biết nhiều thứ tiếng có lợi hay hại "Young Children Learning Multiple Languages: Parent FAQs,"(25) cho biết rằng hơn 20% trẻ em tại Mỹ sử dụng một thứ tiếng khác với tiếng Anh tại nhà. Tài liệu cũng cho biết trẻ em biết nhiều thứ tiếng thì giữ được mối quan hệ chặt chẽ với gia đình, với nền văn hóa và cộng đồng hơn. Đồng thời các em biết nhiều thứ tiếng cũng cải thiện được sự giao tiếp, giỏi văn chương và toán.

b/ Vai trò của cha mẹ và gia đình: Muốn con em giỏi tiếng Việt thì cha mẹ và người thân trong gia đình phải đóng vai trò quan trọng trong việc luôn nói và dạy tiếng Việt cho chúng. Muốn làm được điều này thành công thì cần phải làm ngay từ khi con em của chúng ta vừa mới lọt lòng và bắt đầu tập nói. Đây chính là thời điểm rất tốt để tạo cho

con em chúng ta cảm thấy nói và nghe tiếng Việt là tự nhiên. Tiếp theo, cha mẹ và người thân phải chủ động tạo môi trường nói, nghe, đọc và viết tiếng Việt cho con em của mình. Chẳng hạn, từ khi con cái mình còn nhỏ thì hãy tập cho chúng thói quen không những nghe và nói tiếng Việt mà còn đọc và viết tiếng Việt nữa. Bằng cách nào? Mỗi ngày cha mẹ đọc chuyện cổ tích thiếu nhi cho con cái mình nghe. Hướng dẫn cách đọc chữ Việt cho con cái và khuyến khích chúng đọc các chuyện cổ tích. Nếu cần khi chúng đọc được một chuyện, cha mẹ có thể thưởng tiền để chúng vui vẻ đọc tiếp. Khi con cái đã biết cách đọc và viết tiếng Việt, cha mẹ có thể nhờ con cái đánh máy một cuốn sách mỏng nào đó, chẳng hạn cuốn truyện cổ Phật Giáo, và cho tiền thù lao đánh máy cho chúng.

Nói tóm lại, gia đình có thể biến thành trường học tiếng Việt đầu đời và cơ bản cho con cái của mình rồi

sau đó mới tới trường học. Ở California nhiều trường học bậc tiểu học và trung học trong các khu vực có đông người Việt cư ngụ đã có chương trình dạy tiếng Việt như một ngôn ngữ thứ hai tùy chọn để giúp học sinh Việt Nam có cơ hội chính thức học tiếng Việt. Hơn nữa, từ lâu trong cộng đồng người Việt tị nạn tại California và nhiều tiểu bang khác đã có các lớp dạy tiếng Việt miễn phí cho con em.

4/ Đọc sách và sáng tác: Đọc sách và sáng tác là nhu cầu để duy trì và phát triển nền văn hóa mà chủ yếu là lãnh vực văn học. Không đọc thì sẽ không có chất liệu và động cơ để sáng tác. Nhưng một hiện tượng đáng lo ngại về tình hình đọc sách tại Hoa Kỳ mà đã được nữ ký giả người Mỹ Natalia Mesa ghi nhận vào đầu năm 2025 rằng do ảnh hưởng bởi thời đại kỹ thuật số, bởi khối lượng thông tin khổng lồ đã làm cho người Mỹ ngày nay đọc ít sách hơn 30 năm trước.(26) Ký giả này còn cho biết thêm rằng trung bình một người Mỹ chỉ dành khoảng 26 phút để đọc sách mỗi ngày, trong khi họ lên internet và xem truyền hình tới 3 giờ mỗi ngày. Điều đáng chú ý khác là họ chỉ dành 55 giây để đọc một bài viết.

Với khuynh hướng đọc ít và nhanh như vậy sẽ làm cho người đọc không thể lặn sâu vào nội dung của bài viết và do đó cũng làm cạn dần nguồn tư duy và sáng tạo. Chắc chắn điều này sẽ tạo ra những thay đổi lớn lao trong lãnh vực văn hóa, tư tưởng và văn học. Chẳng hạn, khi có ít người đọc thì sẽ có ít người viết. Tương tự như vậy, khi chỉ thích đọc nhanh thì sẽ làm cho con người chỉ muốn viết thật ngắn như viết email vài hàng hay viết text vài chữ, v.v... Kết quả là những truyện dài, những cuốn tiểu thuyết dài, những bài khảo luận dài sẽ có ít người đọc. Khi đọc giả càng ít thì sẽ làm cho người viết mất dần cảm hứng sáng tác. Cuối cùng là nguy cơ bế tắc của một nền văn học mà trong đó có nền văn học Việt Nam và văn học Phật Giáo Việt Nam.

Chính vì vậy, chư tôn đức Tăng, Ni và các nhà tri thức Phật Giáo, đặc biệt chư vị trú trì các ngôi chùa cần đặc biệt quan tâm đến việc tạo điều kiện và khuyến khích giới trẻ đọc sách và sáng tác. Lập thư viện tại các chùa và khuyến khích mọi người đọc sách, tổ chức các buổi đọc sách và giới thiệu



sách, thi viết văn và làm thơ, v.v... là những cách có thể thực hiện được trong khả năng của một ngôi chùa. Ngoài ra, để giải quyết nạn đề đọc ít và nhanh, chúng ta có thể thực hiện các video clips có hình ảnh sống động bao gồm nội dung Phật Pháp hay các chuyện tích Phật Giáo ngắn gọn chừng năm bảy phút để đưa lên internet để mọi người có thể xem nhanh mà không cần phải đọc.

5/ Nuôi Dưỡng Gia Đình Phật Tử Việt Nam:

Tương lai của một dân tộc hay của bất cứ một tổ chức nào đều trông cậy vào giới trẻ. Phật Giáo cũng không ngoại lệ. Tương lai của Phật Giáo Việt Nam tại Mỹ nói chung và tại California nói riêng nằm trong tay giới trẻ mà đại biểu là Gia Đình Phật Tử Việt Nam. Đây là tổ chức chính thống mang sứ mệnh giáo dục thanh, thiếu, đồng niên trở thành những người Phật tử có tín tâm kiên cố đối với Tam Bảo và là những viên gạch nền chắc góp phần đưa Phật Pháp vào từng gia đình và toàn xã hội.

Điều đáng quan tâm là khi du nhập vào thế giới Tây phương với nền văn hóa và ngôn ngữ khác biệt, tổ chức GDPTVN không thể tránh khỏi những chướng duyên trong việc duy trì và phát triển. Chúng tôi biết rằng công tác giáo dục tuổi trẻ của GDPTVN tại Mỹ không dễ dàng chút nào cả, mà những khó khăn dễ thấy là hoàn cảnh sống của các bậc cha mẹ, các huynh trưởng GDPT phải làm việc vất vả suốt tuần để nuôi con hoặc phụ giúp gia đình, việc ngôn ngữ bất đồng, việc các em bận rộn học hành hay bị lôi cuốn vào các trò chơi giải trí, các nhóm bạn bè không sinh hoạt GDPT, v.v...

Khi nhìn thấy giới trẻ, mà cụ thể là GDPTVN là chiếc chìa khóa để mở cửa vào ngôi nhà tương lai của Phật Giáo Việt Nam, chư tôn đức Tăng, Ni và cư sĩ Phật tử các giới cần hết lòng hỗ trợ và tạo thuận duyên để hình thành và phát triển các đơn vị GDPTVN tại địa phương. Để nuôi dạy giới trẻ, nhất là trẻ vị thành niên, chúng ta nên hiểu biết về sự phát triển tâm sinh lý của tuổi trẻ để có thể hỗ trợ một cách hữu hiệu thay vì tạo ra những điều phản tác dụng. Chẳng hạn, trẻ em thì thường đùa giỡn, phá phách, nghịch ngợm, cho nên người lớn phải biết khoan dung và nhẫn nại để tìm cách giáo dục làm cho chúng được cảm hóa bởi lòng từ bi và yêu thương hơn là trừng phạt và xua đuổi.

Từ đó chúng ta thấy rằng để có thể dạy dỗ và hướng dẫn cho các đoàn sinh trẻ tuổi, các huynh trưởng GDPT cần phải được huấn luyện đầy đủ hoặc ít nhất cũng phải đáp ứng một số nhu cầu tối thiểu về khả năng đối với giáo lý, kỹ năng, tâm lý và đạo đức. Đây không những là điều kiện để có thể thành toàn trách nhiệm giáo dục tuổi trẻ mà còn là yếu tố then chốt để tạo uy tín cho tổ chức GDPTVN trong mục đích chiêu cảm và mở rộng nhiều hơn nữa vào lượng tuổi trẻ tham gia sinh hoạt. Để làm điều đó, GDPTVN cần quan tâm và nỗ lực nhiều hơn nữa vào việc tăng cường chất lượng và hiệu năng đào tạo các cấp huynh trưởng qua những khóa huấn luyện từ dưới lên trên.

Một yếu tố không kém phần quan trọng để giúp việc giáo dục tuổi trẻ của GDPTVN tại Mỹ thành công là phần đóng góp của các phụ huynh. Sinh hoạt trong đoàn đội của GDPT chỉ diễn ra trong vài ba giờ mỗi cuối tuần tại chùa, trong khi thời gian rất dài còn lại các em sống ở nhà và gần gũi suốt ngày với cha mẹ. Nếu các bậc phụ huynh tận tâm tận lực tiếp tay cho GDPT trong việc giáo dục con em thì kết quả sẽ khả quan hơn rất nhiều. Vậy thì cha mẹ

có thể giúp được gì? Trước hết, cha mẹ hãy làm gương cho con cái về việc làm tròn tư cách của một người Phật tử bằng cách giữ gìn đúng 5 giới mà mình đã thọ lãnh: Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, và không uống rượu. Thứ đến, cha mẹ thường xuyên thăm hỏi con em về việc học hành và sinh hoạt trong GDPT ra sao. Thứ nữa, cha mẹ đừng bao giờ quên đưa con đến chùa vào mỗi cuối tuần để sinh hoạt GDPT. Sau cùng, cha mẹ cần trao đổi thường xuyên với các huynh trưởng GDPT có trách nhiệm hướng dẫn cho con cái của mình để tìm hiểu việc sinh hoạt của con cái và đồng thời để tham khảo cách giúp con em cải thiện khả năng học tập và cá tính tốt hơn.

VII/ Kết Luận

Sau nửa thế kỷ nhìn lại Phật Giáo Việt Nam tại tiểu bang California chúng ta không khỏi hoan hỷ và khích lệ trước những thành tựu quý báu mà chư tôn đức Tăng, Ni và Phật tử các giới đã nỗ lực không ngừng để thực hiện trong giai đoạn đầu của cuộc sống lưu cư trên xứ người. Ngày nay ở những nơi có cộng đồng người Việt tị nạn cư ngụ trên khắp tiểu bang California, chúng ta đều thấy hình bóng những ngôi chùa, thiền viện, tu viện, tịnh xá trang nghiêm hiện hữu. Những chốn Già-lam phạm vũ ấy là thành trì giữ Đạo, là nơi quay về nương tựa của bà con đồng hương người Việt có niềm tin Tam Bảo sống kiếp tha hương, là nơi bảo tồn và phát huy nền văn hóa truyền thống của dân tộc và Phật Giáo Việt Nam.

Tất cả đó đều là công lao khó nhọc của chư tôn đức Tăng, Ni và đồng bào Phật tử thuộc thể hệ tị nạn đầu tiên đến Tiểu Bang Vàng này. Họ đã hoàn thành xuất sắc việc xây dựng nền tảng cơ bản cho Phật Giáo Việt Nam tồn tại và phát triển lâu dài về sau.

Nhìn về tương lai, chúng ta thấy có ba việc quan trọng cần làm để Phật Giáo Việt Nam được tiếp tục phát triển: Một là tiếp tục công cuộc giữ gìn Đạo Pháp trong cộng đồng người Việt như đã làm từ trước tới nay. Hai là hướng mục tiêu truyền bá Phật Pháp cho thế hệ trẻ trong cộng đồng người Việt ở Mỹ nói chung và tại California nói riêng. Ba là hướng đến đối tượng là người Mỹ để quảng bá Chánh Pháp.

Với mục đích thứ nhất, chúng ta cần nhận thức rằng cộng đồng người Việt định cư tại California là lượng quần chúng căn bản mà Phật Giáo Việt Nam phải nhắm tới để giữ Đạo. Vì vậy, chúng ta cần tiếp tục các công tác Phật sự như xây dựng tín tâm, hướng dẫn tu học Phật Pháp, duy trì các truyền thống giá trị về đạo đức, văn hóa, tín ngưỡng và tự do dân chủ, và góp phần trong việc phát triển cộng đồng Phật Giáo Việt Nam ngày càng vững mạnh.

Với mục đích thứ hai, chúng ta cần tập trung hơn nữa việc giáo dục tuổi trẻ người Việt bằng tiếng Việt và tiếng Anh thông qua các phương tiện khoa học hiện đại hầu đáp ứng đúng nhu cầu và sở thích của giới trẻ để thế hệ con em của chúng ta hiểu và giữ được nguồn cội giống nòi và truyền thống văn hóa của dân tộc và Phật Giáo Việt Nam.

Với mục đích thứ ba, chúng ta cần ý thức rằng công tác truyền bá Phật Pháp trong nửa thế kỷ qua của Phật Giáo Việt Nam vẫn chưa thực sự nhằm đến các cộng đồng người Mỹ, ngoại trừ sự cố gắng rất đáng tán dương của một số Tăng, Ni Việt Nam tại một số chùa và đặc biệt là nỗ lực phi thường của

Thiền Sư Nhất Hạnh đã thu hút được đông đảo giới trí thức Mỹ và phương Tây theo Đạo Phật. Nhưng để Phật Giáo Việt Nam tồn tại lâu dài trong xã hội Mỹ, chúng ta cần có những phương thức truyền bá Phật Pháp thích hợp với tư duy và nếp sống của người Mỹ. Để làm được điều này chúng ta cần có một kế hoạch được điều nghiên kỹ lưỡng và một đội ngũ nhân sự thông thạo tiếng Anh để đảm nhận vai trò của những sứ giả Như Lai.

Thành tâm cầu nguyện cho Phật Giáo Việt Nam được trường tồn tại Hoa Kỳ và tiểu bang California.

(13) Edward Tylor, "Primitive Culture," Vol 1, New York, 1871.

(14) Mời xem: <https://dictionary.cambridge.org/us/dictionary/english/culture>.

(15) Lê Mạnh Thát, "Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam" tập 2. Bài kệ như sau:

*Thân như điện ảnh hữu hoàn vô
Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô
Nhậm vận thịnh suy vô bố úy
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô.*

Giáo Sư Lê Mạnh Thát dịch:

*Thân như bóng chớp có rồi không
Cây cỏ xuân tươi thu nỏ nùng
Theo vận thịnh suy không hãi sợ
Thịnh suy đầu cỏ tợ phơi sương.*

(16) Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại Sưu Khảo, California, Hoa Kỳ, 2010 - <https://www.vinhhao.info>.

(17) Hạ Long, "Những Bức Phá Của Một Chặng Đường Mười Năm," www.giaodienonline.com.

(18) Nguyễn Ngân, "Trung Tâm Hùng Vương Bế Giảng Khóa Học Việt Ngữ," www.vietbao.com.

(19) Xem: <https://www.venturabuddhistcenter.org/vi/truongvietnguanlac>

(20) Xem: <https://www.chuanlacsj.org/school>

(21) Trường Việt Ngữ Đức Viên -- <https://www.chuaducvien.com/gioi-thieu-vndv>

(22) Xem: <https://hoavouu.com/p50a49101/mot-ngay-thu-bay-voi-pva>

(23) Tâm Hòa Ngô Mạnh Thu [2000], "Gia Đình Phật Tử Việt Nam Tại Hoa Kỳ," <https://sentrangusa.com>.

(24) Nguyễn Túc Nguyễn Sung, "GDPTVN Tại Hoa Kỳ Nên Có Một Định Hướng Và Hành Hoạt Như Thế Nào...," www.hoangphap.org.

(25) "Young Children Learning Multiple Languages: Parent FAQs," <https://www.healthychildren.org>.

(26) Natalia Mesa, "Is there a 'right' way to read?" www.nationalgeographic.com.

VÔ THƯỜNG



Đời người khi hợp khi tan

Tử sinh ai định thời gian ngắn dài

Cỏ non dễ úa tàn phai

Thiền sư nào ngại ngày mai đi về

Não lòng nhân sự tái tê

Quý vương cũng muốn tìm về trường sinh

Sử xanh ngời báu tranh giành

U mê nào biết sợi mảnh treo chuông

Rừng sâu muôn ngã trăm đường

Đâu đâu cũng thấy vô thường biệt ly

Ngân hà sao nhỏ li ti

Ngàn năm vận chuyển ngại gì tử sinh

Trước sau chỉ có một mình

Châu thân thệ nguyện vãng sinh nơi nào

Phù sinh kiếp sống ba đào

Không không có có ai vào tử sinh?!

THIÊN NHIÊN VÀ TÔI

Hãy để tôi về với thiên nhiên

Yêu cây, yêu cỏ, khỏi nào phiền

Yêu núi, yêu sông, yêu biển mặn

Dưới bóng thiên quang nhớ bạn hiền

Đời là bể khổ, tôi không khổ

Có thơ, có nhạc, xóa thương đau

Tu thân, rèn trí, quên đầu bạc

Bao dung, nhân nhục, chẳng ưu sầu

Cây cao, bóng cá, ơn mưa móc

Yêu thương sinh vật, đạo từ bi

Tám thân ngũ uẩn như bèo bọt

Quyết tâm từ bỏ tham, sân, si

Hiện tại nhiệm mầu luôn trân quý

Niết bàn, cực lạc tại nơi đây

Sinh tử luân hồi là quy luật

Vô thường bâng bặc khắp chốn này.

thơ **TRẦN QUÝ TRUNG**

* Người viết yêu thiên nhiên, yêu người, trọng tình bạn và yêu mọi sinh vật trên trái đất này dưới ánh sáng từ bi của Đức Phật Thích Ca, luôn luôn lạc quan yêu đời, làm điều lành, tránh điều ác, trân quý hiện tại, giữ gìn thân khẩu ý, quán chiếu quá khứ (nhìn lại lỗi mình) tinh tấn thực hành chánh pháp trong tương lai.

QUÝ TRONG NHÀ CŨ

Một nhà cũ trong thôn làng
Không người cư ngụ, bỏ hoang lâu đời
Bà con đồn đãi truyền lời
Rằng nhiều quý dữ trong nơi nhà này
Mọi người sợ hãi lắm thay
Dám đâu vào ngủ tại đây buổi nào.
Bấy giờ có kẻ tự hào
Rằng mình can đảm từ bao lâu rồi
Chàng tuyên bố với mọi người:
“Tôi không hề sợ, chớ coi biết liền
Hôm nay tôi sẽ ngủ đêm
Trong căn nhà đó để xem có gì.”
Buổi chiều chàng tới nhà kia
Tối trời ngủ lại, sợ chi tiếng đồn.
Có chàng khác ở cùng thôn
Cũng khoe can đảm vượt hơn người đầu
Quý ma chẳng ngán từ lâu
Cho nên cũng muốn tranh nhau khoe tài
Tối nay cũng lại tới nơi
Vào trong nhà cũ xem chơi thế nào
Chàng xô mạnh, đẩy cửa vào,
Bên trong chàng nọ chột đầu giật mình
Tương đêm khuya quý hiện hình
Lao ra chặn cửa tận tình cản ngăn
Không cho quý dữ lán chân,
Chàng ngoài thấy vậy nghĩ thâm: “Quý đây!

Đúng lời đồn đãi lâu nay
Ta nào há sợ. Tối này biết nhau!”
Thế là cố gắng đẩy mau
Muốn vào độ sức trước sau một lần.
Trong xô, ngoài đẩy rầm rầm
Trời đêm khuya khuất tối tăm chập chùng
Đến khi cánh cửa bật tung
Trong, ngoài nhào tới tung bừa đánh nhau
Có trông rõ được gì đâu
Tương cùng quý dữ canh trâu tranh tài
Đánh nhau tới lúc sáng trời
Đến khi nhìn rõ mặt người đôi bên
Mới hay quý chẳng hiện lên
Thế là ác chiến ngưng liền. Thật vui!

*

Thông thường ở khắp mọi nơi
Bao giờ cũng có hai người đấu tranh
Đôi bên đều nghĩ rằng mình
Là người có lý. Thật tình đều sai!
Bao nhiêu sự vật trên đời
Nhân duyên tạm hợp lại thôi đấy mà
Làm chi lại có cái “ta”
Có đâu chủ thể phân ra đôi đường
Để tranh chấp với đối phương
Ganh đua hơn thiệt, đáng thương vô cùng.



thơ

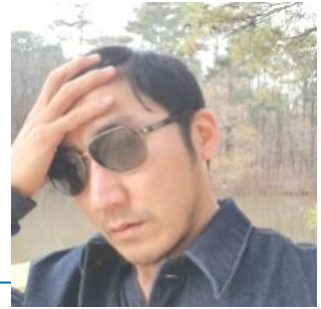
TÂM MINH NGÔ TẰNG GIAO

(Thi hóa phỏng theo Kinh Bách Dụ)
(Trích dẫn trong “SAKYAMUNI’S ONE
HUNDRED FABLES”
do Tetcheng Liao dịch)

Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



TRÍ TUỆ TỪ BI

Ngài Tenzin Gyatso, được sinh ra ở Amdo, một vùng giáp ranh Đông Độ và Hy mã Lạp Sơn. Năm lên hai được phái đoàn tìm kiếm hóa thân của ngài Dalai Lama 13 đã phát hiện và công nhận. Từ đó ngài được rèn luyện vô cùng nghiêm ngặt và công phu về Tạng ngữ, Pali, y thuật, văn hóa và dĩ nhiên là Phật học đại thừa và Kim Cang thừa vẫn là căn bản. Người Tây Tạng tin tưởng ngài là hóa thân của Bồ tát Quán Thế Âm. Họ tôn xưng ngài là Gyalwa Rinpoche (Phật quý như ngọc), Kindun (hiên diện), Yizhin Norbu (ngọc quý). Ngài lãnh đạo cả Phật giáo và thế quyền. Sau khi đất nước bị xâm lăng nên phải sang Tây Trúc tỵ nạn, Ngài suốt đời hoạt động tích cực cho sự phổ quát nhân quyền, nhân văn, Phật học. Ngài chủ trương đấu tranh bất bạo động để giữ gìn văn hóa, ngôn ngữ người Tạng. Ngài tham gia và hợp tác với việc nghiên cứu Phật học liên quan đến khoa học, tôn giáo, tâm lý học, phụ nữ, môi trường... Năm 1989 ngài được trao tặng giải thưởng Nobel hòa bình. Cả thế giới công nhận ngài kế thừa tinh thần bất bạo động của ngài Gandhi và xem ngài là lãnh tụ tối cao của Phật giáo thế giới. Ngày 6/7 là ngày sinh nhật của ngài được đặt làm ngày tử bi thế giới.



Nhân một lần trả lời phỏng vấn các nhà báo phương Tây về vấn đề thế giới tôn xưng ngài là Phật sống. Ngài đã trả lời: "Tôi chỉ đơn giản là một tu sĩ Phật giáo, không hơn không kém!" Mặc dù bận rộn vô cùng với những hoạt động hoằng pháp, hoằng sinh như thế nhưng ngài vẫn miệt mài viết sách, có đến hơn 50 tác phẩm cả Phật học và đời sống đã được xuất bản.

Thông qua sách vở, hoạt động và những câu danh ngôn của ngài, thế giới rất hâm mộ và học hỏi được nhiều điều quý báu, tỳ như "Nếu một khó khăn hay tình huống không thể sửa đổi thì không cần phải lo lắng, còn nếu sửa đổi được thì lo lắng có lợi ích gì", "Hạnh phúc không phải thứ có sẵn, nó đến từ hành động của bạn"...

TRÍ TUỆ TÌNH THÔNG NỘI NGOẠI ĐIỂN MẬT TỌNG NẠN ĐIỂN BIỆT TRUYỀN PHÁP TUYẾT LẠNH THIÊNG LIỆNG HÀM PHẬT TỊCH

TỪ BI QUẢN NIỆP BỈ THỬ QUÂN QUỐC ĐỘ LÂM NGUY THỦ ẨM HẠNH TÂY TRÚC VỮNG VÀNG DUNG CAO TĂNG.

LÀM MÀU

Mồ làm việc ở một công ty nọ, ngày ngày cầm trên tay cả ngàn cái CPU, Bio, Memory, Heatsink... toàn những món trọng yếu trong máy điện toán. Ấy vậy mà mồ mù tịt về điện toán, kỹ thuật, trí thông minh nhân tạo... Một hôm nghỉ ngơi buồn tình, chợt nhớ lời một thiên sư nói pháp: "Mấy cô cháu ngân ngày ngày cầm trên tay cả tỷ bạc, ấy vậy mà cuối ngày ra về vẫn hai tay không".

Thì ra học Phật cũng vậy, phải thật tâm, phải học giáo lý, phải thực hành chứ còn nói suông thao thao bất tuyệt thì cũng chẳng khác chi mồ và mấy cô cháu ngân kia.

Mồ cảm cảnh thân mình và nhiều người khác bèn sính chữ mẫn thơ:

*Thật tâm là pháp hàng đầu
Cầm bằng ra về làm màu thì thôi
Nhọc công tốn sức để rồi
Đã không lợi lạc uống đời dở dang*

Chuyện tưởng dừng ở đây, nào ngờ đêm ngủ mơ thấy thần nhân quả trách:

*Con vẹt khoác lác không sai
Con bò đủng đỉnh nó nhai lại hoài
Lý thuyết biết rõ nói rồi
Cái tôi ngã mạn tô bồi thị phi*

Giật mình, tỉnh giấc, bần thần mãi chẳng thôi, nghĩ thấy thẹn mình lại vừa cô phụ thầy. Mồ lẩm bẩm:

*Học Phật chẳng phải chuyên chơi
Ngộ ngộ mà vác ống đờ thiệt thân
Chơn tâm cầu thị chuyên cần
Làm màu thì chẳng phước phần chi đâu!*

MAI NÀY SẼ RÕ

Mấy nay nghe phong thanh con nhỏ cặp thẳng bạn trai ngoại chủng da màu. Bà Tám buồn bực, lo lắng và cả khổ đau. Bà bóng gió xa gần:

- Tụi đó làm biếng, ăn va, ở dơ, bạo động...

Con nhỏ vẫn tinh bơ, đến một ngày kia thì nó công khai. Bà Tám giận, phản đối, khóc lóc:

- Nếu con quyết định quen và lấy nó thì mẹ sẽ sửa di chúc, cắt phần thừa kế của con.

Con nhỏ khóc lóc, năn nỉ ỉ ôi. Tuy nhiên bà Tám vẫn cứng rắn, cả hai mẹ con đều đau khổ. Ông Tám thấy vậy cũng khổ lây, nhưng ông xiu xiu ềnh ềnh chứ chẳng quyết bề nào:

- Thôi bà ơi! Con nó thương ai thì chịu vậy, cũng vì nhân duyên quả báo sâu xa chứ đâu phải tự nhiên mà có. Còn về tính xấu thì tộc Mít nhà mình cũng cả mớ, viết thành sách vài trăm trang chứ chẳng phải chơi.

Dĩ nhiên là bà Tám đâu có nghe:

- Ông hay quá hén! Lúc nào cũng nhân quả với duyên này nọ.

Cả nhà khổ mà chuyện cứ xà quần chẳng tới đâu, giải quyết thế nào thì mai này sẽ rõ

PHÙ THỦY MUỐN LÀM VUA

Lão trùm giàu có và tai tiếng nhất xứ, tiền của vô số nhưng tánh xấu còn bội phần hơn. Lão cao ngạo, gian trá, lọc lừa, lưu manh, tham lam, kỳ thị... Không việc xấu hay việc ác nào mà lão không dám làm, miễn sao mang lại lợi lộc tối đa cho lão. Đã vậy lão vừa đánh trống vừa la làng rằng mình là nạn nhân:

- Cuộc săn phù thủy lớn nhất trong lịch sử, không công bằng với tôi!

Trong đám thủ hạ có kẻ lương tri còn tốt, tuy trung thành với lão ta nhưng không chấp nhận việc y làm loạn, toan tính cướp ngôi. Ông ấy nói nhỏ với những người chân chính:

- Lão ấy chính là phù thủy lớn nhất và nguy hiểm nhất trong lịch sử.

Lão trùm nghe động, nổi giận đùng đùng, đe dọa treo cổ kẻ thủ hạ có lương tri kia. Thời thế đảo điên, lòng người điên đảo. Bọn cuồng mê lại chọn lão trùm làm chủ lần nữa. Thiên hạ bốn phương lắc đầu ngao ngán. Lão trùm còn đe dọa:

- Ta sẽ còn tiếp tục ngồi ngôi quốc chủ.

Có người xứ quờn hồng ưa ông trùm. Y bắt chức ngôn ngữ mới của xứ quờn:

- Ông trùm muốn làm vua, kiểu này thì "toang"*

VÔ DỤNG HAY HỮU DỤNG

Anh nọ có cây bút bi đẹp nên thường giặt ở túi áo, đi đâu cũng khoe mẽ ra về lắm. Bạn anh ta biết rõ là cây bút hết mực từ lâu, một hôm mới thắc mắc:

- Đồ vô dụng, không còn xài được sao hồng bỏ đi?

Anh ta cười cười:

- Coi vậy chứ hữu dụng lắm đó.

Người bạn kia không hiểu, bèn đi hỏi kẻ khác.

Người được hỏi mới nói rằng:

- Nhờ giặt cây bút ấy mà thiên hạ sợ, mượn hoa cúng Phật đó mà.

Anh bạn vẫn hết sức ngờ nghệch, bấy giờ người kia mới huých toẹt ra:

- Có những người chết rồi, cái xác vô tri nhưng ướp để mãi đấy, tốn bao nhiêu là công khổ quốc gia và thuế dân. Đứng tưởng nó vô dụng nhé! Rất hữu dụng đấy, nhờ đó mà khối kẻ kiếm ăn và sống phây phây.

VĂN HÓA ẨM THỰC

Thời buổi mở cửa, người người lập doanh nghiệp làm ăn, nhà nhà khai trương nhà hàng, quán xá, tiệm tưng... Thành đô, tiểu trấn giờ đèn màu, biển hiệu quảng cáo rùm beng lắm. Các vùng miền có đặc sản gì cũng đều thổi phồng quá đáng để câu khách. Có người ra ngoài ấy chơi, nghe đồn miền ngơn ngon nức nách bèn vào ăn thử. Vừa mở miệng xin đĩa rau sống, bà chủ liếc sắc lém, tay dẫn đĩa rau lên bàn, miệng đay nghiến:

- Ôi giờ, rau của bà chứ có phải cỏ rác ngoài đồng đâu mà chả xin với xỏ.

Anh thầm nghĩ bụng: "Thôi chết, đụng phải bún măng cháo chửi phở quát cơm rủa" mà bấy lâu nay người ta vẫn nói.

Tháng sau anh ta lại có dịp du lịch miền trong,

SEN NỞ DƯỚI CHÂN NGƯỜI

*An cư là duyên khởi
Kiết hạ thêm mùa vui
Án mình trong rừng trúc
Hương thiền thơm dòng trôi.*

*Lòng trở nên thanh tịnh
Đạo vàng tỏa muôn nơi
Thuyền con qua sóng cả
Sen nở dưới chân người.*

*Cây lành sinh trái ngọt
Suối nguồn hóa biển khơi
Trong vườn hoa cội phúc
Thiện căn ở tim người.*

*Khơi thêm dòng nhựa sống
Rời bóng tối vô minh
Khéo vững tay chèo chống
Giữa đôi bờ tử sinh.*

*Bơi qua bao dòng đục
Thấy biển trời minh mông
Lòng vui như tùng bách
Giữa hạc nội mây ngàn.*

thơ NGUYỄN AN BÌNH



ghé vô quán hủ tíu Nam Vang làm thử một tô. Trong lúc chờ đợi thì thấy một thím vào quán và kêu: "Cho Năm tô hủ tíu." Chỉ một lát năm tô hủ tíu được bưng ra. Thím ấy ngạc nhiên: "Con có lộn bàn không? Sao bưng ra 5 tô lận". Thằng nhỏ chạy bàn người miền ngoài, sủng cổ: "Ơ cô này hay nhỉ, khi vào cô chà kêu cho 5 tô hủ tíu là gì!" Chủ quán cười: "Coi như tiêu ngày hôm nay, cô là cô Năm ghen em". Người khách kia nghe vậy cười muốn sặc hủ tíu luôn. Anh bảo đem giấy bút ra viết tặng chủ quán:

BÀ BA BÌNH ĐỊNH VÔ SÀI GÒN MỞ QUÁN CƠM
ẨM PHỤ BẠN BUN TÀU PHỞ BẮC
ÔNG CHÍN CẬN THƠ RA HÀ NỘI DỤNG TIỆM
MIỀN THIÊN ĐƯỜNG CHUYÊN CHÁO HUẾ MÌ TIÊU.

Steven N
Georgia, 0425

* Toang, bùng, trình, quẩy, chịch, choác, ngáo đá, tác động vật lý, nhận quà trên mức tình cảm, quan hệ không trong sáng... những từ ngữ mới của xứ quờn.

Đến đi giữa đất trời

TIỂU LỤC THẦN PHONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Đã cuối xuân rồi mà khí trời còn mát mẻ lạ thường, hoa vạn thọ rực rỡ khắp mọi nơi, cái màu vàng cam tôn quý này dùng để dâng cúng cho thần linh. Hoàng hậu Maya bấm đốt ngón tay tính và đã thấy gần đến ngày khai hoa nở nhụy bèn vào cung:

"Tâu bệ hạ, thần thiếp đã sắp đến ngày lâm bồn, xin bệ hạ cho thần thiếp về nhà cha mẹ ở Koli."

Vua Tịnh Phạn bước xuống ngai vàng đỡ hoàng hậu đứng dậy, ôm ấp vỗ về, nhìn hoàng hậu một cách trìu mến:

"Nàng hãy về nhà cha mẹ chờ ngày sinh nở, khẩn nguyện thần Brahma gia hộ cho mẹ tròn con vuông."

"Tâu bệ hạ, trước khi cấn thai, thần thiếp nằm mơ thấy voi trắng sáu ngà từ cung trời Đâu Suất bay xuống và chui vào hông phải, phải chăng điều này sanh thái tử xuất chúng?"

"Ta đã đem giấc mơ của nàng thuật cho các tiên nhân trong thành Ca Tỳ La Vệ (Kalilavastu). Trong số họ có A Tỳ Đà là người xuất sắc nhất. Ông ấy bảo rằng con ta nếu tại thế sẽ là chuyển luân vương, vua của các vị vua, cầm bằng xuất gia tu đạo sẽ trở thành thánh nhân trong ba cõi. Dĩ nhiên là ta muốn thái tử sẽ nối ngôi vua, sẽ trở thành vị vua mạnh nhất trong thiên hạ."

Vua Tịnh Phạn xoa bụng, hôn và thì thầm với thai nhi:

"Con trai của ta ngoan nhé! Con là thái tử khôi ngô nhất xứ Tây Trúc, mai kia sẽ là vua thống lĩnh thiên hạ."

Nói xong vua Tịnh Phạn hạ lệnh cho quan lại, tùy tùng cùng nữ tỳ hộ giá đưa hoàng hậu về nhà cha mẹ bà chờ ngày sinh nở.

Trời tháng Tư xanh biêng biếc. Cỏ hoa hai bên vệ đường xanh mượt và tươi mát bởi khí xuân còn chưa tan. Chim muông véo von ca hát. Từng bầy chim dạn dĩ bay theo xa giá của hoàng hậu Maya. Có những chú chim còn bạo dạn đậu trên tay nàng để mổ lấy những hạt kê; cứ mỗi vài trăm thước, hoàng hậu lại tung những nắm hạt kê vào hai bên vệ đường để chim ăn.

Hoàng hậu Maya đẹp như thánh nữ, mắt to tròn đen lay láy, tóc dài bóng mượt, dáng dấp như nữ thần Lakshmi. Mặc dù bào thai to như vậy nhưng

điều ấy chẳng ảnh hưởng gì đến nhan sắc của hoàng hậu. Dường như có trợ lực từ các vị thần hay sao mà hoàng hậu không thấy mệt nhọc nặng nề như những thai phụ khác.

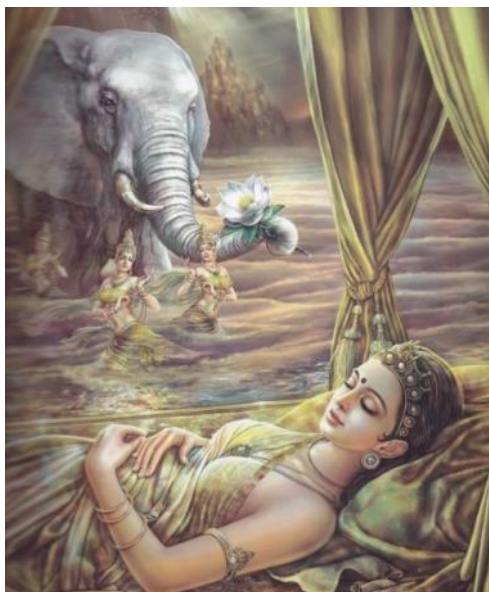
Kiều của hoàng hậu đi ngang qua một khu vườn xanh tươi đẹp đẽ ở Lâm Tỳ Ni (Lumbini), trong vườn có những cây Sa La đang nở hoa, hương bay thơm ngát. Hoàng hậu bảo bọn thị tỳ:

"Này các em, vườn hoa đẹp quá, ta vào đây nghỉ chân một lát, hơn nữa trong người ta có vẻ khác lạ, dường như thái tử muốn ra khỏi bào thai."

Cả đoàn kéo vào khu vườn giăng màn, lập trại bằng chính những chiếc xà rồng đầy màu sắc. Hoàng hậu Maya cảm nhận được sự chuyển động của thai nhi, nàng biết không còn kịp về đến nhà. Chỉ trong khoảnh khắc bà đứng vin cành hoa Sa La thì thái tử đã xuất thai rồi. Trên không trung xuất hiện cầu vồng rực rỡ vắt ngang qua bầu trời, cả không gian bừng lên xán lạn, dường như ánh sáng của nhật nguyệt và muôn vì tinh tú đồng hiện. Mười ngàn thể giới chấn động rùng rùng tựa như đại tượng bước chân xuống chiếc xuống còn con. Vô số chư thiên từ các cõi trời: Đâu Suất, Dạ Ma, Hóa Lạc... cho đến Phi Tướng, Phi Phi Tướng cùng bay về Lâm Tỳ Ni

rải hoa mạn thù sa, hoa ma ha mạn thù sa cúng dường. Các Càn Thát Bà tấu khúc nhạc vàng lưng... Trời người vô cùng hoan hỷ. Ngay cả vô tình chúng sanh như cỏ hoa cây lá và muôn loài động thực vật cũng rung động theo làn sóng hoan hỷ của con người. Duy chỉ có ma vương Ba Tuần thì hậm hực ra mặt, lòng y đầy lo toan và đố kỵ. Về mặt y hãm hèn nhân nô, bình thường vốn đã khó coi, khi sự ghen tức sân hận tăng cao thì càng làm cho gương mặt y trở nên xấu xí và đáng sợ hơn. Y ngồi trên ngai vàng trong cung Bồ Lạc mà lòng hoang mang cực độ: "Phải chăng thánh nhân xuất thế? Rồi đây lũ chúng sanh do ta cai quản sẽ theo người này mà thoát khỏi tay ta". Đắt chấn động sáu cách, mười ngàn thể giới chuyển khiến cho ma vương thêm kinh sợ và lo lắng.

Thái tử vừa ra khỏi thai mẹ, lập tức trên mặt đất xuất hiện bảy đóa sen lung linh màu nhiệm như cầu thành từ ánh sáng của mười phương. Những đóa sen đẹp lộng lẫy chưa từng xuất hiện kể từ khi



trời đất hiện tượng cho đến bây giờ. Thái tử bước nhẹ nhàng trên những đóa hoa sen kỳ diệu ấy, khi đến hoa sen cuối, thái tử chỉ trời và đất: "Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn".

Lúc này tin vui đã bay về kinh thành Ca Tỳ La Vệ, vua Tịnh Phạn vui mừng đến rơi lệ, cả triều thần và bá tánh trong thành cùng hân hoan. Ca Tỳ La Vệ lập tức khai hội tưng bừng, cờ xí bay phất phới, đèn hoa giăng khắp nơi. Ca Tỳ La Vệ chưa bao giờ đẹp và vui như hôm nay.

Đoàn xa giá của hoàng hậu quay về hoàng cung cùng với thái tử. Vua Tịnh Phạn hạ thánh chỉ đại xá trong vương quốc. Ngài đặt tên cho thái tử là Tất Đạt Đa (Siddhartha) với hy vọng thái tử sẽ là người đạt được những gì kỳ vọng.

Niềm vui lớn chưa với thì hoàng hậu Maya vội bỏ thái tử mà đi. Vua Tịnh Phạn đau buồn khôn xiết. Tuy nhiên sau khi nghe các thầy tu tế bảo rằng: "Hoàng hậu có công mang thai và sanh đặng thánh nhân, phước báo này quá lớn nên bỏ báo thân để sanh về cõi trời rồi" thì lòng ông cũng nguôi ngoai. Tất Đạt Đa lớn lên trong sự yêu thương của vua cha và kế mẫu, thái tử được toàn thể triều thần và dân chúng mến mộ. Sự cung phụng cho thái tử cũng hết sức đặc biệt, không biết các cõi trời như thế nào chứ với thái tử thì thế gian này chẳng có ai được như thế.

Càng lớn thái tử càng khô ngô tuấn tú, mặt mày sáng láng, tư chất thông minh, trí tuệ thiên bẩm. Bao nhiêu vị thầy giỏi trong thiên hạ được vời đến để dạy dỗ thái tử, các vị thầy thông tuệ ấy cũng chẳng mấy chốc cạn hết chữ nghĩa và vốn liếng để dạy. Thái tử đặt ra những nghi vấn mà bọn họ không làm sao trả lời được.

Thái tử Tất Đạt Đa tuy tuổi nhỏ nhưng lúc nào cũng trang nghiêm mực thước, đỉnh đạc đàng hoàng, luôn suy tư, chiêm nghiệm chứ không thích nô đùa như chúng bạn đồng trang lứa. Đặc biệt lòng thương người, thương vật của thái tử rất sâu đậm, ai ai cũng cảm nhận được điều này.

Một ngày kia thái tử cùng người em họ ra ngoài thành chơi. Người này cũng xuất sắc không kém, văn võ song toàn, hẳn dùng cung tên bắn rơi một con thiên nga đang bay qua bầu trời. Tất Đạt Đa cảm thương con vật, nhặt lấy để cứu nó. Người em họ thấy thế bèn đòi chim:

- Con chim này của đệ bắn hạ, trả lại cho đệ.
- Con chim này chẳng phải của đệ, không phải của ta, nó chẳng thuộc về ai cả.
- Nhưng đệ bắn trúng nó kia mà.
- Con chim chẳng hại ai, nó bay qua bầu trời như huynh đệ ta rong chơi, sao đệ lại bắn nó?
- Nó là loài vật.
- Loài vật cũng có sinh mệnh, nó cũng biết đau, cũng ham sống sợ chết như chúng ta.
- Chúng ta thuộc đẳng cấp Sát đế Lợi sanh ra từ miệng thần Brahma, là chủ nhân của muôn loài.
- Không, tất cả chúng sanh đều bình đẳng như nhau, mỗi loài đều có sinh mệnh và nghiệp riêng, không thể cây mạnh hiếp yếu.

Dù nói thế nào đi nữa Tất Đạt Đa cũng không trả con chim, thái tử giữ lấy và chữa trị cho đến khi bình phục mới thả cho nó bay đi.

Sống trong cung vàng điện ngọc, có tất cả những thứ mà người thế gian mong cầu mơ ước. Đời sống tốt đỉnh danh vọng và phú quý nhưng thái tử dường như chẳng quan tâm, chẳng tham gia tiệc tùng và chơi bời như những công tử khác. Thái tử thích ngồi trầm tư chiêm nghiệm. Một hôm thái tử gặp lão Samithawansa, một trưởng lão của Kỳ Na giáo. Ông ấy bảo:

- Tâu thái tử, ngài là bậc cao quý trong thiên hạ, mai này sẽ là nhân chủ, hà cớ gì ngài cứ suy tư chiêm nghiệm? Ngài hãy vui chơi tận hưởng mọi lạc thú của đời, đục lặc chính là mật ngọt vậy.
- Thưa trưởng lão, lạc thú có làm cho ta hết khổ đau chăng?
- Dĩ nhiên là không nhưng lạc thú làm cho đời sống hạnh phúc.
- Đục lặc có làm cho ta hết già, hết bệnh, hết chết chăng?
- Không, nhưng ta nên thọ hưởng đục lặc trước khi bệnh, già và chết. Phương pháp tu hành của ta giúp hành giả sau khi chết sẽ sanh lên các cõi trời để hưởng phước trời, sống dài lâu với đục lặc vi diệu của cõi trời.
- Thế khi hết phước cõi trời thì lại sanh về đâu?
- Cái này ta không biết.
- Vậy thì cũng không ích lợi gì, vẫn phải già, vẫn phải bệnh vẫn phải chết như thường.

Nói xong thái tử ngồi yên trầm tư suy tưởng mặc cho lão Samithawansa bỏ đi.

Một ngày đầu hạ, thái tử lại ra ngoài thành chơi, lần này gặp một người hình dong cổ quái, tóc bện như đồng dây thừng trên đầu, quần áo tả tơi, thân hình dơ dáy hôi hám. Ông ấy đứng một chân một chân co lại và ngửa mặt nhìn trời. Những người hiểu kỳ xung quanh bảo ông ấy ăn uống tiết chế gần như không ăn uống gì, không tắm, chỉ ngồi trên bàn chông hoặc gai đá. Ông ấy lại dùng roi da quật vào thân, dùng mũi nhọn xiên linh qua mép, môi, ngực, bụng, lưng... Ông ấy là trưởng lão Bhante Vijaya của nhóm tu khổ hạnh, hành hạ thân xác để gột rửa mọi tội lỗi, thanh tịnh tâm hồn và khi chết sẽ được sanh về các cõi trời. Thái tử ngắm nhìn ông ta đã lâu và muốn hỏi han nhưng ông ấy không ngó xuống. Một người tự xưng là đệ tử nói:

- Thưa thái tử, sư phụ của tôi không nói đã nhiều ngày rồi.
- Người có thể cho ta biết tại sao phải hành hạ bản thân như thế?
- Thưa thái tử, tu khổ hạnh phải như thế, có vậy mới gột rửa được tâm hồn như bản, chuộc lại lỗi lầm trong quá khứ, là cách tiêu diệt bản năng đục lặc.
- Thế tu vậy để làm gì?
- Sau khi chết sẽ sanh thiên hưởng phước báu.
- Ông nói sao? Từ chối phước báu đây để cầu phước báu kia há chẳng phải vọng tưởng sao!
- Thưa thái tử, phước báu trần gian ngắn ngủi giả tạm, phước báu cõi trời chân thật dài lâu.
- Hành hạ và dày đọa thân xác thì làm sao thanh tịnh được tâm?
- Vì khi hành hạ thì thân xác sẽ không còn cảm giác hưởng thọ khoái lạc, ngăn ngừa sự thèm khát đục lặc, tiêu diệt nhục dục nên tâm thanh tịnh.
- Hành hạ và dày đọa thân xác có làm cho ta



hết gì, hết bệnh, hết chết chẳng?

- Thưa không, nhưng sau khi chết sẽ sanh thiên.

- Sau khi hết phước báu cõi trời thì sẽ sanh về đâu nữa?

- Thưa thái tử, điều này tôi không biết, có thể trở lại trần gian sanh vào hàng Bà La Môn, Sát Đế Lợi...

Đến đây thì thái tử rời bỏ lão Bhante Vijaya và đám đồ đệ của ông ấy để quay về hoàng cung. Thái tử đóng cửa phòng ngồi một mình suy gẫm lời nói và hành trạng của hai vị trưởng lão. Tất Đạt Đa thì thầm một mình: "Cả hai vị với phương cách trái ngược nhau nhưng cùng có mục đích sanh thiên, tuy nhiên cả hai đều không thể nào làm cho con người hết khổ, hết bệnh, hết già, hết chết được!"

Vua Tịnh Phạn thấy thái tử như thế thì trong lòng lo lắng lắm; ngài nhớ như in lời tiên tri của tiên nhân A Tư Đà. Ngài sợ thái tử sẽ xuất gia tu hành vì vậy dùng hết mọi phương cách để lung lạc thái tử từ bỏ ý niệm xuất gia. Ngài cho xây cung điện bốn mùa, cung cấp của ngon vật lạ, vàng bạc châu báu, mỹ nữ xinh đẹp... hồng làm cho thái tử mê đắm. Ngài còn hạ chỉ: "Hễ ai làm cho thái tử vui hưởng dục lạc sẽ được trọng thưởng". Nhà vua và cả triều thần đem hết khả năng để dụ hoặc thái tử nhưng xem ra không lay động được tâm thái tử. Tất Đạt Đa vẫn ngày đêm suy tư về cái khổ của kiếp người: Sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, yêu thương mà cách biệt khổ, oán ghét mà chung đưng khổ, cầu mà chẳng được khổ, thân và tâm như lửa cháy khổ. Cái khổ sanh tử luân hồi từ lũy kiếp đến nay không làm sao với bớt. Tất Đạt Đa ngồi trầm tư tự nói với bản thân: "Ta là thái tử, nay mai sẽ là vua cai quản thiên hạ cũng không thể thoát khỏi những cái khổ này. Sanh lão bệnh tử như thế nào thì cũng phải chịu như thế đó, những nỗi khổ của kiếp người chẳng phân biệt giàu nghèo sang hèn. Những nỗi khổ từ vô lượng kiếp đến nay cần phải chấm dứt. Ta muốn tìm một con đường thoát khổ, hết sanh già bệnh chết. Xem ra phương pháp tu hành của hai vị trưởng lão Samithawansha và Bhante Vijaya không thể hết khổ được, cho dù có sanh thiên hưởng phước báo lớn nhưng khi hết phước lại phải đọa và lại sanh tử luân hồi, tu như thế phỏng có ích gì?"

Bất chợt trong phòng phảng phất mùi thơm của phấn son, một làn hơi ấm phả vào gáy thái tử, giọng nói ngọt ngào dịu êm rót vào tai thái tử:

- Đây chàng thái tử trẻ trung đẹp trai. Chàng là thần tượng của lòng em cũng như của bao cô gái trên đời này. Chàng là biểu tượng sức khỏe, tuổi trẻ, quyền lực, danh giá và dục lạc. Thiếp nguyện đem thân này làm nô lệ cho chàng. Thiếp giúp chàng tận hưởng khoái lạc của đời người. Thiếp có ngón nghề đưa chàng lên đỉnh vui sướng cực khoái, trần gian này dễ mấy ai đạt được. Thiếp nguyện theo chàng suốt tháng năm, làm thỏa mãn bất cứ sự mong muốn nào.

Thái tử định thần lại thì nhận ra nàng Ràga, cô con gái của ma vương Ba Tuần. Nàng quả là xinh đẹp, quyến rũ và đầy nhục cảm, thể gian này hầu như không có ai có thể thoát khỏi sự cám dỗ của nàng. Nàng cùng với hai người chị là Tanha và Arati đều là trợ thủ đắc lực giúp ma vương Ba Tuần cai quản chúng sanh ở cõi Sa Bà. Thái tử nhìn nàng:

- Nàng có thể giúp ta hết khổ sanh lão bệnh tử được chăng?

- Thiếp không thể làm được điều đó. Thiếp chỉ có thể giúp chàng sống trong khoái lạc, sống hoan lạc trước khi già, bệnh, chết.

- Vậy thì hoan lạc có ý nghĩa gì khi đời quanh quẩn trong sanh già bệnh chết?

- Ai cũng phải sanh già bệnh chết, vì vậy ta mới tận hưởng khoái lạc, sống trong dục lạc.

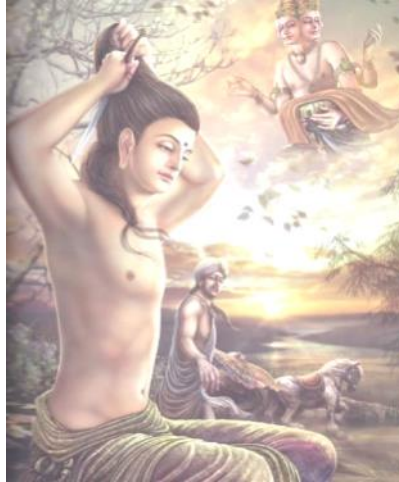
- Càng hưởng khoái lạc thì càng trôi buột chặt trong sanh già bệnh chết.

- Sanh già bệnh chết là lẽ tự nhiên, là vòng sanh tử luân hồi, chàng suy nghĩ chỉ cho mệt.

Không đợi thái tử trả lời, nàng Ràga và nàng Tanha trút bỏ xiêm và múa những điệu gợi cảm, kích dục; những điệu múa quyến rũ mà người trần gian chưa hề thấy qua. Nàng ca những bản tình ca diễm tình với chất giọng mượt mà tha thiết khiến cho con tim người cứng rắn nhất cũng phải mềm nhũn đi. Mùi hương của nàng tỏa ra làm cho tính dục của con người bùng lên như lửa cháy, không một ai nghĩ phải mà có thể kiềm chế nổi dục vọng trong người. Làn da của nàng mịn màng mượt mắt. Bàn tay nàng dịu dàng ve vuốt... Nàng trở hết mọi ngón nghề để quyến rũ thái tử nhưng xem ra công cốc. Tất Đạt Đa ngồi yên vững vàng như vách đá tường đồng, gió thổi không lay, nước chảy không động, sấm chớp không chuyển. Cả Ràga và Tanha thấy bất lực không thể làm được gì hơn nữa, sắc mặt đanh lại, quắc mắt nhìn thái tử lần nữa rồi biến đi nhanh như lúc đến. Căn phòng trở lại tịch tĩnh vô cùng.

Thái tử miên mật quán sát tất cả thân, tuy hiện giờ nó đang trẻ, khỏe, sung mãn nhưng nó đang đi đến già bệnh chết, nó đang diễn biến trong từng phút giây. Nay nó tốt đẹp vậy nhưng khi tắt thở thì sẽ tím tái, sinh tương, rữa thối và cuối cùng chỉ là những đốt xương rã rời. Tâm thân này chẳng có gì là quý, nó chỉ là cái da dầy da hôi thối chứa đầy máu mủ và các chất hôi tanh ở bên trong. Cái tâm này thì vô thường sáng nắng chiều mưa, nay yêu mai ghét, nó khiến cho con người làm bao nhiêu chuyện vô minh. Các pháp của thế gian này cũng vô thường thành - trụ - hoại - không liên lỉ. Các cảm thọ chỉ là khổ, ngay cả cảm thọ lạc cũng đi đến khổ mà thôi. Tất cả chúng sanh và ta đã lên xuống trong ba cõi sáu đường với vô số lần sanh tử luân hồi.

Thái tử thấy chán ngấy sự sanh tử luân hồi, lần này là cơ hội cuối cùng để thoát khổ. Thái tử quyết tâm buông xuống để ra đi tìm cách khai phá một con đường sáng. Ngủ dục lạc trần ngài xem như



đép rách chẳng chút bận tâm. Duy có mỗi dây tình cảm là thứ bền chặt nhất, kiên cố nhất. Thế gian này chẳng có loại xiềng xích nào có thể bền chắc hơn sợi dây tình cảm. Tuy nhiên thái tử đã quyết rồi thì cũng phải cắt ái từ thân ly gia đoạn dục, thả khổ một lần này để rồi vĩnh viễn thoát khổ, ra khỏi sanh tử luân hồi.

Tất Đạt Đa cho gọi người hầu cận thân tín vào phòng:

- Này Sa Nặc (Chana) hãy chuẩn bị ngựa Kiền Trắc (Kanthaka) cho ta.

- Thưa thái tử, ngài định đi đâu?

- Ta sẽ đi đến nơi cần phải đến, ta không đi thì ai có thể đi đây?

- Nhưng ngài đi đâu? Phải chăng...

Sa Nặc không dám nói hết câu, tâm tánh và hạnh trạng của thái tử thì Sa Nặc còn lạ gì. Cả kinh thành Ca Tỳ La Vệ này ai cũng biết chứ đâu riêng gì mình Sa Nặc; tuy nhiên Sa Nặc cũng như mọi người muốn giữ, muốn níu kéo thái tử lại. Việc đã đến thì phải đến, vua Tịnh Phạn, nàng Da Du Đà La (Yasodhara), La Hầu La (Rahula) hay con gái của ma vương Ba Tuần cũng không sao ngăn cản được. Sa Nặc lại hỏi:

- Ngài định bao giờ đi?

- Quá nửa đêm nay.

Lúc bấy giờ thiên chủ cõi Phạm thiên bảo với các tiểu thiên vương:

- Đêm nay thái tử Tất Đạt Đa sẽ vượt thành để ra đi tìm con đường sáng cho hàng trời – người. Chúng ta sẽ trợ duyên bằng cách làm cho hoàng gia, triều thần và dân chúng thành Ca Tỳ La Vệ sẽ ngủ say để thái tử vượt thành được xuôi chèo mát mái.

Quá nửa đêm, thái tử vào nhìn nàng Da Du Đà La và La Hầu La lần cuối rồi cùng Sa Nặc vượt thành ra đi. Nhân gian ngủ say như chết, không một ai hay biết. Vượt qua sông Anoma, thái tử cắt tóc và cởi bỏ trang phục thái tử trao cho Sa Nặc, căn dặn:

- Hãy về trao lại cho phụ hoàng của ta và nhắn rằng ta đã quyết tâm tầm sư học đạo để thoát khỏi sanh tử luân hồi, quyết khai phá con đường sáng giúp chúng sanh thoát khỏi sanh già bệnh chết. Nếu không thành thì sẽ không về.

Dẫn dò xong, thái tử từ biệt Sa Nặc rồi đồng mãnh đi thẳng vào màn đêm mênh mông mịt mù phía trước. Sa Nặc đứng nhìn thái tử cứ ngỡ một tia sáng đang xuyên qua lớp màn đen vô tận. Xa xa bầu trời đang Đông dưng như đang hắt lên ánh quang minh của một ngày mới.

Tiểu Lục Thần Phong
Át Lăng thành, 0425



ĐẤT TRỜI VÀNG SẮC SÁNG

*Tháng Tư ngập tràn nắng gió
Cây cỏ xanh tươi
Trời đất mùi hương lộng lẫy
Ba ngàn thế giới hoan ca
Vườn Sa La Lâm Tỳ Ni nở hoa
Thành Ca Tỳ La Vệ mừng khai hội
Thế giới rạng rỡ cờ năm màu đón đón sanh
Đóa sen vàng từ vũng bùn ngũ dục
Tỏa hương thơm ngược gió muôn miền
Bao kiếp người đau khổ ưu phiền
Chợt một sớm an nhiên tự tại
Đường ly dục là con đường thoát khổ
Thế gian này tất cả vốn vô thường
May mắn thay hạnh ngộ bậc y vương
Đem thuốc pháp giúp nhân thiên giải thoát
Ngày đản sanh mười ngàn thế giới chuyển
Động sáu phương vì diệu vô biên
Từ pháp thân vô sanh vô diệt
Hiện ứng, hóa thân siêu việt khó nghĩ bàn
Hạnh phúc thay một cõi nhân gian
Ánh sáng pháp xua tan tâm tối
Mạn thù sa rơi rơi từ cõi trời
Trên mặt đất lòng môn người hơn hờ
Mừng đản sanh cả không gian rạng rỡ
Đất trời vàng trong sắc sáng thiêng liêng.*

thơ **THANH NGUYỄN**

Át Lăng thành, 0425

Độc Tiểu Lục Thần Phong, Ngòi bút hoài cảm và hiện thực

UYÊN NGUYỄN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Người viết văn, có kẻ chỉ viết để mà viết, như phường thợ chữ, đóng cột hàng thuê, đắp câu chữ lẫn lộn như người ta đổ vữa xây nhà. Nhưng cũng có kẻ viết để mà sống, sống để mà viết, chữ là máu, vẫn là thịt, từng câu từng đoạn rớm lên một vệt hồng tươi của ký ức, của nỗi lòng, của những năm tháng trầm luân trong cõi tạm nhân sinh. Tiểu Lục Thần Phong là một kẻ như thế. Hắn viết, không phải vì danh, cũng chẳng cầu lợi. Viết để soi chiếu chính mình, để soi mặt vào thời cuộc, để thở hơi thở của một dòng văn chương đã vắng bóng những người đồng hành. Cô đơn ư? Tất nhiên. Nhưng không lẻ loi. Vì trên con đường vắng vẻ ấy, chữ nghĩa vẫn là tri kỷ, nỗi hoài niệm vẫn là ánh đèn đường, soi bóng hắt trên từng trang giấy cũ.

Văn của Tiểu Lục Thần Phong có gì? Có bút lực mạnh, có hồn văn buồn, có câu chữ lắng đọng một thứ dư vị rất riêng. Đọc hắn, ta như bước vào một hội quán của kẻ độc hành, nơi người ta nhắm nháp một thứ rượu cất từ hoài niệm, từ những giấc mộng chưa tròn, từ những bóng người đã khuất. Nhân vật của hắn, dầu mang tên gì, có là Rocky hay Doan Thanh Tử, có lang bạt ở Magnolia hay lưu lạc giữa chợ phù hoa, cũng đều là những hồn người lững thững trên con đường chẳng biết đi về đâu. Họ có thể mang nụ cười cợt nhả, nhưng trong mắt vẫn là một hoàng hôn tắt nắng, một tiếng còi tàu kéo dài, một chút hư vô vẫn vệt mãi không tan.

Hắn kể chuyện, không như một người đứng giảng đạo lý, cũng chẳng giống kẻ bán chữ chợ trời. Hắn kể như người ta nhắc về những cơn mộng dài, những cơn mộng không đầu không cuối, không tươi sáng mà cũng chẳng hề tuyệt vọng. Văn hắn có lúc tha thiết, nhưng đôi khi lại bỡn cợt đùa với chữ nghĩa. Người ta có thể nhăn trán với những triết lý hữu vô giao hội, nhưng cũng có thể bật cười vì một câu nói như thế nhạt về từ quán rượu đầu đường. Văn hắn, như một tiếng cười buốt lạnh, như một bản nhạc buồn rã ruột, như một cuộc dạo chơi giữa cõi nhân sinh đầy rẫy những ngã rẽ vô chừng.

Nói đến bút pháp của Tiểu Lục Thần Phong, không thể không nhắc đến chất hoài cổ trong văn hắn. Ở thời mà chữ nghĩa đang dần bị thay thế bởi những emoji nhảy múa, những dòng caption hời hợt, những nội dung 15 giây lướt vội, hắn vẫn điềm nhiên dựng lên một thế giới của chữ nghĩa lặng lẽ,

tĩnh mặc, chậm rãi thấm dần vào trí nhớ. Giữa những câu văn của hắn, người ta bắt gặp một nỗi buồn không tên, một sự tiếc nuối không lời, một ý thức về sự hữu hạn của con người trong dòng chảy của vô thường. Đó là một thứ buồn rất đẹp, rất người, rất ấn tượng.

Tuy nhiên, đừng tưởng rằng văn của Tiểu Lục Thần Phong chỉ toàn hoài niệm. Hắn cũng là một người đứng giữa hai bờ quá khứ và hiện tại, một kẻ không chịu trôi theo dòng nhưng cũng chẳng bám víu vào bờ. "*Bán Sách*", một truyện ngắn tưởng như chỉ nói về một nhà văn lụi cụi với gian hàng sách vắng hoe, thực chất là một bản châm biếm thâm trầm về hiện trạng của văn chương Việt hải ngoại. Hắn không cần gào lên, không cần viết những câu chữ bốc lửa để tố cáo sự nguội lạnh của độc giả, sự phối pha của chữ nghĩa, mà chỉ nhẹ nhàng dựng lên một bức tranh châm biếm đầy cay đắng: giữa những gian hàng náo nhiệt, sách bị vây hãm bởi nước mắt và đồ chơi tình dục. Một hình ảnh mạnh đến độ đau lòng, một lời ai oán chẳng cần thốt lên nhưng vẫn khiến người đọc nghẹn lại trong lòng.

Nhưng Tiểu Lục Thần Phong không phải là người ủy mị. Hắn biết cách cười, biết cách đứng trên đồng tro tàn mà thổi ra một chút khói nhạt của hài hước. Hắn viết về nhân sinh, nhưng không rao giảng. Hắn nói về đời sống, nhưng không triết lý suông. Văn hắn như một gã lang khách trong quán trọ, có thể đối ẩm với bậc chân nhân nhưng cũng chẳng ngại nâng ly cùng những kẻ giang hồ. Có lúc hắn trầm mặc như một kẻ đã trải hết mưa nắng cuộc đời, có lúc hắn đùa cợt như một người chưa bao giờ biết sợ hãi. Nhưng dầu nghiêm túc hay bỡn cợt, văn hắn vẫn luôn có một thứ gì đó sắc bén, chân thực, không bao giờ hời hợt hay xảo ngữ.

Vậy văn hắn có giá trị gì? Có người sẽ bảo: văn chương như thế có ích gì trong thời đại này, khi mà chẳng ai còn đọc sách, chẳng ai còn quan tâm đến những kẻ miệt mài với chữ nghĩa? Nhưng giá trị của văn chương không nằm ở chỗ nó được đón nhận bởi bao nhiêu người, mà nằm ở chỗ nó có thể chạm vào những ai, có thể gọi dậy một chút suy tư nào đó trong một tâm hồn còn biết đến chữ nghĩa. Tiểu Lục Thần Phong viết, không phải để mong người ta xếp hàng mua sách, cũng chẳng phải để



tranh một chỗ trên bảng vàng văn chương. Hẳn viết, đơn giản vì hẳn không thể không viết, vì nếu không, những suy tư của hẳn sẽ mục nát theo thời gian, như một ngọn nến chưa kịp cháy hết mà đã bị dập tắt giữa đêm dài.

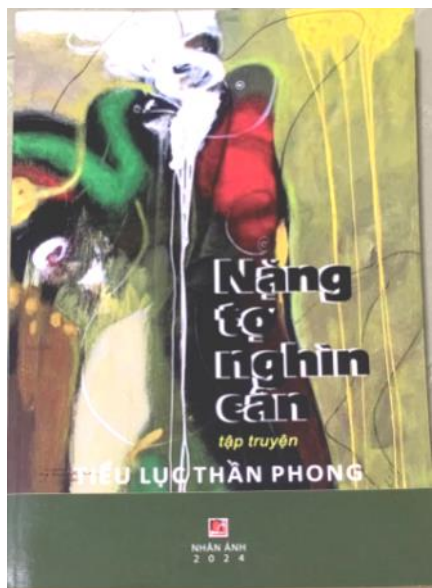
Đọc văn Tiểu Lục Thần Phong, ta thấy thấp thoáng đâu đó bóng hình mờ ảo của một Thạch Lam nhẹ nhàng nhưng thấm thía, một Nguyễn Tuân phóng khoáng nhưng sâu cay, một Bùi Giáng hoang đường nhưng đầy tình tảo. Nhưng hẳn không phải là họ. Hẳn là chính hẳn. Một giọng văn đặc biệt, khó lẫn, khó nhầm, một cây bút lưu lạc giữa dòng chảy của văn học Việt hải ngoại nhưng vẫn vững vàng với ngọn lửa riêng.

Người ta vẫn nói: "Nhất thiết pháp vô tự tính, duyên sinh giả như thị." Văn chương cũng thế. Không có gì là bất biến. Không có ai là vĩnh cửu. Nhưng những gì có thể chạm vào lòng người, dù chỉ trong một khoảnh khắc, vẫn có thể trở thành một ánh sáng nhỏ trong đêm dài, một tiếng còi tàu vọng lại giữa phố xá im lìm, một chút vang ngân dù ngăn ngùi nhưng không dễ lãng quên.

Và vì thế, Tiểu Lục Thần Phong viết. Hẳn cứ viết. Dầu chẳng ai mua sách, dầu văn chương chẳng còn chỗ đứng, dầu đọc giả ngày càng quay lưng với chữ nghĩa. Hẳn viết, không phải để cứu chữ nghĩa, mà để chữ nghĩa cứu lấy chính mình. Và cũng có thể, để cứu lấy những kẻ còn đủ nhạy cảm để nhận ra cái đẹp đang dần bị lãng quên.

Yuma, ngày 18 tháng Hai, 2025

Uyên Nguyên



TIẾNG VE THỜI TRẺ CON

*Bất ngờ những giọt sương từ tầng cao xanh ngắt
Roi roi vào trưa huyền hoặc,
Tan vào trong tiếng ve
Mùa hè năm xưa... đánh mất!*

*Những cô bé, cậu bé tuổi mười hai, mười ba, buổi
trưa trốn ngủ
Sào trúc xôn xao, ngong ngóng tầng cao
Những chú ve kim chưa kịp hiểu vì sao
Nhựa mù mít dính vào đôi cánh...*

*Có một cậu bé ngồi hứng nắng làm thơ,
Mắt gửi phía sau chùm tóc đuôi gà hồng nhánh
Mỗi chú ve bị bắt, cậu buồn như... bị đánh
Rón rón thả nỗi buồn qua những giấc mơ.*

*Tiếng ve hồn nhiên, tiếng ve giận dỗi
Hoa sao tím mù, cánh sao loay hoay
Kết cọng cỏ. Chợt lòng bói rói
Biết tặng ai trong đám... khóc nhè?*

*Mỗi gốc cây, bắt đầu một ký tự
Những con kiến vàng tìm nhựa mon men
Tiếng ve đỏ những trái trường, ửng vàng trái thị
Lủng lơ treo vào những đôi mắt đen.*

*Chân chợt chạm những vỏ ve mùa "thoát xác"
Áo mười ba khao khát những... mơ màng
Tóc đã xõa bờ vai mùa thiếu nữ
Tiếng ve ngân say nắng hạ vàng.*

*Làm sao gói tiếng ve xưa trẻ
Ngày xa trường. Im lặng tiếng ve
Mây ngã chia tay, phượng hồng thấp lửa
Ai học trò không mắc nợ mùa ve?...*

thơ **TRẦN HOÀNG VY**



VẤN ĐÁP ẤM THỰC

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Y KHOA PHỔ THÔNG

1- Sữa Ong Chúa" là gì? Giá trị dinh dưỡng và trị bệnh ra sao?

Tiếng Anh của Sữa Ong Chúa là "Royal Jelly".

Đây là một chất lỏng như sữa do những hạch đặc biệt ở họng của ong thợ sản xuất chứ không phải do Ong Chúa làm ra. Ong thợ hòa lẫn phần hoa với mật ong và vài loại enzym để có sữa. Thành ra có lẽ phải gọi là sữa Nuôi Ong Chúa mới chính xác.

Tất cả các ấu trùng ong đều được nuôi với sữa này trong vòng 2, 3 ngày để rồi đến ngày thứ tư thì ngưng và trở thành ong thợ. Đặc biệt một vài trong số các ấu trùng được lựa chọn và tiếp tục đảm nhiệm tiêu thụ chất dinh dưỡng này để trở thành Ong Chúa.

Ong Chúa tăng trưởng lớn nặng gấp đôi các ong khác và đẻ ra vô số trứng. Theo nhiều nghiên cứu, ong chúa sống lâu tới 5, 6 năm trong khi đó tuổi thọ của ong thợ chỉ từ 35-45 ngày. Ong Chúa có khả năng đẻ ra 3000 trứng mỗi ngày trong suốt mùa ong và kéo dài tới 5 năm. Đây là một số trong nhiều yếu tố mà các nhà sản xuất sữa căn cứ vào để quảng cáo ảnh hưởng có lợi của sữa lên con người. Ong Chúa khỏe mạnh, tuổi thọ cao, thời gian màu mỡ sinh đẻ phong phú.

Sữa Ong Chúa có khoảng 60% nước, các chất dinh dưỡng như đạm, đường, chất béo cộng thêm các vitamin nhóm B, niacin, folic acid, một số enzym. Sữa được thu nhận từ các ngăn trong tổ ong mà Ong Chúa nằm. Trung bình, trong mùa ong từ 5-6 tháng, mỗi tổ ong cho khoảng 500- 700gr sữa.

Cho tới nay, khoa học vẫn chưa tìm ra một chất dinh dưỡng quan trọng nào trong sản phẩm này mà thực phẩm thường dùng đã có. Theo nhiều nghiên cứu, dù sữa có đủ các loại enzym đặc biệt, chúng cũng không giúp ích gì cho sức khỏe vì chúng bị biến đổi trong việc tiêu hóa chứ không trực tiếp hấp thụ nguyên trạng vào các cơ quan.

Nhiều người dùng sữa Ong Chúa trong các bệnh như cao cholesterol, hen suyễn, khó ngủ, loét bao tử, viêm gan, tuyến tụy, tăng cường miễn dịch, hói tóc. Một vài nghiên cứu gợi ý rằng sữa Ong Chúa có thể làm hạ cholesterol, chống viêm, có tác dụng như chất kháng sinh, giúp vết thương mau lành, ngăn ngừa sự thành hình u bướu, xơ cứng lòng động mạch. Một số ý kiến cho là sữa có tác dụng lên toàn cơ thể chứ không riêng cho một chức năng sinh học nào. Do đó, còn cần có nhiều nghiên cứu khoa học nữa để xác định tác dụng trị bệnh của sữa ong chúa với các bệnh kể trên.

Năm 1992, Ủy Ban Thương Mại Hoa Kỳ (FTC) chịu trách nhiệm về thực phẩm, có cảnh cáo công ty CC Pollen khi công ty này quảng cáo rằng chỉ có honeybee pollen là có đủ tất cả các loại enzyme với tỷ lệ hoàn toàn cân bằng. Quảng cáo này không

được dẫn chứng khoa học hỗ trợ và công ty đã phải bỏ lời quảng cáo có tính cách phóng đại này.

Điều cần lưu ý là mật ong hoặc sữa ong chúa có thể gây ra dị ứng như nổi mẩn trên da, hen khó thở, viêm xuất huyết da dày hoặc phản ứng sốc trầm trọng (phản vệ), đôi khi tử vong (1). Lý do là ong lấy phấn từ nhiều loại hoa khác nhau và nhiều người có thể đã bị dị ứng với phấn hoa này. Do đó không nên dùng khi bị bệnh hen suyễn để tránh bệnh trầm trọng hơn.

Chưa có chứng minh an toàn của sữa ong chúa với phụ nữ có thai, cho con bú sữa mẹ. Do đó, các nhà chuyên môn y khoa đề nghị là các vị này không nên dùng sữa ong chúa, để bảo đảm an toàn cho thai nhi. Họ cũng khuyên là không nên dùng sữa ong chúa quá lâu để tránh các rủi ro dị ứng. Có báo cáo cho hay là người đang dùng thuốc chống đông máu Coumadin, nên cẩn thận vì sữa có thể tăng tác dụng của Coumadin, khiến cho rủi ro bầm da, xuất huyết xảy ra nhiều hơn.

Trên thị trường, sữa được bán như một thực phẩm phụ (food supplement) dưới hình thức hơi đặc tự nhiên, cần cất giữ trong tủ lạnh, dạng khô trong viên thuốc hoặc trong các mỹ phẩm thoa da. Vì không phải là dược phẩm, nên sữa không đặt dưới sự kiểm soát của cơ quan thực dược phẩm công quyền. Nhờ đó, các nhà sản xuất tự do "khuyến mãi, quảng cáo".

Về liều lượng, nên theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất.

Và cũng nên tham khảo ý kiến bác sĩ trước khi dùng các chất thiên nhiên, trong đó có sữa nuôi ong chúa.

2- Thịt bò, thịt heo do sinh sản vô tính (clone) tạo ra có an toàn cho người tiêu thụ không?

Đây là vấn đề còn có rất nhiều tranh luận, không những về khía cạnh an toàn thực phẩm mà còn về đạo đức, tôn giáo.

Trước hết clone động vật là gì?

Trứng của một vật được lấy đi phần nhân di truyền và thay thế bằng nhân di truyền của con vật khác mà mình muốn clone. Nhân này có thể từ một tế bào nào đó ở dưới da, tai của con vật.

Một luồng điện nhỏ kích thích để trứng rụng rời nhân di truyền rồi phân sinh làm hai, làm bốn... như các trứng thụ tinh bình thường khác và trở thành phôi bào.

Phôi bào được đặt vào tử cung của bò hoặc heo nào đó để mang thai hộ rồi đẻ ra con. Thế là ta được một con vật do sinh sản vô tính với các đặc tính mà mình muốn có.

Sinh sản vô tính được thực hiện lần đầu vào năm 1996, khi các khoa học gia bên Anh tạo ra cừu Dolly.

Tháng Giêng năm 2008, Cơ quan Thực-Dược Phẩm Hoa Kỳ tuyên bố là thịt và sữa từ bò, cừu, heo do clone đều hoàn toàn giống như thịt từ xúc vật sinh đẻ tự nhiên, bình thường, do đó an toàn cho người tiêu thụ. Đây là kết quả các nghiên cứu mà cơ quan đã thực hiện từ năm 2001. Cơ quan này cũng cho biết là nhà sản xuất không cần ghi nguồn gốc thực phẩm là do sinh sản vô tính trên nhãn hiệu thực phẩm.

Tuy nhiên, giới tiêu thụ vẫn còn ngần ngại với lý do là chưa có đủ dữ kiện khoa học chứng minh thịt do clone an toàn.

Ngoài ra, vấn đề đạo đức cũng được nêu ra. Như là khi clone như vậy, con người đã đóng vai Thượng Đế để tạo ra một sinh vật và xâm phạm vào lãnh vực ngoài giới hạn của mình.

Thịt xúc vật clone chưa được bày bán vì đúng ra, mục đích của sự clone không phải để lấy thịt mà là để tạo ra con giống tốt. Con cái của những con giống tốt này mới là mục tiêu của nhà sản xuất.

Và lại, clone một con vật cũng rất tốn kém: con bò tốn 18.000 mỹ kim, con heo tốn 6,000 mỹ kim.

3- Thiếu sinh tố A có thể gây ra những bệnh gì?

Vitamin A thuộc nhóm các sinh tố hòa tan trong chất béo với các nhiệm vụ như giúp nhìn rõ hơn vào ban đêm, giúp kiến tạo và bảo trì răng, da, xương, giúp sự sinh sản bình thường.

Thiếu sinh tố A sẽ đưa tới giảm thị lực, đục giác mạc, còi cọc cơ thể, xương chậm phát triển, da khô có vảy, sỏi thận, giảm khả năng thụ thai, thai nhi kém tăng trưởng.

Vitamin A có nhiều trong dầu gan cá, gan, thận, sữa và các sản phẩm chế biến từ sữa như sữa chua, pho mát. Hiện nay, nhiều loại thức ăn điếm tâm như các loại ngũ cốc khô đều được tăng cường với sinh tố A, cho nên ít khi ta bị thiếu.

Ngược lại khi tiêu thụ quá nhiều sinh tố A có thể gây ra ăn mất ngon, nhức đầu, rụng tóc, mờ mắt, da khô, tính tình nóng nảy.



4- Xin chỉ cho cách cắt giảm chất béo trong món ăn.

Thực ra, chất béo rất cần vì chúng là nguồn cung cấp năng lượng quan trọng cho cơ thể, nhiều hơn là từ chất đạm và carbohydrates. Chất béo cũng có vai trò trong nhiều phản ứng sinh hóa học, cần thiết cho sự tăng trưởng của trẻ em, là thành phần cấu

tạo các hormon testosterone, estrogen, là dung môi hòa tan chuyên chở các vitamin A, D, E và K. Tuy nhiên nếu tiêu thụ quá nhiều chất béo thì có rủi ro mắc phải các bệnh tim, mạch máu.

Để cắt giảm chất béo trong thức ăn, có thể áp dụng mấy phương thức như sau:

- Trước khi nấu, hãy lọc bỏ tất cả các sợi mỡ mà ta nhìn thấy trên miếng thịt hoặc lẫn trong thịt băm. Với gà, vịt, loại bỏ da và lớp mỡ nằm ngay dưới da.

- Ăn cá vài ba lần trong tuần, đặc biệt các loại cá có nhiều chất béo omega-3 như cá hồi, cá ngừ, cá thu, cá trích. Cá càng lớn thì omega-3 càng nhiều.

- Khi nướng thịt, đặt thịt trên một cái vỉ, để mỡ chảy xuống dưới, thay vì ngấm vào thịt.

- Ninh hầm hoặc om thịt để chất béo thoát ra khỏi thịt rồi sau đó gạn bỏ.

- Món thịt có nhiều chất béo sau khi nấu, có thể để trong tủ lạnh. Chất béo sẽ đông lại ở bên trên và có thể được loại bỏ dễ dàng. Khi ăn, chỉ cần hâm nóng món ăn.

- Khi hâm món thịt, ta có thể làm thịt mềm ẩm mà không cần thêm mỡ. Hãy đập một lá cải xanh dưới nồi, đặt thịt lên trên rồi phủ với miếng cải khác. Châm thêm một chút nước dưới đáy nồi. Hâm như vậy, hơi nước sẽ làm cho thịt trở nên mềm và có hương vị ngon hơn.

- Xịt xoong chảo với chất chống dính trước khi chiên, như vậy không cần phải dùng đến bơ, dầu.

- Khi cần một chút dầu cho món ăn có vị béo, nên dùng dầu mè hoặc dầu olive loại tốt. Các dầu này có nhiều hương vị mạnh, do đó chỉ cần dùng mười giọt là đã có được một bát súp, món sà lách, đĩa rau ngon miệng.

- Thay thế bơ với các loại rau có mùi thơm như cà chua, hành, tỏi, nấm, ớt cũng làm tăng hương vị món ăn, như là với bơ vậy.

- Để ý các loại bánh bích quy mỏng, vì chúng thường có nhiều chất béo ma (Tranfasty-acid), không tốt cho cơ thể.

- Lựa cá hộp bảo quản với nước chứ không với các loại dầu.

- Dành một chút thời gian để đọc nhãn hiệu thực phẩm coi xem có những chất béo gì và số lượng nhiều ít ra sao.

Nói chung, để giảm chất béo, nên tiêu thụ nhiều cá, rau, trái cây, và các loại hạt nguyên vẹn.

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức M.D.

- 1) Thien FCK, Leung R, Baldo BA, et al. Asthma and anaphylaxis induced by royal jelly. Clin Exp Allergy 1996;26:216-22.
Leung R, Ho A, Chan J, et al. Royal jelly consumption and hypersensitivity in the community. Clin Exp Allergy 1997;27:333-6.
Yonei Y, Shibagaki K, Tsukada N, et al. Case report: haemorrhagic colitis associated with royal jelly intake. J Gastroenterol Hepatol 1997;12:495-9.
Takahashi M, Matsuo I, Ohkido M. Contact dermatitis due to honeybee royal jelly. Contact Dermatitis 1983;9:452-5.

Hòa thượng và chú Tiểu

HÀN LONG ẨN dịch

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

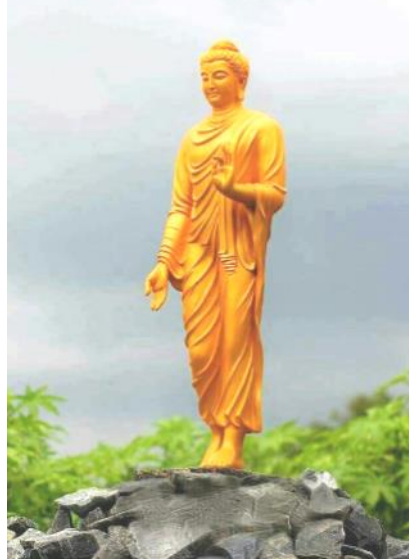
Một bữa nọ, Hòa thượng và chú Tiểu cùng đi hóa duyên. Hai thầy trò đi, đi mãi như thế mà không biết đã vượt qua bao nhiêu núi non trùng điệp, những rừng cây bạt ngàn hun hút. Hòa thượng ung dung tự tại đi trước, chú Tiểu vai mang tay nải leo đèo theo sau, hai người cùng săn sóc bầu bạn lẫn nhau. Chú Tiểu vừa đi vừa nghĩ trong lòng:

“Cuộc sống con người mấy mươi năm thật ngắn ngủi, phải trải qua sanh, già, bệnh, chết, luân hồi mãi trong vòng Lục đạo thật khổ vô cùng. Vì thế, nếu ta muốn tu hành để giải thoát cho mình và cứu độ tất cả chúng sanh thì nên mau mau lập chí nguyện Bồ-tát. Phải siêng năng tinh tấn, không thể giải đãi.”

Khi chú Tiểu nghĩ đến đây, Hòa thượng đang đi phía trước bỗng dừng chân lại, quay nhìn chú Tiểu và nói với nét mặt vô cùng hoan hỷ: “Này con, đưa tay nải ta mang cho. Con hãy đi phía trước ta!”

Chú Tiểu ngỡ ngác không hiểu đầu đuôi ngọn nguồn thế nào nhưng vẫn làm theo lời Hòa thượng dạy. Trút bỏ tay nải nặng nề, chú Tiểu ung dung đi về phía trước. Chú cảm thấy không có lúc nào nhẹ nhõm, thanh thản như lúc này.

Đi được một đoạn chú lại nghĩ: “À, mà trong kinh Phật có dạy, Bồ-tát phải tùy thuận sự mong cầu của tất cả chúng sanh mà thực hành hạnh Bồ-thí, cứu khổ muôn loài. Việc này khó quá, chắc mình làm không nổi! Và lại, cuộc sống trong thiên hạ khổ nạn nhiều như vậy, đến khi nào ta mới cứu độ hết được đây?! Thôi, chẳng thà ta tự lo cho bản thân, sống thong dong tự tại như lúc này thì thật là sung sướng biết bao!” Ý niệm này



vừa khởi lên, lập tức chú nghe giọng nói nghiêm nghị của Hòa thượng:

“Chú dừng lại!”

Chú Tiểu nghe vậy liền dừng lại và cảm giác như có điềm không lành đang xảy ra. Bước lên một bước, Hòa thượng quăng tay nải cho chú Tiểu và nói:

“Này, mang tay nải lên vai và đi theo sau ta!”

Chú Tiểu nghĩ thầm: “Làm người thật khổ! Vừa mới nhen nhóm chút niềm vui đó, thế mà chỉ trong nháy mắt nỗi buồn đã ập đến. Tâm niệm con người thật không biết đâu mà lường trước được. Đúng là “Tâm viên ý mã” mà! Hay là, để thực hành Bồ-tát hạnh, ta phải đối diện với những khổ nạn của kiếp sống này để rồi cùng với mọi người kết duyên lành, làm nhiều việc phước thiện, đem hạnh phúc an vui đến cho mọi người?!”

Ngay lúc đó, Hòa thượng lùi lại và nói chuyện với chú Tiểu một cách vui vẻ, tự mình vác tay nải lên vai và mời chú Tiểu đi trước.

Chú Tiểu lúc thì phát tâm, lúc thì thối tâm như thế cho đến lần thối tâm thứ ba, Hòa thượng cũng đối xử với chú Tiểu như hai lần trước. Cuối cùng, vì không thể chịu đựng được nữa, chú muốn giải mỗi hoài nghi trong lòng, liền bạch với Hòa thượng:

“Sư phụ à, hôm nay Ngài làm sao thế? Lúc thì bảo con đi lên phía trước, lúc thì bảo con lùi lại phía sau. Rốt cuộc là Sư phụ muốn con phải thế nào? Con mệt Sư phụ quá trời!”

Hòa thượng giữ vẻ điềm nhiên, ôn tồn nói:

“Con ạ, tuy rằng con có tâm tu hành nhưng đạo tâm của con chưa kiên cố: khi cảm động thì phát đại nguyện, khi ưu phiền thì thối thất Bồ-đề tâm. Tiến tiến thoái thoái như vậy thì đến khi nào mới thành Phật được?”

Nghe Hòa thượng dạy như vậy, chú Tiểu cảm thấy trong lòng vô cùng hổ thẹn. Ngay trong giây phút đó, chú lại khởi lên tâm Bồ-tát. Hòa thượng đọc được ý nghĩ đó và bảo chú đi lên phía trước. Lần này chú không dám đi trước nữa. Chú chân thành bộc bạch với Hòa thượng:

“Sư phụ à, bây giờ con đã thành thật phát tâm rồi! Kể từ nay trở đi, dù cho vật đổi sao dời, đại tâm đại nguyện của con lúc nào cũng kiên cố, một bước cũng không bao giờ thối chuyển.”

Hòa thượng nghe như vậy lòng vô cùng hoan hỷ, hết lời khen ngợi chú Tiểu. Trên đường về, hoa bên đường đua nhau nở rộ, những chú chim líu lo hót rộn rã trên cành. Hai thầy trò sánh bước bên nhau nói cười, tiêu diêu tự tại.



Cởi trời

(Tập 2, tức **Phương Trời Cao Rộng 5**)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

CHƯƠNG MƯỜI LĂM

(tiếp theo)

Xe chạy từ từ trên đường Lê Lợi. Mới sáng sớm đã thấy nhộn nhịp. Các hàng quán cà phê mở nhạc ngoại quốc vang dội từ lề đường này vọng tới lề đường bên kia. Xe chúng tôi chạy trên đường như chui qua cái hầm giao hưởng của những luồng âm thanh cực mạnh phóng vào nhau.

"Anh nghĩ gì mà im lặng quá vậy? Nói gì cho em nghe đi, kể tiếp chuyện của anh đi. Rồi về sau này, người ta có còn điều tra hay làm khó gì anh về chuyện cô Phương không? Có bao giờ họ tra tấn hành hạ, đánh đập anh không?"

"Đánh đập thì không, nhưng cố ý hành hạ thì có, để vào quán rồi anh kể cho nghe. Kia, đến góc Nguyễn Huệ, quẹo phải. Đúng rồi, tiệm nằm phía bên phải, chạy tới một chút, chậm chậm. Đây rồi, hình như quán này, ngừng ở đây đi."

Nàng dừng xe trên lề đường, gần chỗ gốc cây muồng trâu, khóa lại cẩn thận rồi cùng tôi bước vào quán.

Tôi rung động nhìn lại cảnh cũ của hơn hai năm trước. Quán khá vắng và còn nhiều bàn trống đã cho tôi cơ hội để chọn đúng cái bàn ở gần cửa kiếng ngó ra đường, nơi tôi đã cùng Mộng Huyền ngồi uống cà phê, nghe nhạc gần hết một buổi sáng sau khi vượt biên thất bại.

Nhưng khi đã chọn thức ăn thức uống rồi, nhìn lại thực tế trước mắt tôi với vẻ tươi trẻ trong sáng của thiếu nữ đối diện, tôi mới gạt bỏ đi hình ảnh của Mộng Huyền. Nàng không ngồi cùng một phía với tôi như Mộng Huyền mà ngồi phía đối diện, quay lưng ra đường. Tôi nhìn ngắm nàng. Nàng biết vậy nên hơi e lệ cúi xuống, tay vẫn vờ cái kẹp tóc vừa tháo ra để xỏ tung những lọn tóc đen nhánh óng ả.

"Anh thường uống cà phê ở đây trước khi vào tù hở?"

"Không, chỉ một lần thôi."

Đây cũng thuộc loại quán đắt tiền mà lại xa xôi, anh đâu có bỏ công tìm đến dữ vậy! Nhà em thì khá gần chỗ này nên mới đến thôi."

"Nhà chị Mộng Huyền cũng gần đây chứ đâu có xa lắm. Chắc là chị ấy rủ anh đến đây chứ anh đâu có tự tìm đến?"

Tôi cười. Nàng cũng cười một nụ cười khó hiểu, rồi tiếp, giọng buồn buồn:

"Anh đến đây để ôn lại kỷ niệm cũ?"

Tôi ấp úng một lúc rồi trả lời:

"Ban đầu thì có ý như vậy, nhưng sau đó, ngồi nhìn em, anh đã trở về với thực tại bây giờ, ở đây."

"Một nghệ sĩ nói vậy thì em không tin lắm đâu, nhưng một nhà tu thì em tin. Anh là nhà tu hay nghệ sĩ?"

"Anh không rõ. Dường như trong anh có đủ cả hai."

"Em thích vậy."

"Thật à? Sao vậy?"

"Thầy tu thì khắc khổ, nghiêm chỉnh, co rút, sống lúc nào cũng giữ gìn thứ này thứ nọ... Nghệ sĩ thì lãng mạn, phóng

khoảng, đôi khi bữa bãi, hoang
ngịch. Hai mẫu người ấy hòa
nhập với nhau làm một thì thành
một mẫu trung dung, khá lý
tưởng, dễ chịu hơn. Tôi nghiệp chị
Mộng Huyền quá hả. Theo cách
anh kể, em thấy chị ấy nhí nhảnh,
dễ thương. Nếu anh chung sống
với Mộng Huyền, chắc là có hạnh
phúc. Đây lý cà phê này, mình
tưởng nhớ đến chị ấy, cầu nguyện
cho chị ấy."

Tôi nghe nàng, nhìn nàng,
chưa thực sự hiểu được có ẩn ý gì
trong câu nói của nàng không.
Một lúc, tôi nói:

"Lúc ấy anh không hề nghĩ
đến chuyện chung sống..."

"Nhưng anh có yêu chứ?"

"Phải, có yêu."

"Có yêu là tốt rồi. Ít ra trước
khi chị ấy nằm xuống cũng ngầm
cảm nhận được tình yêu của anh.
Về lại, con người sống ở đời rất
cần tình yêu, không phải chỉ được
yêu mà còn phải yêu nữa; sống
mà trở ra như gỗ đá thì cũng một
lắm."

Vẫn còn ngờ ngợ với những ý
tưởng của nàng, tôi im. Nàng nhìn
tôi, mỉm cười. Nét mặt nàng lúc
ấy khoan dung, thánh thiện thế
nào ấy. Tôi nghĩ nàng đã nói
những lời trung thực, không phải
ghen tuông nhỏ mọn. Và tôi càng
yêu quý nàng nhiều hơn. Để tránh
lần ảnh sáng chói lòa từ ngoài
chiếu vào, tầm mắt tôi dán vào
hình bóng mờ ảo dịu dàng của
nàng... Tôi ngắm nàng, say đắm.

"Nếu anh quên Mộng Huyền
thật nhanh thì anh cũng sẽ quên
người khác thật nhanh. Chính sự
tưởng nhớ của anh đối với Mộng
Huyền chứng tỏ tình cảm của anh
ra sao. Anh chung tình như vậy
thì tốt, thực đó. Người nào đến với
anh sau Mộng Huyền, sẽ không
bao giờ mong đợi anh là người vô
tình, phải vậy không?"

Tôi gật đầu, hoang mang.
Nàng khuyến khích tôi kể lại câu
chuyện giữa tôi với Mộng Huyền
hai năm trước. Tôi kể vắn tắt, cố
giữ giọng bình thản, vô tư, nhưng
rồi xúc cảm cũng dâng lên ngập
trong lòng một lúc. Nàng đưa ly
trà nóng cho tôi uống. Uống xong,
tôi thấy nhẹ nhõm, như thể câu
chuyện của tôi và Mộng Huyền kể
từ giờ phút này, mới bắt đầu khép
lại thực sự trong đáy sâu của kho
tàng kỷ niệm.

"Cám ơn em," tôi nói. "Thôi
bây giờ để anh quay trở lại thời
gian ở trại B5 nghe, để em biết sơ
về chuyện người ta tống anh vào
biệt giam, buồn cười lắm."

Quả nhiên ngày hôm sau,
như Nhiều có nói trước, Khoa
đến phòng giam, gọi tên tôi ra
ngoại làm việc.

Ở hai cái bàn gỗ dài sơn đỏ
dưới tầng cây trướng cá, một tập
công an chừng bảy, tám người,
mặc đồng phục ngồi sẵn ở đó.
Trước đây họ đã đón chờ tôi hai
lần như vậy. Nhưng lần này
khác hơn, vì khi tôi theo Khoa
gần đến nơi, cả tập công an
cùng lục tục đứng dậy hết; rồi
theo lệnh của viên quản giáo
chỉ huy mập mạp (tức Sáu,
chàng cán bộ trung niên từng
một thời theo đuổi Phương),
tập công an tề thành hai hàng,
có vẻ chờ đợi Khoa đưa tôi đến
gần. Khoa nói với tôi:

"Anh cứ việc đi theo quản
giáo Sáu."

Rồi Sáu đi trước, tôi đi kể,
Khoa cùng tập công an kia
bước theo, hai bên và phía sau
tôi. Họ đưa tôi đến một dãy
phòng, tôi đoán là nằm phía
bên trái của dãy bệnh xá, vì
thấp thoáng phía bên phải, tôi
có thể nhìn thấy những nhánh
phượng của bệnh xá vươn khỏi

dãy nhà quét vôi vàng ẩn hiện sau
hàng dâm bụt. Tôi chưa quên là
bên dưới những nhánh phượng gợi
đầy kỷ niệm học trò đó, đã có một
thời xảy ra lịch sử trốn trại kỳ thú
của Phương và dị nhân Hoàng
Ngọc Chân-cuộc trốn trại mà
đáng ra tôi nên tham gia, an toàn
hơn là cần đến một lọ thuốc đỏ và
một bạch thuốc ngủ.

Trong bóng tối của một căn
phòng khá rộng đóng kín cửa sổ,
tôi thấy ở giữa có đặt một chiếc
ghế đầu vuông. Sát với vách bên
trong, có vài chiếc ghế dựa, có
một người nào đó đã ngồi sẵn ở
đó, chỉ thấy áo trắng, quần dài
đen, không thấy rõ mặt. Sáu bảo
tôi ngồi vào ghế đầu, còn anh thì
ngồi vào một trong những chiếc
ghế dựa đối diện, bên cạnh nhân
vật ngồi sẵn kia. Một vài người
trong số công an đi theo bước
vào, số còn lại đứng bên ngoài. Số
công an bước vào đóng chặt cửa
chính làm cho căn phòng tối mịt,
không còn thấy được dạng người
nữa. Bất thành lịnh một ngọn đèn
từ phía trên, chỗ Sáu ngồi, được
bật lên, chiếu một luồng sáng
vàng nhảm thẳng vào mặt tôi. Với
luồng sáng hội tụ này, dĩ nhiên chỉ
có họ đứng trong bóng tối mới
thấy rõ tôi, còn tôi chỉ thấy chóa



và nhức mắt, tránh luồng sáng thì chỉ thấy một vùng tối đen chung quanh.

"Mở mắt ra, nhìn thẳng về hướng này," giọng của Sáu vang lên.

"Ngồi im, không được nhức nhích," một giọng khác tiếp theo lời Sáu, tôi đoán là của nhân vật bí mật kia—giọng Bắc của một người khá lớn tuổi, nói với vẻ hăm dọa.

Hai mắt hơi nheo lại, tôi phải cố gắng lắm mới nhìn thẳng được về phía đối diện, chờ đợi xem họ giờ trò gì. Chắc là một màn tra tấn khủng bố tinh thần. Tôi tự nghĩ, sao đến bây giờ họ mới áp dụng màn tra tấn này mà không phải là từ lúc mới bắt đầu vẫn cung. Hồ sơ thẩm cung của tôi đã kết thúc từ lâu rồi mà!

"Anh Khang, anh có biết anh phạm tội gì không?" giọng Bắc khàn khàn bần gặt của người lớn tuổi khị nẩy lại cất lên.

"Hỗ trợ lực lượng Phục quốc," tôi nói.

"Đó là cái tội nguyên ủy mà anh bị bắt vào đây, còn cái tội mới đây, thuộc phạm vi sinh hoạt trại giam, anh có biết tội gì không?"

"Không," tôi mạnh dạn nói, nhưng trong lòng hơi hồ nghi, tự nghĩ "Lẽ nào họ biết chuyện mình dự tính vượt trại?"

"Không? Anh thực không biết à?"

"Không," tôi khẳng định.

"Thế không phải anh đã móc nối với các bị can người Tàu để cung cấp bí mật quốc gia cho gián điệp Trung quốc sao?"

"Không, làm gì có chuyện đó. Các anh chỉ tưởng tượng thôi."

"Tưởng tượng, anh dám nói với chúng tôi ngang ngược bố láo như thế ă?"

"Tôi chỉ nói sự thực chứ có nói gì đâu mà gọi là ngang ngược bố láo."

"Im! Anh chỉ được quyền trả lời các câu hỏi của chúng tôi thôi, không được nói vòng vo ngoài lề."

"Tôi xin đi vào trong lề: các anh chỉ tưởng tượng cái chuyện móc nối với gián điệp Trung quốc. Thực ra không làm gì có chuyện đó."

"Thế tại sao ở phòng giam anh làm gì mà cứ xâm xị to nhỏ với mấy người Tàu, từ mấy người Tàu Chợ Lớn vượt biên như Thái, Vinh, Soái, đến mấy người Tàu Nùng như Sang, Dưỡng, Quái, Dần... Chẳng phải là anh đang tổ chức kết hợp bọn Tàu để làm nội gián cho Trung quốc đánh chiếm nước

ta hay sao?"

"Không bao giờ có chuyện đó."

"Thế thì trả lời đi, anh nói chuyện gì với mấy người Tàu?"

"Chuyện gì à? Làm sao mà nhớ được."

"Phải nhớ lại hết, thành thực mà cung khai. Anh đã nói những chuyện gì với họ?"

"Hừm, chuyện gì à? Thì chuyện học hành, sách vở, buôn bán, gia đình, bạn bè, cảnh đẹp..."

"Đấy, đấy, những thứ ấy đều liên quan đến tình hình kinh tế, chính trị và xã hội nước ta, gián điệp Trung quốc có thể dựa vào đó mà nắm vững tình hình. Đấy chẳng phải là tiết lộ bí mật quốc gia sao chứ!"

"Thiệt là nhảm! Vậy chứ ở trong tù phải câm miệng đi à?"

"Anh nói cái gì, anh nói ai nhảm?"

"Đấm bỏ mẹ nó đi," một giọng nào đó phụ họa.

Rồi tất cả chìm vào im lặng trong một lúc. Có tiếng chiếc ghế dựa rục rịch một chút, nhưng rồi cũng im.

"Anh không được quyền chơi thân với mấy người Tàu trong phòng giam," ông già người Bắc lên tiếng trở lại.

"Nội qui trại không có điều nào nói về khoản này," tôi nói.

"Cái đó cũng thuộc về bí mật quốc gia, làm sao mà ghi vào nội qui được, anh phải hiểu chứ."

"Đó là hình thức phân biệt đối xử, đi ngược với tinh thần hòa hợp dân tộc, đi ngược lại với hiến pháp."

"Hiến pháp? Anh cũng xài hiến pháp nữa à? Hiến pháp của nhà nước xã hội chủ nghĩa đâu phải là luật lệ chung chung mà ai cũng xài được, nhất là hạng người phản động sẵn sàng bán nước cho ngoại bang như anh!"

"Tôi không bán nước."

"Vậy anh ghi ghi gạch gạch cái gì cho mấy thằng Tàu học tối học lui?"

"Thì ghi chữ Tàu chứ ghi cái gì."

"Chữ Tàu, ai lại chẳng biết anh ghi chữ Tàu, thế nhưng chữ Tàu đó nói cái gì chứ? Chẳng phải anh ghi những âm số mật mã, bí mật quốc phòng cho bọn Tàu học thuộc lòng rồi chúng đem ra nhả với gia đình, gia đình đem đi nhả cho bọn gián điệp Trung quốc sao?"

"Không. Mấy anh Tàu Nùng không biết chữ Tàu, chỉ biết nói thôi. Họ yêu cầu tôi dạy chữ Tàu cho họ."

"Thế ông Thái, thằng Vinh và thằng Soái là Tàu Chợ Lớn, Bạc Liêu, họ đều biết chữ cả mà sao anh cũng ghi ghi gạch gạch chữ Tàu với họ?"

"Tôi học cách đọc chữ Hán theo giọng Quảng của Vinh, giọng Triều của Soái và Phổ thông của ông Thái."

"Anh học nói tiếng Tàu làm quái gì cơ chứ?"

"Tôi có biết chút ít chữ Hán mà lại không biết nói, nhân có họ thì cũng học nói cho vui, có hại gì ai đâu mà không học. Và lại, trong tù ở không làm gì mà chẳng chịu học! Đâu thấy nội qui cấm đoán gì chuyện đó."

"Nội qui không cấm chuyện học và viết, nhưng cấm đem gạch, đá, sỏi, bút, giấy, mực, dao, cây, mũi nhọn, dây... vào phòng giam. Vậy chứ anh lấy thứ gì để viết mấy chữ Tàu xuống nền, hả? Anh lấy gạch để viết, đừng có chối. Lấy gạch đem vào phòng giam là phạm nội qui rồi, phải không?"

"Phải, tôi có đem gạch vào phòng giam, một viên gạch nhỏ xíu bằng đầu ngón tay út."

"Nhỏ xíu cũng là gạch."

"Thì tôi nhận, tôi có chối đâu. Tôi đem một viên gạch nhỏ vào phòng giam: tôi phạm nội qui trại giam."

"Không phải chỉ phạm nội qui: anh còn phạm vào chuyện tiết lộ bí mật quốc phòng của nhà nước ta nữa."

"Tôi hoàn toàn không tiết lộ gì với họ về quốc phòng, mà họ cũng chỉ là những người Hoa vượt biên, muốn ra khỏi nước để làm ăn buôn bán dễ hơn, chẳng có ý đồ làm gián điệp hay chính trị gì cả."

"Sao anh biết họ không phải là gián điệp Trung quốc?"

"Thì... nói chuyện vui chơi với nhau nhiều ngày, có bao giờ tôi thấy họ đá động gì đến chính trị đâu. Chỉ nói toàn chuyện gia đình vợ con..."

"Có nghĩa là anh có chờ đợi họ nói chuyện chính trị nhưng chẳng bao giờ thấy họ đá động đến?"

"Tôi không bao giờ chờ đợi gì ở họ cả. Tôi giao tiếp với họ như bao nhiêu bạn tù khác trong phòng giam. Tất cả những câu chuyện nói với nhau chỉ là thăm hỏi xã giao bình thường."

"Bình thường như những bạn tù người Việt khác, thế sao anh

không dạy chữ Việt cho người Việt lại đi dạy chữ Tàu cho người Tàu, nghĩa làm sao? Anh phải có ý đồ tuyên truyền văn hóa gì đấy chứ!”

“Trong phòng giam có ai yêu cầu tôi dạy tiếng Việt đâu mà dạy. Nếu có người yêu cầu thì tôi cũng sẵn sàng thôi.”

“Thế trong mắt anh, anh có phân biệt những người trong phòng giam, ai là người Tàu, ai là người Việt không?”

“Ừm... mấy người Tàu họ biết nói tiếng Tàu nên phải biết rằng họ là người Tàu, mấy người Việt chỉ nói tiếng Việt, chẳng bao giờ nói tiếng Tàu nên biết họ là người Việt. Cái đó ai mà chẳng phân biệt được, đâu phải chỉ mình tôi. Nhưng trong thâm tâm, tôi coi người Việt hay Tàu gì cũng như nhau cả, vì tất cả đều cùng sinh ra và lớn lên trên đất nước này.”

“Đấy, đấy là lời anh nói nhé: Việt hay Tàu gì cũng như nhau cả. Anh lập lại ý anh một lần nữa xem nào!”

“Sinh ra trên cùng một đất nước, nói cùng một ngôn ngữ, sống chung trong một chế độ, bị tù chung trong một trại giam, tôi thấy giữa mấy người Tàu đó và

những người Việt trên đất nước này, đều như nhau cả.”

“Thế thì khi đất nước này bị Trung quốc xâm chiếm, đặt quyền thống trị, anh thấy cũng thế thôi, người Tàu hay người Việt cũng chẳng có gì khác biệt, phải thế không?”

“Đó lại là chuyện khác. Tôi đã nói rồi: những người Tàu cùng sinh ra và trưởng thành trên đất nước này! Các anh đừng bỏ chữ vào miệng tôi. Hơn nữa, chuyện ở tù chung với nhau, làm bạn với nhau, khác với chuyện tử ngoài đánh vào xâm chiếm và cai trị đất nước chứ!”

“Bây giờ thì Trung quốc đã bị quân đội ta dạy cho một bài học nên thân rồi, chẳng làm quái gì được nước ta nên chưa biết thái độ anh như thế nào, nhưng điều rõ ràng trước mắt là khi Đảng lãnh đạo đất nước thì anh chống đến kỳ cùng, chống hăng say, không biết mỏi mệt. Chẳng phải anh phân biệt, khinh bèn này trọng bên kia sao? Anh họ Vinh, phải không? Người Việt ta đâu có họ Vinh. Vinh là họ Tàu mà. Nếu anh không phải người Tàu thì tổ tiên gì đó của anh cũng người Tàu... cho nên bây

giờ anh mới có hứng thú học chữ Tàu, học nói tiếng Tàu, phải thế không?”

“Không. Vinh chẳng phải họ của tôi. Họ của tôi là Nguyễn Phúc. Tên viết đầy đủ của tôi là Nguyễn Phúc Vinh Khang. Ông tổ của tôi húy là Nguyễn Phúc Anh, chẳng liên can gì đến Tàu cả.”

“Họ của anh là Nguyễn Phúc, thế sao lâu nay anh chỉ khai tên anh là Vinh Khang? Có điều gì âm mưu trong việc che giấu này chẳng? Tại sao không để là Nguyễn Phúc Vinh Khang mà chỉ để là Vinh Khang? Hẳn là anh muốn lấy một cái tên gì cho nó ra vẻ Tàu vì anh có cảm tình với Tàu! Hừm, Vinh Khang, đọc lên nghe như tên một hiệu thuốc Bắc nào đó của mấy ông thầy Tàu Chợ Lớn. Rõ ràng là anh có ý đồ. Này này, anh cười gì cơ chứ! Ai cho phép anh cười?”

Tôi không nói.

“Anh có nghe tôi hỏi không? Anh cười cái gì? Sao không trả lời tôi?”

“Tôi biết các anh đang cố tình gán ép cho tôi một trọng tội gì đó để có cơ mà trừng phạt trả thù nặng đối với tôi, nên cứ chăm chăm moi móc hết kể hồ này đến kể hồ khác... Hừ, thực ra đâu cần phải mất công dử vậy. Các anh muốn tổng tôi vào biệt giam ư? Thì cứ việc cho vào biệt giam. Muốn đem tử hình ư? Thì cứ việc tử hình. Đó là quyền của các anh. Nhưng các anh không buộc tội tôi được đâu. Các anh không có bất cứ bằng chứng nào để kết tội tôi cấu kết với Trung quốc đâu. Các anh biết rõ điều đó rồi mà giả đồ đó thôi. Còn chuyện tôi chống đối đó hả, tôi xin thưa: bất kỳ người Tàu, người Pháp, người Nhật, người Mỹ, người ngoại quốc hay ngay cả người Việt Nam nào xâm chiếm nước tôi, áp bức dân tôi, tước đoạt tự do của dân tôi, tôi đều quyết đem thân mạng này ra mà chống lại họ cho đến cùng. Tôi không có bất kỳ một tham vọng chính trị nào, tôi không cần bất cứ một cái ghế chính quyền nào từ cấp trung ương cho đến hạ tầng. Tôi chỉ nói, chỉ làm cái ý nguyện thiêng liêng của toàn dân. Ý nguyện được sống an bình, tự do. Vậy thôi.”

“Ừ, anh gan lắm, anh oai hùng lắm, nhưng anh chẳng hiểu gì tài lãnh đạo của Đảng và Nhà nước cả. Anh chưa phân biệt được cái hay, cái dở, cái đúng, cái sai. Anh chỉ nói, chỉ hành động búa xua theo cảm tính của anh hoặc



theo sự xúi giục của ngoại nhân mà thôi. Tốt, tốt, anh dám nổi anh chống Đảng và Nhà nước. Vậy đủ rồi. Cho anh vào biệt giam để anh tự suy nghiệm lại những sai lầm của anh. Đưa nó vào đi."

Hai người đến cặp nách tôi, kéo tôi đứng dậy, đưa tôi bước về phía cửa. Ở ngoài, Khoa và vài viên công an đứng chờ, thấy cửa mở thì xúm tới. Sáu bước ra trước, nói:

"Cho về phòng 7 lấy đồ đạc cá nhân rồi đưa vào biệt giam kín."

Một vài công an cùng Khoa đưa tôi đến khu trại. Từ đây, họ quay đi để Khoa một mình đưa tôi vào phòng giam số 7. Khoa vừa đi vừa nói nhỏ với tôi:

"Sao mặt anh hiền lành mà anh lại hành động với anh nói cứng cỏi quá! Chỉ tổ hại thân thôi anh Khang ạ."

Tôi cười, tính nói một câu gì với Khoa, những nghĩ sao lại thôi.

Mặt trời đã chìm khuất ở phương tây nhưng trời hãy còn ửng đỏ, ửng tím, hắt bóng chiều về phía phòng giam. Khoa mở cửa sắt cho tôi bước vào phòng giam rồi khóa lại ngay. Khoa nói anh đi qua phòng giam số 8 rồi sẽ trở lại đưa tôi đi. Có lẽ anh muốn cho tôi cơ hội để từ giã bạn bè trong phòng.

Tôi đến chỗ của mình lấy cái giỏ xách. Nhiều, Quái, Dưỡng và một số bạn tù xúm đến, hỏi:

"Sao thầy Khang, thầy đi biệt giam hả?"

Tôi gật đầu. Cả phòng giam xôn xao lên. Chỉ có Nhiều là bình tĩnh, tranh thủ dúm vào giỏ xách của tôi một vài món quà gì đó, rồi nói:

"Thầy Khang giữ sức khỏe nghe. Chúc bình an. Có gói bột này, thầy đem theo cầm cự khi đói."

Quái với Dưỡng cũng dúm thêm mì và miến khô cho tôi. Mấy người Tàu, cho đến bao nhiêu bạn bè già trẻ đều xúm xít dúm quà vào giỏ xách của tôi. Tôi đưa một tay lên cảm ơn và vẫy chào tất cả, và tự dưng tôi xúc động đến rưng lệ như thể tôi sẽ không còn cơ hội nào để gặp lại họ nữa.

*(còn tiếp - mời đọc
Cời Trói tập 2, Chương 16)*

ĐÓA HOA THIÊNG

*Rời một ngày phải đến
Ôi giây phút lia xa
Cơn vô thường sinh tử
Những nỗi buồn trong ta*

*Người lang thang sáu cõi
Lênh đênh kiếp luân hồi
Đâu thân bằng quyến thuộc
Chỉ một mình đơn côi*

*Người về nơi nắng lóa
Còn trao nhau nụ cười
Vô ưu đôi mắt khép
Nhủ đời quán trọ thôi*

*Ai hay trời phương ngoại
Bát ngát cõi sen miền
Chợt nhận ra tịnh độ
Tâm này đóa hoa thiêng...*



NGHÌN NĂM SAU TRƯỚC...

*Hoàng hôn cát giọt nắng tàn
Thình không về muện mây ngàn ham chơi
Gió về núm chiếc lá rơi
Trần gian quán trọ người rời về đâu ?*

*Biển xanh nào hóa nương dâu
Hình kia bóng nọ tan vào ảo mơ
Như chưa từng có bao giờ
Nghìn năm sau trước như tờ lặng im...*

THỔ...

*Vẫn là hoa lá chim ca
Vẫn ta mỗi sớm thở ra thở vào
Vẫn là mây trắng trời cao
Cảm ơn hơi thở còn vào còn ra...*

thơ TỊNH BÌNH

The Story of Thera Sariputta

Dhammapada, Verse 392

Translated by **DAW MYA TIN, M.A.**

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (392) of this book, with reference to the Venerable Sariputta.

The Venerable Sariputta was born of brahmin parents of Upatissa village; that was why he was named Upatissa. His mother was Sari. His very close friend was Kolita, another brahmin youth, son of Moggali. Both the youths were searching for the right doctrine, which would lead them to liberation from the round of rebirths, and both of them had a great desire to enter a religious Order. First, they went to Sancaya, but they were not satisfied with his teaching. Then they wandered all over Jambudipa looking for a teacher who would show them the way to the Deathless, but their search was fruitless. After some time, they parted company but with the

understanding that the one who found the true dhamma first should inform the other.

About that time, the Buddha arrived at Rajagaha with a company of bhikkhus, including Thera Assaji, one of the group of the first Five Bhikkhus (Pancavaggis). While Thera Assaji was on an alms-round, Upatissa saw the thera and was very much impressed by his noble countenance. So Upatissa respectfully approached the thera and asked who his teacher was, what doctrine his teacher taught, and also briefly to explain the doctrine to him. Thera Assaji then told Upatissa about the arising of the Buddha and about his sojourn at the Veluvana monastery in Rajagaha. The thera also quoted a short stanza connected with the Four Noble Truths.

The verse runs thus:

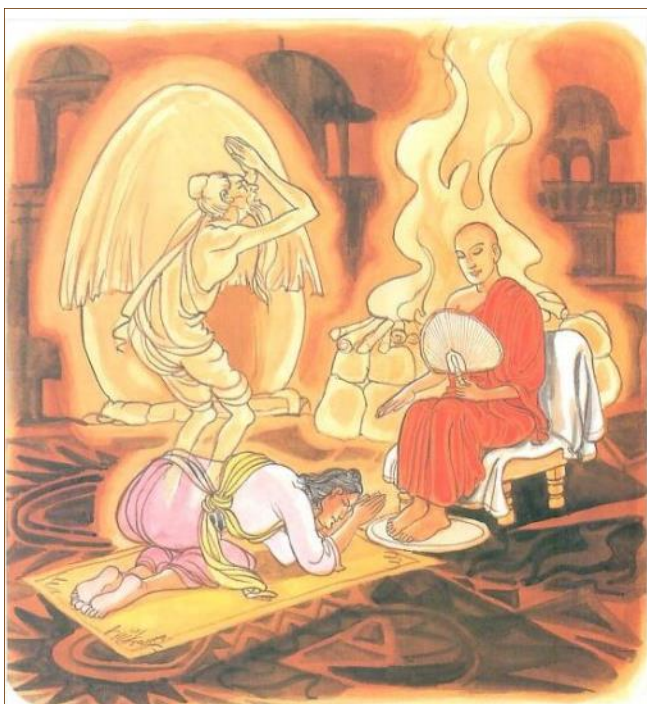
*Ye dhamma hetuppa bhava
tesam hetum tathagato aha
tesanca yo nirodho
evam vadi maha samano.*

It means:

The Tathagata has declared the cause and also the cessation of all phenomena which arise from a cause. This is the doctrine held by the Great Samana.

When the verse was only half-way through, Upatissa attained Sotapatti Fruition.

As promised, Upatissa went to his friend Kolita to inform him that he had found the true dhamma. Then the two friends, accompanied by two hundred and fifty followers, went to the Buddha who was then at Rajagaha. When they arrived at the Veluvana monastery, they asked permission to enter the Buddhist Order, and both Upatissa and Kolita, together with their two hundred and fifty followers, were admitted as bhikkhus. Upatissa, son of Sari, and Kolita, son of Moggali, then came to be known as Sariputta and Moggallana. Soon after their admission to the Order, the Buddha expounded to them a dhamma and the two hundred and fifty bhikkhus attained arahatship; but Moggallana and Sariputta attained arahatship only at the end of seven days and fifteen days respectively. The reason for the delay in their attainment of arahatship was that they had made a wish for Chief Discipleship, which required much more



Him who teaches the true Buddha word one should honour, as does a brahmin the sacred fire.

392. *Yamhā dhammaṃ vijāneyya
sammāsambuddhadēsitāṃ
sakkaccāṃ taṃ namasseyya
aggihuttāṃ'va brāhmaṇo.* (26:10)

From whom one knows the Dhamma
by Perfect Buddha taught
devoutly one should honour them
as brahmin sacred fire.

striving to achieve perfection.

The Venerable Sariputta always remembered that he had been able to meet the Buddha and attain the Deathless through the Venerable Assaji. So, he always paid obeisance in the direction where his teacher was and he always went to bed with his head lying in the same direction. Other bhikkhus who were staying with him at the Jetavana monastery misinterpreted his actions and said to the Buddha, "Venerable Sir! The Venerable Sariputta still worships the various directions, viz., the East, the South, the West, the North, the Nadir and the Zenith, as he has done before as a brahmin youth; it seems as if he has not yet given up his old beliefs." The Buddha sent for the Venerable Sariputta and Sariputta explained to the Buddha that he was only paying obeisance to his teacher, the Venerable Assaji, and that he was not worshipping the various directions. The Buddha was satisfied with the explanation given by the Venerable Sariputta and said to the other bhikkhus, "Bhikkhus! The Venerable Sariputta was not worshipping the various directions; he was only paying obeisance to his teacher and benefactor, through whom he had attained the Deathless. It is quite right and proper for him to pay homage to such a teacher."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 392: If from somebody one should learn the Teaching of the Buddha, he should respectfully pay homage to that teacher, as a brahmin worships the sacrificial fire.

Translated by
DAW MYA TIN, M.A.,
Burma Pitaka Association,
Rangoon, Burma.



BỒ TÁT THỊ HIỆN

*Thế gian sương khói mịt mùng
Nào nề nghe tiếng chim rừng khóc con
Thôi đừng khóc nữa chim ơi
Người, thú khi chết luân hồi kiếp sau
Rồi ta sẽ gặp lại nhau
Hàn huyền kể chuyện kiếp xưa, đời này
Cõi trần sanh-tử đổi thay
Hết sinh đến diệt muôn vàn đấng cay
Đâu còn như trước hình hài
Khi người, khi thú, khi là hạt sương
Ngoại trừ những bậc Cao Tăng
Thấp lên trí tuệ đường vào Chân Không
Tâm như mây trắng thông dong
An nhiên tự tại cõi trời vân du
Phàm phu tâm loạn rối mù
Ái yêu, thương ghét hồn như đau thương
Oan gia, nghiệp chướng còn vương
Đời như sóng cuộn có không mấy hồi
Lênh đênh sáu cõi luân hồi
Ngục lặn bể khô bao giờ mới thôi?
Bồ Tát thị hiện vào đời
Cứu nhân, độ thế chơi vui giữa dòng.*

THIỆN HÀNH

*Bồng dung đất nở hoa vàng
Thảm xanh cỏ đón hàng hàng bước đi
Bước chân trí tuệ diệu kỳ
"Nhất tâm bất loạn" chẳng gì lao xao
Chúng sanh vọng động xôn xao
Khiến cho đời mãi lao đao đường trần
Thiền cho tuệ giác phát sanh
Nhận ra tánh Phật bốn tâm chân thường
Gió Thiền thổi mát tâm hồn
An nhiên trước cảnh có không đời đời.*

thơ **DIỆU VIÊN**

Cái đuôi chó xoắn ruột gà

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU

(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Ngày xưa, có một anh rất nghèo, cùng quần đến mức không tiền mua vật thực để sống lây lất với vợ con dưới mái tranh xơ xác.

Ngày kia, đang lúc than van số phận hẩm hiu cùng vợ, anh ta sức nhớ có nghe ông bà thuật rằng: "Ai có phước nhờ thần linh phù trợ thì được cấp vô số bạc tiền". Do đó, anh bèn thành tâm cầu Trời khẩn Phật ban cho cái phúc hỷ hữu. Khẩn vái xong, anh cất bước ra đi khỏi làng, lang thang cùng rừng khắp núi.

Rồi một buổi sáng nọ, bước chân đưa anh ta đến gần một động đá cheo leo dựa triền non, kể bên một vực thẳm. Một dị nhân đang ngồi luyện phép. Anh ta sụp lạy lia lịa, xin ban cho mình một vị Thần linh. Thấy lạ, dị nhân mới hỏi cố sự.

- Bạch Thầy, con xin thỉnh một vị Thần linh, mong thầy thương xót mà ban cho ăn huệ đó.

- Người chớ khá nghĩ đến chuyện ấy! Trở về đi!

Bữa sau anh nghèo lại tìm đến than van, quỳ lạy dị nhân, cố sức nài nỉ cho được một vị thần linh. Chung cuộc bị quấy rầy quá,

tham thiền không được, dị nhân buộc lòng phải nhận lời thỉnh cầu và nói rằng:

- Thôi, ta cho ngươi phép này! Hễ đọc câu thần chú của ta truyền thì Thần linh hiển hiện và thi hành mọi việc ngươi xin. Nhưng ngươi phải nhớ kỹ lời ta dặn mới được! Là các Thần linh thì hung tợn lắm. Phải cắt việc cho Thần linh mãi mãi thì người mới yên thân, nhược bằng không có việc để cho Thần ở không, thì Thần vật người lập tức.

- Bạch Thầy, việc đó không sao cả. Tôi sẽ cậy Thần làm việc suốt đời không hết.

Xong đầu đó, anh ta quay trở xuống núi, băng vô rừng sâu, lập đi lập lại câu thần chú cho thuộc lòng. Nào ngờ thỉnh linh một vị Thần hiển hiện trước mắt. Thần khổng lồ, hình thù dữ tợn, quát lớn rằng:

- Ta là Thần linh! Phải cắt việc lập tức! Để ta rồi, ta nuốt sống ăn tươi một tòa cung điện!

- Đem vàng bạc đây!

- Đủ hết rồi đó!

- Phá rừng này dựng lên một đô thị!

- Đã hoàn thành!

Đến đây chàng ta phát sợ, run cầm cập, nghĩ thầm: "Biết cắt việc chi bây giờ? Làm như nháy mắt, ai xây trở lại cho kịp".

- Cắt việc cho mau! Không thì ta nuốt sống!

Chàng ta hoảng hốt, không việc chi mà cắt, tức tốc chạy nhào lên động đá, quỳ lạy dị nhân, cầu xin cứu mạng.

- Chuyện chi vậy?

- Bạch Thầy, thần lệ quá. Không còn việc đòi nuốt tôi.

Chàng ta vừa dứt lời thì Thần hiển đến ngay, toan nuốt sống, làm gã kinh hồn, chạy núp sau lưng dị nhân.

- Thôi, ta chỉ cho một cách.

Con chó này có cái đuôi xoắn ruột gà. Người lấy dao chặt đuôi nó, giao cho Thần uốn thẳng, mau đi!

Hắn lật đật chặt đuôi chó trao liền cho Thần.

- Kéo ra ngay!

Thần lãnh lấy đuôi chó, ráng vuốt cho ngay, rồi buông ra thì xoắn lại như cũ. Thần lại vuốt đuôi chó lần thứ nhì rồi buông ra thì đuôi chó cũng xoắn lại in như lần trước. Làm lại, làm lại mãi, làm như thế ấy trong bao nhiêu lần không kể xiết... sau cùng, Thần bị kiệt sức chịu thua, nói lên rằng: "Bình sinh ta chưa gặp việc nào khó khăn như vậy! Ta chẳng phải bất tài, nhưng cậy việc này thì ta chịu thua!"

(Trích chính bản Thanh Nguyên:

"Cuộc đời nào khác chi cái đuôi chó xoắn ruột gà! Đã bao thế kỷ lần trôi, con người vẫn ráng sức uốn cái đuôi chó xoắn lại cho ngay, mà nó không thể nào ngay được cả. Buông ra, nó lại xoắn lại. Trò đời vẫn éo le, tình người vẫn đen bạc, kẻ đi trước phải học lấy bài học kinh nghiệm ấy, rồi người đi sau cũng khinh suất mà sa ngã vào cạm bẫy của đục tình.")

